

THỜI KHÓA BIỂU CHÍNH THỨC HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2022_2023

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV ĐK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
1	3DC001 DC	3	Toán cao cấp(222)_01	45	41	LT	Lê Hồng Sơn	30/01-21/05/23	16	7,8,9	A2.504											Ghép: CDTDHCK48A	CDCQ 48
2	3DC001 DC	3	Toán cao cấp(222)_02	64	48	LT	Lê Hồng Sơn	30/01-21/05/23	16			1,2,3	A2.401									CDDCNCK48A 1	CDCQ 48
1	2DC011 DC	2	Hóa học đại cương 1 (+ Thí nghiệm)(222)_01	60	61	LT	Phan Thị Hoa Nam	20/02-04/06/23	15			3,4	A2.105									DHOTOCK17A 1	DHCQ 17
2	2DC011 DC	2	Hóa học đại cương 1 (+ Thí nghiệm)(222)_02	60	62	LT	Phan Thị Hoa Nam	20/02-04/06/23	15					3,4	A2.105							DHOTOCK17A 2	DHCQ 17
3	2DC011 DC	2	Hóa học đại cương 1 (+ Thí nghiệm)(222)_03	60	55	LT	Phan Thị Hoa Nam	20/02-04/06/23	15	3,4	A2.106											DHOTOCK17A 3	DHCQ 17
4	2DC011 DC	2	Hóa học đại cương 1 (+ Thí nghiệm)(222)_04	60	43	LT	Nguy Thị XuânHội	20/02-04/06/23	15										9,10	A2.101		DHOTOCK17A 4	DHCQ 17
5	2DC011 DC	2	Hóa học đại cương 1 (+ Thí nghiệm)(222)_05	60	60	LT	Nguy Thị XuânHội	20/02-04/06/23	15										7,8	A2.101		DHOTOCK17A 5	DHCQ 17
6	2DC011 DC	2	Hóa học đại cương 1 (+ Thí nghiệm)(222)_06	60	52	LT	Nguy Thị XuânHội	20/02-04/06/23	15	9,10	A2.107											DHOTOCK17A 6	DHCQ 17
7	2DC011 DC	2	Hóa học đại cương 1 (+ Thí nghiệm)(222)_07	44	44	LT	Nguy Thị XuânHội	26/12-30/04/23	18			9,10	A2.401									DHCTMCK16A 2	DHCQ 16
8	2DC011 DC	2	Hóa học đại cương 1 (+ Thí nghiệm)(222)_08	46	45	LT	Bùi Thị Hằng	26/12-30/04/23	18					1,2	A2.401							DHCTMCK16A 1	DHCQ 16
9	2DC011 DC	2	Hóa học đại cương 1 (+ Thí nghiệm)(222)_09	68	69	LT	Bùi Thị Hằng	20/02-04/06/23	15					9,10	A2.210								DHCQ 17
10	2DC011 DC	2	Hóa học đại cương 1 (+ Thí nghiệm)(222)_10	44	46	LT	Nguy Thị XuânHội	20/02-04/06/23	15								3,4	A2.209				DHCTMCK17A 1	DHCQ 17
11	2DC011 DC	2	Hóa học đại cương 1 (+ Thí nghiệm)(222)_11	55	52	LT	Nguy Thị XuânHội	20/02-11/06/23	16			7,8	A2.106									DHKCKCK17A 1	DHCQ 17
12	3DC012 DC	2	Phép biến đổi Laplace và phương pháp tính(222)_01	50	55	LT	Trần Hải Yến	20/02-04/06/23	15			10,11	A2.104									DHDDTCK16A 1	DHCQ 16
13	3DC012 DC	2	Phép biến đổi Laplace và phương pháp tính(222)_02	50	42	LT	Trần Hải Yến	20/02-04/06/23	15								7,8	A2.203				DHDDTCK16A 2	DHCQ 16
14	3DC012 DC	2	Phép biến đổi Laplace và phương pháp tính(222)_03	50	51	LT	Trần Hải Yến	20/02-04/06/23	15			3,4	A2.104									DHTDHCK16A 1	DHCQ 16
15	3DC012 DC	2	Phép biến đổi Laplace và phương pháp tính(222)_04	50	54	LT	Trần Hải Yến	20/02-04/06/23	15							1,2	A2.209					DHTDHCK16A 2	DHCQ 16
16	3DC012 DC	2	Phép biến đổi Laplace và phương pháp tính(222)_05	60	58	LT	Trần Hải Yến	20/02-04/06/23	15							7,8	A2.209					DHTDHCK16A 3	DHCQ 16
17	3DC012 DC	2	Phép biến đổi Laplace và phương pháp tính(222)_06	60	55	LT	Trần Hải Yến	20/02-04/06/23	15	1,2	A2.204											DHDDTCK16A 3	DHCQ 16
18	3DC004 DC	2	Toán cao cấp 1(222)_01	50	49	LT		20/02-04/06/23	15										3,4	A2.103		DHCTTCK17A 3	DHCQ 17
19	3DC005 DC	2	Toán cao cấp 2(222)_01	60	60	LT	Nguyễn Thị Thu Nhung	20/02-04/06/23	15			1,2	A2.107									DHOTOCK17A 1	DHCQ 17
20	3DC005 DC	2	Toán cao cấp 2(222)_02	60	55	LT	Nguyễn Thị Thu Nhung	20/02-04/06/23	15	3,4	A2.211											DHOTOCK17A 2	DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
21	3DC005 DC	2	Toán cao cấp 2(222)_03	60	47	LT	Nguyễn Thị Thu Nhung	20/02-04/06/23	15									1,2	A2.402			DHOTOCK17A 3	DHCQ 17
22	3DC005 DC	2	Toán cao cấp 2(222)_04	60	58	LT	Lê ThịHuệ	20/02-04/06/23	15					7,8	A2.404							DHOTOCK17A 4	DHCQ 17
23	3DC005 DC	2	Toán cao cấp 2(222)_05	60	47	LT	Ngô ThịHuyền	20/02-04/06/23	15			7,8	A2.203									DHOTOCK17A 5	DHCQ 17
24	3DC005 DC	2	Toán cao cấp 2(222)_06	60	42	LT	Ngô ThịHuyền	20/02-04/06/23	15							7,8	A2.402					DHOTOCK17A 6	DHCQ 17
25	3DC005 DC	2	Toán cao cấp 2(222)_07	50	50	LT	Nguyễn Thị Thu Nhung	20/02-04/06/23	15					1,2	A2.304							DHTDHCK17A 1	DHCQ 17
26	3DC005 DC	2	Toán cao cấp 2(222)_08	50	49	LT	Nguyễn Thị Thu Nhung	20/02-04/06/23	15					3,4	A2.412							DHTDHCK17A 2	DHCQ 17
27	3DC005 DC	2	Toán cao cấp 2(222)_09	44	35	LT	Nguyễn Thị Thu Nhung	20/02-04/06/23	15							9,10	A2.210					DHCTMCK17A 2	DHCQ 17
28	3DC005 DC	2	Toán cao cấp 2(222)_10	44	44	LT	Ngô ThịHuyền	20/02-04/06/23	15									1,2	A2.210			DHCTMCK17A 1	DHCQ 17
29	3DC005 DC	2	Toán cao cấp 2(222)_11	69	46	LT	Ngô ThịHuyền	20/02-04/06/23	15					9,10	A2.309							DHCTTCK17A 1	DHCQ 17
30	3DC005 DC	2	Toán cao cấp 2(222)_12	69	48	LT	Nguyễn Thị Thu Nhung	20/02-04/06/23	15			3,4	A2.309									DHCTTCK17A 2	DHCQ 17
31	3DC005 DC	2	Toán cao cấp 2(222)_13	50	51	LT	Ngô ThịHuyền	20/02-04/06/23	15									7,8	A2.304			DHTDHCK17A 3	DHCQ 17
32	3DC005 DC	2	Toán cao cấp 2(222)_14	50	40	LT	Lê ThịHuệ	20/02-04/06/23	15							7,8	A2.406					DHTDHCK17A 4	DHCQ 17
33	3DC005 DC	2	Toán cao cấp 2(222)_15	63	52	LT	Lê ThịHuệ	20/02-04/06/23	15									10,11	A2.101			DHDDTCK17A 1	DHCQ 17
34	3DC005 DC	2	Toán cao cấp 2(222)_16	63	63	LT	Ngô ThịHuyền	20/02-04/06/23	15	7,8	A2.311											DHDDTCK17A 2	DHCQ 17
35	3DC005 DC	2	Toán cao cấp 2(222)_17	64	64	LT	Lê ThịHuệ	20/02-04/06/23	15							4,5	A2.310					DHDDTCK17A 3	DHCQ 17
36	3DC005 DC	2	Toán cao cấp 2(222)_18	41	41	LT	Ngô ThịHuyền	20/02-04/06/23	15	10,11	A2.301											Ghép: DHDTVCK17A 1 + DHKTMCK17 A1 + DHKTOCK17A 1 + DHQTKCK17A 1	DHCQ 17
37	3DC005 DC	2	Toán cao cấp 2(222)_19	55	31	LT	Lê ThịHuệ	20/02-11/06/23	16			9,10	A2.106									DHKCKCK17A 1	DHCQ 17
38	3DC005 DC	2	Toán cao cấp 2(222)_20	50	39	LT		20/02-11/06/23	16					1,2	A2.312							DHCTTCK17A 3	DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
39	4DC016 DC	2	Vật lý đại cương 1(222)_01	68	68	LT	Lê Thị Ngọc Linh	20/02-04/06/23	15									7,8	A2.211			Ghép: DHCTMCK17A 2 + DHDTVCK17A 1 + DHKTMCK17A1	DHCQ 17
40	4DC016 DC	2	Vật lý đại cương 1(222)_02	44	58	LT	Hoàng Thị Thanh Vân	20/02-04/06/23	15							3,4	A2.210					DHCTMCK17A1	DHCQ 17
41	4DC016 DC	2	Vật lý đại cương 1(222)_03	55	58	LT	Nguyễn Thị Tổ Oanh	20/02-11/06/23	16	9,10	A2.304											DHKCKCK17A1	DHCQ 17
42	4DC017 DC	2	Vật lý đại cương 2(222)_01	60	53	LT	Lê Thị Ngọc Linh	20/02-04/06/23	15									3,4	A2.210			DHOTOCK17A1	DHCQ 17
43	4DC017 DC	2	Vật lý đại cương 2(222)_02	60	59	LT	Lê Thị Ngọc Linh	20/02-04/06/23	15					1,2	A2.210							DHOTOCK17A2	DHCQ 17
44	4DC017 DC	2	Vật lý đại cương 2(222)_03	60	52	LT	Bùi Danh Hào	20/02-04/06/23	15					3,4	A2.211							DHOTOCK17A3	DHCQ 17
45	4DC017 DC	2	Vật lý đại cương 2(222)_04	60	52	LT	Lê Thị Ngọc Linh	20/02-04/06/23	15	7,8	A2.404											DHOTOCK17A4	DHCQ 17
46	4DC017 DC	2	Vật lý đại cương 2(222)_05	60	51	LT	Bùi Danh Hào	20/02-04/06/23	15							9,10	A2.411					DHOTOCK17A5	DHCQ 17
47	4DC017 DC	2	Vật lý đại cương 2(222)_06	60	48	LT	Lê Thị Ngọc Linh	20/02-04/06/23	15							9,10	A2.503					DHOTOCK17A6	DHCQ 17
48	4DC017 DC	2	Vật lý đại cương 2(222)_07	60	48	LT	Bùi Danh Hào	20/02-04/06/23	15	7,8	A2.212											DHDDTCK17A1	DHCQ 17
49	4DC017 DC	2	Vật lý đại cương 2(222)_08	63	63	LT	Bùi Danh Hào	20/02-04/06/23	15									10,11	A2.309			DHDDTCK17A2	DHCQ 17
50	4DC017 DC	2	Vật lý đại cương 2(222)_09	64	58	LT	Bùi Danh Hào	20/02-04/06/23	15					1,2	A2.310							DHDDTCK17A3	DHCQ 17
51	2DC007 DC	2	Xác suất thống kê(222)_01	50	51	LT	Lê Hồng Sơn	20/02-04/06/23	15									1,2	A2.105			DHCTTCK16A1	DHCQ 16
52	2DC007 DC	2	Xác suất thống kê(222)_02	50	39	LT	Lê Thị Huệ	20/02-04/06/23	15	7,8	A2.104											DHCTTCK16A2	DHCQ 16
53	2DC007 DC	2	Xác suất thống kê(222)_03	44	24	LT	Lê Thị Huệ	20/02-04/06/23	15	9,10	A2.210											DHCTMCK17A2	DHCQ 17
54	2DC007 DC	2	Xác suất thống kê(222)_04	44	49	LT	Ngô Tất Hoat	20/02-04/06/23	15	3,4	A2.210											DHCTMCK17A1	DHCQ 17
55	2DC007 DC	2	Xác suất thống kê(222)_05	55	55	LT	Lê Hồng Sơn	20/02-11/06/23	16									9,10	A2.210			DHKCKCK17A1	DHCQ 17
1	4NN001 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 1(222)_03	44	38	LT	Nguyễn Thị Lệ Hằng	30/01-21/05/23	16							7,8,9	A2.308 (TA3)					Ghép: CDTDHCK48A	CDCQ 48
2	4NN001 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 1(222)_05_178	41	44	LT	Lê Thị Thúy	30/01-21/05/23	16							1,2,3	A2.407 (TA5)					Ghép: CDDCNCK48A	CDCQ 48
3	4NN001 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 1(222)_08_156	36	38	LT	Lê Thị Thúy	30/01-21/05/23	16			9,10,11	A2.403									Ghép: CDCTMCK48A	CDCQ 48
4	4NN001 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 1(222)_09	41	45	LT	Đoàn Thị Bích Diễm	30/01-21/05/23	16							1,2,3	A2.308 (TA3)					Ghép: CDDCNCK48A	CDCQ 48

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
5	4NN001 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 1(222)_14	50	35	LT	Lê Minh Sao	30/01-21/05/23	16									7,8,9	A2.408 (TA6)			CDOTOCK48A1	CDCQ 48
6	4NN001 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 1(222)_17	50	48	LT	Lê Minh Sao	30/01-21/05/23	16			1,2,3	A2.308 (TA3)									CDOTOCK48A2	CDCQ 48
1	3NN006 DC	2	Tiếng Anh chuyên ngành Cơ khí(222)_01	50	43	LT	Lê Minh Sao	02/01-09/04/23	14							1,2,3	A2.408 (TA6)					DHCTMCK14A1	DHCQ 14
2	3NN006 DC	2	Tiếng Anh chuyên ngành Cơ khí(222)_02	50	46	LT		02/01-09/04/23	14			7,8,9	A2.407 (TA5)									DHCTMCK14A2	DHCQ 14
3	3NN006 DC	2	Tiếng Anh chuyên ngành Cơ khí(222)_03	50	41	LT	Lê Minh Sao	02/01-15/01/23	2							7,8,9	A2.412					DHKCKCK14A1	DHCQ 14
							Lê Minh Sao	30/01-26/03/23	8							7,8,9	A2.412						DHCQ 14
4	3NN007 DC	2	Tiếng Anh chuyên ngành Điện, điện tử(222)_01	41	33	LT	Trần Khắc Hoàn	20/02-04/06/23	15	3,4	A2.208 (TA2)											Ghép: DHDDTCK15(DCN)A + DHTDHCK15A1	DHCQ 15
5	3NN007 DC	2	Tiếng Anh chuyên ngành Điện, điện tử(222)_02	41	40	LT	Trần Khắc Hoàn	20/02-04/06/23	15							9,10	A2.103					Ghép: DHDDTCK15(DCN)B + DHTDHCK15A2	DHCQ 15
6	3NN007 DC	2	Tiếng Anh chuyên ngành Điện, điện tử(222)_03	40	34	LT		20/02-04/06/23	15			3,4	A2.208 (TA2)									DHDDTCK15(HTD)	DHCQ 15
7	3NN007 DC	2	Tiếng Anh chuyên ngành Điện, điện tử(222)_04	41	41	LT	Phạm Thị Hải Yến	20/02-04/06/23	15			1,2	A2.407 (TA5)									Ghép: DHDDTCK15(DCN)A + DHTDHCK15A1	DHCQ 15
8	3NN007 DC	2	Tiếng Anh chuyên ngành Điện, điện tử(222)_05_1F5	41	21	LT	Trần Khắc Hoàn	20/02-04/06/23	15			7,8	A2.308 (TA3)									Ghép: DHDDTCK15(DCN)B + DHTDHCK15A2	DHCQ 15
9	3NN007 DC	2	Tiếng Anh chuyên ngành Điện, điện tử(222)_06	35	42	LT	Phạm Thị Hải Yến	20/02-04/06/23	15					9,10	A2.308 (TA3)							Ghép: DHKTMCK15A1 + DHDTVCK15A1	DHCQ 15
10	3NN007 DC	2	Tiếng Anh chuyên ngành Điện, điện tử(222)_08_1B4	41	41	LT	Phạm Thị Hải Yến	20/02-04/06/23	15			3,4	A2.307 (TA4)									Ghép: DHDDTCK15(DCN)A + DHTDHCK15A1	DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
11	3NN007 DC	2	Tiếng Anh chuyên ngành Điện, điện tử(222)_09_12C	41	41	LT	Trần Khắc Hoàn	20/02-04/06/23	15			9,10	A2.408 (TA6)									Ghép: DHDDTCK15(DCN)B + DHTDHCK15A 2	DHCQ 15
12	3NN004 DC	2	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế(222)_01	31	27	LT	Trần Khắc Hoàn	02/01-09/04/23	14					7,8,9	A1.302							Ghép: DHKTOCK14A 1 + DHQTKCK14A 1 + DHKTOCK15A 1 + DHQTKCK15A 1	DHCQ 14
13	3NN008 DC	2	Tiếng Anh chuyên ngành Ô tô(222)_01	50	49	LT	Nguyễn Thị Lan Phương	02/01-15/01/23	2					1,2,3	A2.408 (TA6)							Ghép: DHOTOCK14A 1 + DHOTOCK14A 2	DHCQ 14
							Nguyễn Thị Lan Phương	30/01-02/04/23	9					1,2,3	A2.408 (TA6)								DHCQ 14
14	3NN008 DC	2	Tiếng Anh chuyên ngành Ô tô(222)_02	50	49	LT	Lê Minh Sao	02/01-15/01/23	2					1,2,3	A2.407 (TA5)							Ghép: DHOTOCK14A 1 + DHOTOCK14A 2	DHCQ 14
							Lê Minh Sao	30/01-02/04/23	9					1,2,3	A2.407 (TA5)								DHCQ 14
15	3NN008 DC	2	Tiếng Anh chuyên ngành Ô tô(222)_03	50	33	LT	Nguyễn Thị Lan Phương	02/01-15/01/23	2										1,2,3	A2.207 (TA1)		Ghép: DHOTOCK14A 1 + DHOTOCK14A 2	DHCQ 14
							Nguyễn Thị Lan Phương	30/01-02/04/23	9										1,2,3	A2.207 (TA1)			DHCQ 14
16	3NN008 DC	2	Tiếng Anh chuyên ngành Ô tô(222)_04	40	40	LT	Nguyễn Thị Lan Phương	02/01-15/01/23	2							7,8,9	A2.408 (TA6)					Ghép: DHOTOCK14A 3 + DHOTOCK14A 4	DHCQ 14
							Nguyễn Thị Lan Phương	30/01-02/04/23	9							7,8,9	A2.408 (TA6)						DHCQ 14
17	3NN008 DC	2	Tiếng Anh chuyên ngành Ô tô(222)_05	40	39	LT	Lê Thị Thúy	02/01-15/01/23	2							7,8,9	A2.407 (TA5)					Ghép: DHOTOCK14A 3 + DHOTOCK14A 4	DHCQ 14
							Lê Thị Thúy	30/01-02/04/23	9							7,8,9	A2.407 (TA5)						DHCQ 14
18	3NN003 DC	2	Tiếng Anh chuyên ngành Tin học(222)_01	50	25	LT	Đinh Thị Thu	30/01-21/05/23	16					1,2	A2.208 (TA2)							DHCTTCK15A 1	DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
19	3NN003 DC	2	Tiếng Anh chuyên ngành Tin học(222)_02	40	31	LT	Đinh Thị Thu	30/01-21/05/23	16					9,10	A2.407 (TA5)							DHCTTCK15A 2	DHCQ 15
20	4NN001 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 1(222)_01	44	45	LT	Bùi Thị Xuân Linh	20/02-04/06/23	15			7,8,9	A2.307 (TA4)									Ghép: DHDDTCK17A 1 + DHCTTCK17A 1	DHCQ 17
21	3NN001 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 1(222)_01	40	35	LT	Lê Thị Thúy	20/02-04/06/23	15	9,10	A2.207 (TA1)											Ghép: DHDDTCK16A 1 + DHTDHCK16A 3	DHCQ 16
22	3NN001 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 1(222)_02	41	39	LT	Đoàn Thị Bích Diễm	20/02-04/06/23	15							9,10	A2.207 (TA1)					DHDDTCK16A 2	DHCQ 16
23	4NN001 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 1(222)_02	44	45	LT	Lê Thị Thúy	20/02-04/06/23	15	1,2,3	A2.308 (TA3)											Ghép: DHDDTCK17A 3 + DHCTTCK17A 2	DHCQ 17
24	3NN001 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 1(222)_03_119	40	28	LT	Đoàn Thị Bích Diễm	20/02-04/06/23	15			1,2	A2.307 (TA4)									Ghép: DHTDHCK16A 1 + DHDDTCK16A 3	DHCQ 16
25	3NN001 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 1(222)_03_1E3	50	50	LT	Lê Thị Thúy	20/02-04/06/23	15			1,2	A2.208 (TA2)									DHCTTCK16A 1	DHCQ 16
26	3NN001 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 1(222)_04	50	45	LT	Trần Khắc Hoàn	20/02-04/06/23	15	1,2	A2.208 (TA2)											DHTDHCK16A 2	DHCQ 16
27	4NN001 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 1(222)_04_15C	40	40	LT		20/02-11/06/23	16	3,4,5	A2.408 (TA6)											DHCTTCK17A 3	DHCQ 17
28	3NN001 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 1(222)_05	40	39	LT	Nguyễn Thị Lan Phương	20/02-04/06/23	15	9,10	A2.208 (TA2)											Ghép: DHDDTCK16A 1 + DHTDHCK16A 3	DHCQ 16
29	3NN001 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 1(222)_06	40	40	LT	Bùi Thị Xuân Linh	20/02-04/06/23	15	9,10	A2.307 (TA4)											Ghép: DHDDTCK16A 1 + DHTDHCK16A 3	DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
30	4NN001 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 1(222)_06	44	35	LT	Nguyễn Thị Lệ Hằng	20/02-04/06/23	15	9,10,11	A2.407 (TA5)											Ghép: DHDDTCK17A 1 + DHCTTCK17A 1	DHCQ 17
31	3NN001 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 1(222)_07	40	40	LT	Đoàn Thị Bích Diễm	20/02-04/06/23	15	3,4	A2.207 (TA1)											Ghép: DHTDHCK16A 1 + DHDDTCK16A 3	DHCQ 16
32	4NN001 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 1(222)_07	44	34	LT	Đoàn Thị Bích Diễm	20/02-04/06/23	15					3,4,5	A2.307 (TA4)							Ghép: DHDDTCK17A 3 + DHCTTCK17A 2	DHCQ 17
33	3NN001 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 1(222)_08	40	26	LT	Lê Thị Thúy	20/02-04/06/23	15					3,4	A2.208 (TA2)							Ghép: DHTDHCK16A 1 + DHDDTCK16A 3	DHCQ 16
34	4NN001 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 1(222)_08_1D9	50	49	LT	Lê Minh Sao	20/02-04/06/23	15	7,8,9	A2.310											DHTDHCK17A 3	DHCQ 17
35	3NN001 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 1(222)_09	50	37	LT	Nguyễn Thị Lan Phương	20/02-04/06/23	15			7,8	A2.207 (TA1)									DHCTTCK16A 2	DHCQ 16
36	4NN001 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 1(222)_09_182	50	38	LT	Lê Thị Thúy	20/02-04/06/23	15									9,10,11	A2.407 (TA5)			DHTDHCK17A 4	DHCQ 17
37	3NN001 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 1(222)_10	40	35	LT	Bùi Thị Xuân Linh	20/02-04/06/23	15							3,4	A2.208 (TA2)					Ghép: DHKTMCK16 A1 + DHKTOCK16A 1 + DHQTKCK16A 1 + DHDTVCK16A 1	DHCQ 16
38	4NN001 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 1(222)_10_163	50	47	LT	Đinh Thị Thu	20/02-04/06/23	15	9,10,11	A2.408 (TA6)											DHDDTCK17A 2	DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
39	4NN001 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 1(222)_11	41	27	LT	Đinh Thị Thu	20/02-04/06/23	15									9,10,11	A2.308 (TA3)			Ghép: DHDTVCK17A 1 + DHKTMCK17 A1 + DHKTOCK17A 1 + DHQTKCK17A 1	DHCQ 17
40	4NN001 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 1(222)_12	44	40	LT	Đoàn Thị Bích Diễm	20/02-04/06/23	15	9,10,11	A2.308 (TA3)											Ghép: DHDDTCK17A 1 + DHCTTCK17A 1	DHCQ 17
41	4NN001 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 1(222)_13	44	32	LT	Nguyễn Thị Lệ Hằng	20/02-04/06/23	15					3,4,5	A2.308 (TA3)							Ghép: DHDDTCK17A 3 + DHCTTCK17A 2	DHCQ 17
42	4NN001 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 1(222)_15	50	46	LT	Đinh Thị Thu	20/02-04/06/23	15	1,2,3	A2.307 (TA4)											DHTDHCK17A 2	DHCQ 17
43	4NN001 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 1(222)_16	50	44	LT	Lê Minh Sao	20/02-04/06/23	15									1,2,3	A2.307 (TA4)			DHTDHCK17A 1	DHCQ 17
44	3NN002 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 2(222)_01	40	42	LT	Nguyễn Thị Lan Phương	30/01-21/05/23	16			3,4	A2.207 (TA1)									Ghép: DHOTOCK15A 1 + DHCTMCK15(CNC)A	DHCQ 15
45	3NN002 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 2(222)_02	50	31	LT	Nguyễn Thị Lan Phương	30/01-21/05/23	16			1,2	A2.207 (TA1)									DHOTOCK15A 2	DHCQ 15
46	3NN002 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 2(222)_03	50	30	LT	Nguyễn Thị Lệ Hằng	30/01-21/05/23	16	1,2	A2.207 (TA1)											DHOTOCK15A 3	DHCQ 15
47	3NN002 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 2(222)_04	50	50	LT	Bùi Thị Xuân Linh	30/01-21/05/23	16					1,2	A2.207 (TA1)							DHOTOCK15A 4	DHCQ 15
48	3NN002 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 2(222)_05	40	42	LT	Bùi Thị Xuân Linh	30/01-21/05/23	16					3,4	A2.207 (TA1)							Ghép: DHOTOCK15A 1 + DHCTMCK15(CNC)A	DHCQ 15
49	3NN002 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 2(222)_06	50	50	LT	Nguyễn Thị Lan Phương	30/01-21/05/23	16					7,8	A2.207 (TA1)							DHOTOCK15A 6	DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
50	3NN002 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 2(222)_07	50	32	LT	Bùi Thị Xuân Linh	30/01-21/05/23	16							7,8	A2.208 (TA2)					DHOTOCK15A 7	DHCQ 15
51	3NN002 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 2(222)_08	41	44	LT	Bùi Thị Xuân Linh	30/01-21/05/23	16									9,10	A2.208 (TA2)				DHCQ 15
52	3NN002 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 2(222)_09	41	50	LT	Nguyễn Thị Lan Phương	30/01-21/05/23	16					9,10	A2.208 (TA2)								DHCQ 15
53	3NN002 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 2(222)_10	50	32	LT	Nguyễn Thị Lan Phương	30/01-21/05/23	16			9,10	A2.207 (TA1)									DHOTOCK15A 5	DHCQ 15
54	3NN002 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 2(222)_11	40	41	LT	Nguyễn Thị Lan Phương	30/01-21/05/23	16									3,4	A2.207 (TA1)				DHCQ 15
55	3NN002 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 2(222)_12	41	44	LT	Bùi Thị Xuân Linh	30/01-21/05/23	16									7,8	A2.208 (TA2)				DHCQ 15
56	3NN010 DC	3	Tiếng anh cơ bản A2(222)_01	50	50	LT		26/12-30/04/23	18							9,10,11	A2.208 (TA2)					DHCTMCK16A 2	DHCQ 16
57	3NN010 DC	3	Tiếng anh cơ bản A2(222)_01_1B2	50	50	LT	Nguyễn Thị Lệ Hằng	26/12-15/01/23	3									1,2,3	A2.408 (TA6)			DHOTOCK16A 1	DHCQ 16
							Nguyễn Thị Lệ Hằng	30/01-23/04/23	12									1,2,3	A2.408 (TA6)				DHCQ 16
58	3NN010 DC	3	Tiếng anh cơ bản A2(222)_02	50	51	LT	Đoàn Thị Bích Diễm	26/12-15/01/23	3									1,2,3	A2.208 (TA2)			DHOTOCK16A 2	DHCQ 16
							Đoàn Thị Bích Diễm	30/01-23/04/23	12									1,2,3	A2.208 (TA2)				DHCQ 16
59	3NN010 DC	3	Tiếng anh cơ bản A2(222)_03	50	50	LT	Đinh Thị Thu	26/12-15/01/23	3									3,4,5	A2.407 (TA5)			DHOTOCK16A 3	DHCQ 16
							Đinh Thị Thu	30/01-23/04/23	12									3,4,5	A2.407 (TA5)				DHCQ 16
60	3NN010 DC	3	Tiếng anh cơ bản A2(222)_04	50	50	LT	Nguyễn Thị Lệ Hằng	26/12-15/01/23	3			7,8,9	A2.208 (TA2)									DHOTOCK16A 4	DHCQ 16
							Nguyễn Thị Lệ Hằng	30/01-23/04/23	12			7,8,9	A2.208 (TA2)										DHCQ 16
61	3NN010 DC	3	Tiếng anh cơ bản	50	50	LT	Bùi Thị Xuân Linh	26/12-15/01/23	3					7,8,9	A2.307 (TA4)							DHOTOCK16A	DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
61	DC	2	A2(222)_05	50	50	LT	Bùi Thị Xuân Linh	30/01-23/04/23	12					7,8,9	A2.307 (TA4)							5	DHCQ 16
62	3NN010 DC	3	Tiếng anh cơ bản A2(222)_06	50	50	LT	Đoàn Thị Bích Diễm	26/12-15/01/23	3									7,8,9	A2.307 (TA4)			DHOTOCK16A 6	DHCQ 16
							Đoàn Thị Bích Diễm	30/01-23/04/23	12									7,8,9	A2.307 (TA4)				DHCQ 16
63	3NN010 DC	3	Tiếng anh cơ bản A2(222)_07	50	50	LT	Nguyễn Thị Lệ Hằng	26/12-15/01/23	3					9,10,11	A2.207 (TA1)							DHOTOCK16A 7	DHCQ 16
							Nguyễn Thị Lệ Hằng	30/01-23/04/23	12					9,10,11	A2.207 (TA1)								DHCQ 16
64	3NN010 DC	3	Tiếng anh cơ bản A2(222)_08	46	45	LT	Nguyễn Thị Lệ Hằng	26/12-30/04/23	18							1,2,3	A2.207 (TA1)					DHCTMCK16A 1	DHCQ 16
65	3NN010 DC	3	Tiếng anh cơ bản A2(222)_09	31	37	LT	Đinh Thị Thu	26/12-30/04/23	18							3,4,5	A2.307 (TA4)					DHKCKCK16A 1	DHCQ 16
1	3ML008 DC	2	Kinh tế chính trị Mác – lenin(222)_01	60	59	LT	Nguyễn CôngAn	20/02-04/06/23	15							2,3	A2.312					DHOTOCK17A 1	DHCQ 17
2	3ML008 DC	2	Kinh tế chính trị Mác – lenin(222)_02	60	47	LT	Vũ Thị Kim Thanh	20/02-04/06/23	15											3,4	A2.105	DHOTOCK17A 2	DHCQ 17
3	3ML008 DC	2	Kinh tế chính trị Mác – lenin(222)_03	60	61	LT	Vũ Thị Kim Thanh	20/02-04/06/23	15											1,2	A2.104	DHOTOCK17A 3	DHCQ 17
4	3ML008 DC	2	Kinh tế chính trị Mác – lenin(222)_04	60	39	LT	Vũ Thị Kim Thanh	20/02-04/06/23	15							9,10	A2.108					DHOTOCK17A 4	DHCQ 17
5	3ML008 DC	2	Kinh tế chính trị Mác – lenin(222)_05	60	55	LT	Nguyễn CôngAn	20/02-04/06/23	15							7,8	A2.312					DHOTOCK17A 5	DHCQ 17
6	3ML008 DC	2	Kinh tế chính trị Mác – lenin(222)_06	60	61	LT	Nguyễn CôngAn	20/02-04/06/23	15					9,10	A2.312							DHOTOCK17A 6	DHCQ 17
7	3ML008 DC	2	Kinh tế chính trị Mác – lenin(222)_07	65	57	LT	Nguyễn CôngAn	20/02-04/06/23	15	4,5	A2.312											DHTDHCK17A 1	DHCQ 17
8	3ML008 DC	2	Kinh tế chính trị Mác – lenin(222)_08	44	48	LT	Vũ Thị Kim Thanh	20/02-04/06/23	15					7,8	A2.210							DHCTMCK17A 2	DHCQ 17
9	3ML008 DC	2	Kinh tế chính trị Mác – lenin(222)_09	44	47	LT	Nguyễn CôngAn	20/02-04/06/23	15			3,4	A2.312									DHCTMCK17A 1	DHCQ 17
10	3ML008 DC	2	Kinh tế chính trị Mác – lenin(222)_10	69	39	LT	Nguyễn CôngAn	20/02-04/06/23	15							9,10	A2.312					DHCTTCK17A 1	DHCQ 17
11	3ML008 DC	2	Kinh tế chính trị Mác – lenin(222)_11	69	69	LT	Vũ Thị Kim Thanh	20/02-04/06/23	15									1,2	A2.310			DHCTTCK17A 2	DHCQ 17
12	3ML008 DC	2	Kinh tế chính trị Mác – lenin(222)_12	55	38	LT	Vũ Thị Kim Thanh	20/02-11/06/23	16							7,8	A2.411					DHKCKCK17A 1	DHCQ 17
13	3ML008 DC	2	Kinh tế chính trị Mác – lenin(222)_13	50	41	LT	Nguyễn CôngAn	20/02-11/06/23	16			1,2	A2.312									DHCTTCK17A 3	DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
14	2ML005 DC	2	Kinh tế học đại cương(222)_01	24	22	LT	Vũ Thị Kim Thanh	20/02-04/06/23	15					1,2	A2.302							Ghép: DHKTMCK16 A1 + DHDTVCK16A 1	DHCQ 16
15	3ML006 DC	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam(222)_01	50	24	LT	Mai Thị Thanh Châu	20/02-04/06/23	15									7,8	A2.106			DHDDTCK16A 1	DHCQ 16
16	3ML006 DC	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam(222)_02	50	48	LT	Nguyễn Thị AnhĐào	20/02-04/06/23	15							7,8	A2.204					DHDDTCK16A 2	DHCQ 16
17	3ML006 DC	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam(222)_03	50	50	LT	Nguyễn Thị AnhĐào	20/02-04/06/23	15							3,4	A2.106					DHTDHCK16A 1	DHCQ 16
18	3ML006 DC	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam(222)_04	50	49	LT	Nguyễn Thị AnhĐào	20/02-04/06/23	15			3,4	A2.209									DHTDHCK16A 2	DHCQ 16
19	3ML006 DC	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam(222)_05	60	60	LT	Nguyễn Thị AnhĐào	20/02-04/06/23	15			7,8	A2.209									DHTDHCK16A 3	DHCQ 16
20	3ML006 DC	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam(222)_06	60	37	LT	Mai Thị Thanh Châu	20/02-04/06/23	15									3,4	A2.203			DHDDTCK16A 3	DHCQ 16
21	3ML006 DC	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam(222)_07	44	40	LT	Mai Thị Thanh Châu	26/12-30/04/23	18					7,8	A2.401							DHCTMCK16A 2	DHCQ 16
22	3ML006 DC	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam(222)_08	46	43	LT	Mai Thị Thanh Châu	26/12-30/04/23	18					3,4	A2.401							DHCTMCK16A 1	DHCQ 16
23	3ML006 DC	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam(222)_09	50	42	LT	Mai Thị Thanh Châu	20/02-04/06/23	15	4,5	A2.203											DHCTTCK16A 1	DHCQ 16
24	3ML006 DC	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam(222)_10	50	54	LT	Nguyễn Thị AnhĐào	20/02-04/06/23	15	9,10	A2.104											DHCTTCK16A 2	DHCQ 16
25	3ML006 DC	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam(222)_11	40	41	LT	Nguyễn Thị AnhĐào	20/02-04/06/23	15	3,4	A2.306												DHCQ 16
26	3ML003 DC	2	Lịch sử Việt Nam(222)_01	22	42	LT	Nguyễn Thị AnhĐào	20/02-04/06/23	15											4,5	A2.312		DHCQ 15
27	2ML004 DC	2	Pháp luật đại cương(222)_01	60	62	LT	Đinh Nga Phụng	20/02-04/06/23	15	3,4	A2.105											DHOTOCK17A 1	DHCQ 17
28	2ML004 DC	2	Pháp luật đại cương(222)_02	60	60	LT	Lê Việt Hà	20/02-04/06/23	15							3,4	A2.211					DHOTOCK17A 2	DHCQ 17
29	2ML004 DC	2	Pháp luật đại cương(222)_03	60	62	LT	Lê Việt Hà	20/02-04/06/23	15			1,2	A2.211									DHOTOCK17A 3	DHCQ 17
30	2ML004 DC	2	Pháp luật đại cương(222)_04	60	56	LT	Đinh Nga Phụng	20/02-04/06/23	15	9,10	A2.108											DHOTOCK17A 4	DHCQ 17
31	2ML004 DC	2	Pháp luật đại cương(222)_05	60	51	LT	Lê Việt Hà	20/02-04/06/23	15					8,9	A2.412							DHOTOCK17A 5	DHCQ 17
32	2ML004 DC	2	Pháp luật đại cương(222)_06	60	53	LT	Đinh Nga Phụng	20/02-04/06/23	15			9,10	A2.209									DHOTOCK17A 6	DHCQ 17
33	2ML004 DC	2	Pháp luật đại cương(222)_07	55	57	LT	Đinh Nga Phụng	20/02-11/06/23	16							9,10	A2.106					DHKCKCK17A 1	DHCQ 17
34	3ML007 DC	3	Triết học Mác - Lênin(222)_01	50	53	LT	Lê Thị Ngọc Hà	20/02-04/06/23	15									1,2,3	A2.304			DHTDHCK17A 2	DHCQ 17
35	3ML007 DC	3	Triết học Mác - Lênin(222)_02	50	52	LT	Lê Thị Ngọc Hà	20/02-04/06/23	15									9,10,11	A2.304			DHTDHCK17A 3	DHCQ 17
36	3ML007 DC	3	Triết học Mác - Lênin(222)_03	50	55	LT	Lê Thị Ngọc Hà	20/02-04/06/23	15			7,8,9	A2.211									DHTDHCK17A 4	DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
37	3ML007 DC	3	Triết học Mác - Lênin(222)_04	63	62	LT	Lưu Thị Thu Hiền	20/02-04/06/23	15					7,8,9	A2.310							DHDDTCK17A 1	DHCQ 17
38	3ML007 DC	3	Triết học Mác - Lênin(222)_05	63	61	LT	Lưu Thị Thu Hiền	20/02-04/06/23	15									7,8,9	A2.311			DHDDTCK17A 2	DHCQ 17
39	3ML007 DC	3	Triết học Mác - Lênin(222)_06	64	55	LT	Lưu Thị Thu Hiền	20/02-04/06/23	15									1,2,3	A2.311			DHDDTCK17A 3	DHCQ 17
40	2ML002 DC	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh(222)_01	31	36	LT	Phạm Thị Bích Ngọc	26/12-30/04/23	18					1,2	A2.204							DHKCKCK16A 1	DHCQ 16
41	2ML002 DC	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh(222)_01_IDE	55	57	LT	Phạm Thị Bích Ngọc	26/12-15/01/23	3							1,2	A2.403					DHOTOCK16A 1	DHCQ 16
							Phạm Thị Bích Ngọc	30/01-23/04/23	12							1,2	A2.403						DHCQ 16
42	2ML002 DC	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh(222)_02	55	56	LT	Phạm Thị Bích Ngọc	26/12-15/01/23	3	1,2	A2.309											DHOTOCK16A 2	DHCQ 16
							Phạm Thị Bích Ngọc	30/01-23/04/23	12	1,2	A2.309												DHCQ 16
43	2ML002 DC	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh(222)_03	55	48	LT	Phạm Thị Bích Ngọc	26/12-15/01/23	3							3,4	A2.311					DHOTOCK16A 3	DHCQ 16
								30/01-23/04/23	12							3,4	A2.311						DHCQ 16
44	2ML002 DC	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh(222)_04	55	55	LT	Phạm Thị Bích Ngọc	26/12-15/01/23	3							7,8	A2.403					DHOTOCK16A 4	DHCQ 16
							Phạm Thị Bích Ngọc	30/01-23/04/23	12							7,8	A2.403						DHCQ 16
45	2ML002 DC	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh(222)_05	55	55	LT	Phạm Thị Bích Ngọc	26/12-15/01/23	3									7,8	A2.310			DHOTOCK16A 5	DHCQ 16
							Phạm Thị Bích Ngọc	30/01-23/04/23	12									7,8	A2.310				DHCQ 16
46	2ML002 DC	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh(222)_06	55	54	LT	Phạm Thị Bích Ngọc	26/12-15/01/23	3			7,8	A2.312									DHOTOCK16A 6	DHCQ 16
							Phạm Thị Bích Ngọc	30/01-23/04/23	12			7,8	A2.312										DHCQ 16
47	2ML002 DC	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh(222)_07	55	52	LT	Phạm Thị Bích Ngọc	26/12-15/01/23	3			9,10	A2.105									DHOTOCK16A 7	DHCQ 16
								30/01-23/04/23	12			9,10	A2.105										DHCQ 16
48	3ML002 DC	2	Văn hóa Việt Nam(222)_01	22	17	LT	Mai Thị Thanh Châu	02/01-15/01/23	2											1,2,3	A2.311	Ghép: DHDDTCK14(DCN) + DHCTTCK14A 1 + Ghép: DHKTOCK17A 1 + DHQTKCK17A 1	DHCQ 14
							Mai Thị Thanh Châu	30/01-02/04/23	9											1,2,3	A2.312		DHCQ 14
1	3SP521 DC	2	Nhập môn logic học(222)_01	17	15	LT	Phan Cẩm Tú	20/02-04/06/23	15			1,2	A2.205									DHKTCK17A 1 + DHQTKCK17A 1	DHCQ 17
2	4SP041 DC	2	Phương pháp luận NCKH(222)_01	60	56	LT	Võ An Hải	20/02-04/06/23	15									1,2	A2.211			DHOTOCK17A 1	DHCQ 17
3	4SP041 DC	2	Phương pháp luận NCKH(222)_02	60	59	LT	Phan Thị Tâm	20/02-04/06/23	15	1,2	A2.211											DHOTOCK17A 2	DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
4	4SP041 DC	2	Phương pháp luận NCKH(222)_03	60	50	LT	Võ An Hải	20/02-04/06/23	15			3,4	A2.211									DHOTOCK17A 3	DHCQ 17
5	4SP041 DC	2	Phương pháp luận NCKH(222)_04	60	54	LT	Nguyễn Thị Thu Hiền	20/02-04/06/23	15			9,10	A2.404									DHOTOCK17A 4	DHCQ 17
6	4SP041 DC	2	Phương pháp luận NCKH(222)_05	60	55	LT	Lê Trọng Phong	20/02-04/06/23	15	9,10	A2.503											DHOTOCK17A 5	DHCQ 17
7	4SP041 DC	2	Phương pháp luận NCKH(222)_06	60	52	LT	Nguyễn Thị Thu Hiền	20/02-04/06/23	15			7,8	A2.105									DHOTOCK17A 6	DHCQ 17
1	3KT201 DH	1	Bài tập lớn Kế toán tài chính 1(222)_01	4	5	LT		20/02-04/06/23	15			12	A2.206									DHKTOCK16A 1	DHCQ 16
2	3KT207 DH	1	Bài tập lớn Quản trị doanh nghiệp(222)_01	12	10	LT		20/02-04/06/23	15			12										DHQTCK16A 1	DHCQ 16
3	3KT162 DH	3	Hệ thống thông tin kế toán(222)_01	7	9	LT	Nguyễn Thị Thơ	02/01-09/04/23	14	9,10	A3.506											DHKTOCK14A 1	DHCQ 14
							Nguyễn Thị Thơ						7,8	A3.506							DHCQ 14		
4	3KT111 DH	3	Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa(222)_01	8	8	LT	Chu Thị Cẩm Hà	30/01-21/05/23	16							1,2,3	A2.205					DHKTOCK15A 1	DHCQ 15
5	3KT226 CD	2	Kế toán máy(222)_01	4	5	LT	Lê Thị Ngân	20/02-04/06/23	15			9,10	A3.506									DHKTOCK16A 1	DHCQ 16
6	3KT220 CD	2	Kế toán ngân hàng thương mại(222)_01	8	7	LT	Lê Thị Ngân	30/01-21/05/23	16					3,4	A2.205							DHKTOCK15A 1	DHCQ 15
7	3KT113 DH	3	Kế toán quốc tế(222)_01	7	10	LT	Chu Thị Cẩm Hà	02/01-09/04/23	14	7,8	A2.205											DHKTOCK14A 1	DHCQ 14
							Chu Thị Cẩm Hà					7,8	A2.205								DHCQ 14		
8	3KT215 CD	3	Kế toán tài chính 1(222)_01	4	5	LT	Chu Thị Cẩm Hà	20/02-04/06/23	15							7,8,9	A2.301					DHKTOCK16A 1	DHCQ 16
9	3KT227 CD	3	Kế toán thuế(222)_01	4	6	LT	Chu Thị Cẩm Hà	20/02-04/06/23	15	9,10,11	A2.306											DHKTOCK16A 1	DHCQ 16
10	3KT224 CD	2	Kế toán thương mại dịch vụ(222)_01	8	7	LT	Chu Thị Cẩm Hà	30/01-21/05/23	16							4,5	A2.206					DHKTOCK15A 1	DHCQ 15
11	3KT213 CD	3	Khởi sự kinh doanh(222)_01	4	6	LT	Nguyễn Thị Trâm	02/01-09/04/23	14	9,10	A2.405											DHQTCK14A 1	DHCQ 14
							Nguyễn Thị Trâm								9,10	A2.405					DHCQ 14		
12	3KT110 CD	2	Kinh doanh quốc tế(222)_01	12	8	LT	Nguyễn Thị Thơ	20/02-04/06/23	15			9,10	A2.306									DHQTCK16A 1	DHCQ 16
13	3KT158 DH	2	Kinh tế lao động(222)_01	12	12	LT	Nguyễn Thị Trâm	30/01-21/05/23	16							1,2	A2.405					DHQTCK15A 1	DHCQ 15
14	3KT147 DH	2	Kinh tế môi trường(222)_01	12	10	LT	Nguyễn Thị Thơ	30/01-21/05/23	16							3,4	A3.506					DHQTCK15A 1	DHCQ 15
15	3KT109 CD	2	Kinh tế phát triển(222)_01	12	9	LT	Nguyễn Thị Trâm	20/02-04/06/23	15					8,9	A2.405							DHQTCK16A 1	DHCQ 16
16	3KT102 DH	2	Kinh tế quốc tế(222)_01	17	13	LT	Nguyễn Thị Thơ	20/02-04/06/23	15	4,5	A3.506											Ghép: DHKTOCK17A 1 + DHQTCK17A 1	DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
17	3KT102 CD	2	Kinh tế vi mô(222)_01	17	15	LT	Nguyễn Thị MỹTrang	20/02-04/06/23	15					3,4	A2.209							Ghép: DHKTOCK17A 1 + DHQTKCK17A 1	DHCQ 17
18	3KT112 DH	3	Lập báo cáo tài chính(222)_01	8	8	LT	Chu Thị Cẩm Hà	30/01-21/05/23	16	3,4,5	A2.412											DHKTOCK15A 1	DHCQ 15
19	3KT116 CD	2	Lịch sử các học thuyết kinh tế(222)_01	17	14	LT	Nguyễn Thị Trâm	20/02-04/06/23	15			3,4	A2.304									Ghép: DHKTOCK17A 1 + DHQTKCK17A 1	DHCQ 17
20	3KT205 DH	7	Luận văn tốt nghiệp(222)_01_DA	8	8	DA		02/01-09/04/23	14	12	A2.101											DHKTOCK14A 1	DHCQ 14
21	3KT211 DH	7	Luận văn tốt nghiệp(222)_01_DA_12B	5	5	DA		02/01-09/04/23	14							12	A2.101					DHQTCK14A 1	DHCQ 14
22	3KT213 DH	7	Luận văn tốt nghiệp(222)_01_DA_1EA	2	2	DA		02/01-09/04/23	14					12	A2.101							DHQTNCK14Z	DHCQ 14
23	1KT129 CD	3	Nhập môn ngành kế toán(222)_01	6	4	LT	Chu Thị Cẩm Hà	20/02-04/06/23	15									3,4,5	A2.205			DHKTOCK17A 1	DHCQ 17
24	4KT101 DH	3	Nhập môn ngành Quản trị kinh doanh(222)_01	11	9	LT	Nguyễn Thị KimOanh	20/02-04/06/23	15	1,2,3	A2.310											DHQTCK17A 1	DHCQ 17
25	2KT001 DC	2	Nhập môn quản trị học(222)_01	50	30	LT	Phan Xuân Thạch	30/01-21/05/23	16	1,2	A2.104											DHOTOCK15A 1	DHCQ 15
26	2KT001 DC	2	Nhập môn quản trị học(222)_02	50	50	LT	Phan Xuân Thạch	30/01-21/05/23	16					4,5	A2.108							DHOTOCK15A 2	DHCQ 15
27	2KT001 DC	2	Nhập môn quản trị học(222)_03	50	50	LT	Nguyễn Thị KimOanh	30/01-21/05/23	16					1,2	A2.107							DHOTOCK15A 3	DHCQ 15
28	2KT001 DC	2	Nhập môn quản trị học(222)_04	50	40	LT	Nguyễn Thị MaiHương	30/01-21/05/23	16							3,4	A2.107					DHOTOCK15A 4	DHCQ 15
29	2KT001 DC	2	Nhập môn quản trị học(222)_05	50	53	LT	Nguyễn Thị MaiHương	30/01-21/05/23	16							9,10	A2.204					DHOTOCK15A 5	DHCQ 15
30	2KT001 DC	2	Nhập môn quản trị học(222)_06	50	38	LT	Nguyễn Thị KimOanh	30/01-21/05/23	16	7,8	A2.107											DHOTOCK15A 6	DHCQ 15
31	2KT001 DC	2	Nhập môn quản trị học(222)_07	50	34	LT	Nguyễn Thị KimOanh	30/01-21/05/23	16					7,8	A2.107							DHOTOCK15A 7	DHCQ 15
32	2KT001 DC	2	Nhập môn quản trị học(222)_08	31	34	LT	Nguyễn Thị KimOanh	26/12-30/04/23	18					3,4	A2.204							DHKCKCK16A 1	DHCQ 16
33	3KT114 DH	3	Phân tích báo cáo tài chính(222)_01	8	8	LT	Nguyễn Thị MaiHương	30/01-21/05/23	16									3,4,5	A2.101			DHKTOCK15A 1	DHCQ 15
34	3KT214 CD	3	Phân tích hoạt động kinh doanh(222)_01	12	11	LT	Nguyễn Thị KimOanh	30/01-21/05/23	16			1,2,3	A2.405									DHQTCK15A 1	DHCQ 15
35	3KT157 DH	3	Quản lý nguồn nhân lực(222)_01	2	2	LT	Nguyễn Thị KimOanh	02/01-09/04/23	14	9,10	A2.406											DHQTNCK14Z	DHCQ 14
							Nguyễn Thị KimOanh							9,10	A2.406								DHCQ 14
36	3KT211 CD	2	Quản trị chất lượng(222)_01	12	12	LT	Nguyễn Thị Thơ	30/01-21/05/23	16			4,5	A3.506									DHQTCK15A 1	DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
37	3KT208 CD	3	Quản trị doanh nghiệp(222)_01	12	9	LT	Nguyễn Thị KimOanh	20/02-04/06/23	15									7,8,9	A2.206			DHQTCK16A1	DHCQ16
38	3KT138 DH	3	Quản trị dự án đầu tư(222)_01	12	12	LT	Nguyễn Thị KimOanh	30/01-21/05/23	16									1,2,3	A2.405			DHQTCK15A1	DHCQ15
39	3KT207 CD	2	Quản trị marketing(222)_01	12	12	LT	Nguyễn Thị MaiHương	30/01-21/05/23	16	4,5	A2.404											DHQTCK15A1	DHCQ15
40	3KT212 CD	3	Quản trị tài chính(222)_01	4	4	LT	Nguyễn Thị MaiHương	02/01-09/04/23	14			7,8	A2.301									DHQTCK14A1	DHCQ14
							Nguyễn Thị MaiHương											13,14	A3.305			DHQTCK14A1	DHCQ14
41	3KT212 CD	3	Quản trị tài chính(222)_02	12	8	LT	Nguyễn Thị MaiHương	20/02-04/06/23	15	7,8,9	A2.411											DHQTCK16A1	DHCQ16
42	3KT155 DH	3	Quản trị tiền công, tiền lương trong doanh nghiệp(222)_01	2	2	LT	Nguyễn Thị Trâm	02/01-09/04/23	14			7,8	A2.405									DHQTCK14Z	DHCQ14
							Nguyễn Thị Trâm									7,8	A2.405					DHQTCK14Z	DHCQ14
43	3KT139 DH	3	Quản trị văn phòng(222)_01	12	12	LT	Nguyễn Thị Trâm	30/01-21/05/23	16	1,2,3	A2.405											DHQTCK15A1	DHCQ15
44	3KT142 DH	3	Tâm lý và đạo đức kinh doanh(222)_01	4	5	LT	Nguyễn Thị Trâm	02/01-09/04/23	14			9,10	A2.301									DHQTCK14A1	DHCQ14
							Nguyễn Thị Trâm							10,11	A2.411							DHQTCK14A1	DHCQ14
45	3KT103 DH	2	Thị trường chứng khoán(222)_01	4	4	LT	Nguyễn Thị MỹTrang	20/02-04/06/23	15					9,10	A2.209							DHKTCK16A1	DHCQ16
46	3KT206 DH	7	Tiểu luận tốt nghiệp(222)_01_DA_1AC	2	2	DA		02/01-09/04/23	14			12	A2.102									DHKTCK14A1	DHCQ14
47	3KT107 DH	3	Tổ chức hạch toán kế toán(222)_01	8	8	LT	Chu Thị Cẩm Hà	30/01-21/05/23	16			3,4,5	A2.206									DHKTCK15A1	DHCQ15
1	4TN201 DC	3	Tin học(222)_02	59	38	LT	Nguyễn Thị Quỳnh Vinh	30/01-19/02/23	3	1,2,3	A2.404											CDMDCK48A1	CDCQ48
							Nguyễn Thị Quỳnh Vinh							1,2	A2.404							CDMDCK48A1	CDCQ48
2	4TN201 DC	3	Tin học(222)_02_TH1	30	20	TH	Nguyễn Thị Quỳnh Vinh	20/02-21/05/23	13	1,2,3,4,5	A3.502											CDMDCK48A1	CDCQ48
3	4TN201 DC	3	Tin học(222)_02_TH2	30	18	TH	Nguyễn ThànhNghĩa	20/02-21/05/23	13					1,2,3,4,5	A3.502							CDMDCK48A1	CDCQ48
4	4TN201 DC	3	Tin học(222)_01_1FD	50	40	LT	Nguyễn Thị Quỳnh Vinh	30/01-19/02/23	3					7,8,9	A2.103							CDTDHCK48A1	CDCQ48
							Nguyễn Thị Quỳnh Vinh											7,8	A2.103			CDTDHCK48A1	CDCQ48
5	4TN201 DC	3	Tin học(222)_01_TH1	25	20	TH	Vũ Thị Thu Hiền	20/02-21/05/23	13					7,8,9,10,11	A3.405							CDTDHCK48A1	CDCQ48
6	4TN201 DC	3	Tin học(222)_01_TH2	25	20	TH	Phạm T.Thanh Bình	20/02-21/05/23	13									7,8,9,10,11	A3.405			CDTDHCK48A1	CDCQ48
7	4TN201	3	Tin học(222)_03	50	30	LT	Nguyễn Thị Lan Anh	30/01-19/02/23	3			7,8,9	A2.402									CDOTCK48A1	CDCQ48

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa	
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học			
7	DC	3	Tin học(222)_03	50	50	LT	Nguyễn Thị Lan Anh	20/02-21/05/23	13							7,8	A2.402					1	CDCQ 48	
8	4TN201 DC	3	Tin học(222)_03_TH1	25	30	TH	Trần Thị Gia	20/02-21/05/23	13			7,8,9,10,11	A3.401									CDOTOCK48A1	CDCQ 48	
9	4TN201 DC	3	Tin học(222)_04	50	46	LT	Nguyễn Thị Lan Anh	30/01-19/02/23	3	1,2,3	A2.411											CDOTOCK48A2	CDCQ 48	
							Nguyễn Thị Lan Anh								1,2	A2.411								CDCQ 48
10	4TN201 DC	3	Tin học(222)_04_TH1	25	25	TH	Nguyễn Thị Phương Thủy	20/02-21/05/23	13	1,2,3,4,5	A3.401											CDOTOCK48A2	CDCQ 48	
11	4TN201 DC	3	Tin học(222)_04_TH2	25	21	TH	Trần Bình Giang	20/02-21/05/23	13							1,2,3,4,5	A3.401					CDOTOCK48A2	CDCQ 48	
12	4TN201 DC	3	Tin học(222)_06	64	53	LT	Nguyễn Thị Phương Thủy	30/01-19/02/23	3					1,2	A2.403								CDDCNCK48A1	CDCQ 48
							Nguyễn Thị Phương Thủy													1,2,3	A2.403		CDCQ 48	
13	4TN201 DC	3	Tin học(222)_06_TH1	32	25	TH	Nguyễn Thị Lan Anh	20/02-21/05/23	13					1,2,3,4,5	A3.404							CDDCNCK48A1	CDCQ 48	
14	4TN201 DC	3	Tin học(222)_06_TH2	32	28	TH	Võ Thị Kim Hoa	20/02-21/05/23	13											1,2,3,4,5	A3.402	CDDCNCK48A1	CDCQ 48	
15	4TN201 DC	3	Tin học(222)_07	65	69	LT	Nguyễn Thị Phương Thủy	30/01-19/02/23	3					7,8	A2.403								CDCTMCK48A1	CDCQ 48
							Nguyễn Thị Phương Thủy													7,8,9	A2.403		CDCQ 48	
16	4TN201 DC	3	Tin học(222)_07_TH1	33	35	TH	Trần Thị Gia	20/02-21/05/23	13											7,8,9,10,11	A3.401	CDCTMCK48A1	CDCQ 48	
17	4TN201 DC	3	Tin học(222)_07_TH2	33	34	TH	Trần Thị Gia	20/02-21/05/23	13					7,8,9,10,11	A3.401							CDCTMCK48A1	CDCQ 48	
1	4TN210 DH	10	Tiểu luận tốt nghiệp(222)_01_DA_106	10	7	DA		02/01-09/04/23	14			6											DHLCQ14	
1	3TN102 CD	2	Bảo mật thông tin(222)_01	50	57	LT		02/01-09/04/23	14					9,10,11	A2.102								DHCTTCK14A1	DHCQ 14
2	3TN109 CD	2	Cấu trúc máy tính(222)_01	69	50	LT	Vũ Thị Thu Hiền	20/02-04/06/23	15			10,11	A2.309										DHCTTCK17A1	DHCQ 17
3	3TN109 CD	2	Cấu trúc máy tính(222)_02	69	50	LT	Vũ Thị Thu Hiền	20/02-04/06/23	15			1,2	A2.309										DHCTTCK17A2	DHCQ 17
4	3TN109 CD	2	Cấu trúc máy tính(222)_03	50	38	LT		20/02-11/06/23	16					3,4	A2.312								DHCTTCK17A3	DHCQ 17
5	3TN205	3	Cơ sở dữ liệu và SQL	25	25	TH	Phạm Thị Đào	20/02-19/03/23	4	8,9,10,11	A3.304											DHCTTCK16A	DHCQ 16	
											8,9,10,11	A3.304									DHCQ 16			
													8,9,10,11	A3.304							DHCQ 16			
															8,9,10,11	A3.304							DHCQ 16	

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
5	CD	3	Server(222)_01_TH	25	25	TH	Phạm Thị Đào											8,9,10,11	A3.304			1	DHCQ 16
							Phạm Thị Đào	20/03-26/03/23	1	8,9,10,11	A3.304												DHCQ 16
							Phạm Thị Đào					8,9,10,11	A3.304										DHCQ 16
							Phạm Thị Đào							8,9	A3.304								DHCQ 16
6	3TN205 CD	3	Cơ sở dữ liệu và SQL Server(222)_02_TH	25	12	TH	Nguyễn Thị Phương Thủy	20/03-26/03/23	1					10,11	A3.304								DHCQ 16
							Nguyễn Thị Phương Thủy									8,9,10,11	A3.304						DHCQ 16
							Nguyễn Thị Phương Thủy											8,9,10,11	A3.304				DHCQ 16
							Nguyễn Thị Phương Thủy	27/03-23/04/23	4	7,8,9,10	A3.304												DHCQ 16
							Nguyễn Thị Phương Thủy					7,8,9,10	A3.304										DHCQ 16
							Nguyễn Thị Phương Thủy							7,8,9,10	A3.304								DHCQ 16
							Nguyễn Thị Phương Thủy									7,8,9,10	A3.304						DHCQ 16
							Nguyễn Thị Phương Thủy											7,8,9,10	A3.304				DHCQ 16
7	3TN205 CD	3	Cơ sở dữ liệu và SQL Server(222)_03_TH	25	19	TH		20/02-19/03/23	4	1,2,3,4	A3.504												DHCQ 16
							Nguyễn Thị Phương Thủy					1,2,3,4	A3.504										DHCQ 16
							Nguyễn Thị Phương Thủy							1,2,3,4	A3.504								DHCQ 16
							Nguyễn Thị Phương Thủy									1,2,3,4	A3.504						DHCQ 16
							Nguyễn Thị Phương Thủy											1,2,3,4	A3.504				DHCQ 16
								20/03-26/03/23	1	1,2,3,4	A3.504												DHCQ 16
							Nguyễn Thị Phương Thủy					1,2,3,4	A3.504										DHCQ 16
							Nguyễn Thị Phương Thủy							1,2	A3.504								DHCQ 16
8	3TN205	2	Cơ sở dữ liệu và SQL	25	18	TH	Phạm Thị Đào	20/03-26/03/23	1					3,4	A3.504								DHCQ 16
							Phạm Thị Đào									1,2,3,4	A3.504						DHCQ 16
							Phạm Thị Đào											1,2,3,4	A3.504				DHCQ 16
							Phạm Thị Đào			1,2,3,4	A3.504												DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
8	CD	2	Server(222)_04_TH	22	18	TH	Phạm Thị Đào	27/03-23/04/23	4			1,2,3,4	A3.504									2	DHCQ 16
						Phạm Thị Đào								1,2,3,4	A3.504								DHCQ 16
						Phạm Thị Đào										1,2,3,4	A3.504						DHCQ 16
						Phạm Thị Đào												1,2,3,4	A3.504				DHCQ 16
9	4TN106 DH	2	Cơ sở lập trình Web(222)_01	69	48	LT		20/02-04/06/23	15	7,8	A2.309											DHCTTCK17A 1	DHCQ 17
10	4TN106 DH	2	Cơ sở lập trình Web(222)_02	69	53	LT	Phạm T.Thanh Bình	20/02-04/06/23	15									3,4	A2.310			DHCTTCK17A 2	DHCQ 17
11	4TN106 DH	2	Cơ sở lập trình Web(222)_03	50	42	LT		20/02-11/06/23	16									1,2	A2.411			DHCTTCK17A 3	DHCQ 17
12	3TN213 DH	2	Công nghệ IOT(222)_01_TH	25	16	TH	Trần Bình Giang	24/04-14/05/23	3	7,8,9,10	A3.404											DHCTTCK15A 1	DHCQ 15
							Trần Bình Giang					7,8,9,10	A3.404										DHCQ 15
							Trần Bình Giang							7,8,9,10	A3.404								DHCQ 15
							Trần Bình Giang										7,8,9,10	A3.404					DHCQ 15
							Trần Bình Giang												7,8,9,10	A3.404			DHCQ 15
13	3TN213 DH	2	Công nghệ IOT(222)_02_TH	25	18	TH	Trần Bình Giang	15/05-04/06/23	3	7,8,9,10	A3.404											DHCTTCK15A 1	DHCQ 15
							Trần Bình Giang					7,8,9,10	A3.404										DHCQ 15
							Trần Bình Giang							7,8,9,10	A3.404								DHCQ 15
							Trần Bình Giang										7,8,9,10	A3.404					DHCQ 15
							Trần Bình Giang												7,8,9,10	A3.404			DHCQ 15
14	3TN213 DH	2	Công nghệ IOT(222)_03_TH	20	18	TH	Trần Bình Giang	24/04-14/05/23	3	1,2,3,4	A3.306											DHCTTCK15A 2	DHCQ 15
							Trần Bình Giang					1,2,3,4	A3.306										DHCQ 15
							Trần Bình Giang							1,2,3,4	A3.306								DHCQ 15
																1,2,3,4	A3.306						DHCQ 15
							Trần Bình Giang											1,2,3,4	A3.306				DHCQ 15
							Trần Bình Giang			1,2,3,4	A3.404												DHCQ 15
							Trần Bình Giang					1,2,3,4	A3.404										DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
15	3TN213 DH	2	Công nghệ IOT(222)_04_TH	20	16	TH	Trần Bình Giang	15/05-04/06/23	3					1,2,3,4								DHCTTCK15A 2	DHCQ 15
																1,2,3,4	A3.404						DHCQ 15
							Trần Bình Giang											1,2,3,4	A3.404				DHCQ 15
16	4TN003 CD	2	Công nghệ Java(222)_01	69	48	LT	Nguyễn Thị Quỳnh Vinh	20/02-04/06/23	15							7,8	A2.309					DHCTTCK17A 1	DHCQ 17
17	4TN003 CD	2	Công nghệ Java(222)_02	69	53	LT	Nguyễn Thị Quỳnh Vinh	20/02-04/06/23	15					1,2	A2.309							DHCTTCK17A 2	DHCQ 17
18	4TN003 CD	2	Công nghệ Java(222)_03	50	42	LT		20/02-11/06/23	16									3,4	A2.411			DHCTTCK17A 3	DHCQ 17
19	3TN110 DH	3	Điện toán đám mây(222)_01	50	37	LT	Vũ Thị Thu Hiền	30/01-21/05/23	16	3,4,5	A2.212											DHCTTCK15A 1	DHCQ 15
20	3TN110 DH	3	Điện toán đám mây(222)_02	40	42	LT	Vũ Thị Thu Hiền	30/01-21/05/23	16	9,10,11	A2.212											DHCTTCK15A 2	DHCQ 15
21	3TN206 DH	1	Đồ án phát triển ứng dụng di động(222)_01_DA	50	39	DA		30/01-21/05/23	16	6												DHCTTCK15A 1	DHCQ 15
22	3TN206 DH	1	Đồ án phát triển ứng dụng di động(222)_02_DA	39	39	DA		30/01-21/05/23	16	12	A2.212											DHCTTCK15A 2	DHCQ 15
23	3TN209 DH	7	Đồ án tốt nghiệp(222)_01_DA_1DD	30	31	DA		02/01-09/04/23	14							12	A2.106					DHCTTCK14A 1	DHCQ 14
24	3TN207 CD	2	Hệ điều hành Windows Server(222)_01_TH	20	18	TH	Phạm T.Thanh Bình	20/02-12/03/23	3	1,2,3,4	A3.304												DHCQ 14
							Phạm T.Thanh Bình					1,2,3,4	A3.304										DHCQ 14
							Phạm T.Thanh Bình							1,2,3,4	A3.304								DHCQ 14
							Phạm T.Thanh Bình									1,2,3,4	A3.304						DHCQ 14
							Phạm T.Thanh Bình											1,2,3,4	A3.304				DHCQ 14
25	3TN212 DH	2	Học máy (Machine learning)(222)_01_TH	25	15	TH	Võ Thị Kim Hoa	15/05-04/06/23	3	7,8,9,10	A3.306												DHCQ 15
							Võ Thị Kim Hoa					7,8,9,10	A3.306										DHCQ 15
							Võ Thị Kim Hoa									7,8,9,10	A3.306						DHCQ 15
							Võ Thị Kim Hoa											7,8,9,10	A3.306				DHCQ 15
							Võ Thị Kim Hoa													7,8,9,10	A3.306		DHCQ 15
26	3TN212 DH	2	Học máy (Machine learning)(222)_02_TH	25	19	TH	Võ Thị Kim Hoa	24/04-14/05/23	3	7,8,9,10	A3.306												DHCQ 15
							Võ Thị Kim Hoa					7,8,9,10	A3.306										DHCQ 15
							Võ Thị Kim Hoa									7,8,9,10	A3.306						DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Võ Thị Kim Hoa											7,8,9,10	A3.306				DHCQ 15
							Võ Thị Kim Hoa													7,8,9,10	A3.306		DHCQ 15
27	3TN212 DH	2	Học máy (Machine learning)(222)_03_TH	20	17	TH	Võ Thị Kim Hoa	13/03-02/04/23	3			1,2,3,4	A3.306									DHCTTCK15A 2	DHCQ 15
							Võ Thị Kim Hoa							1,2,3,4	A3.306								DHCQ 15
							Võ Thị Kim Hoa									1,2,3,4	A3.306						DHCQ 15
							Võ Thị Kim Hoa										1,2,3,4	A3.306					DHCQ 15
							Võ Thị Kim Hoa	03/04-09/04/23	1			1,2,3,4	A3.306										DHCQ 15
							Võ Thị Kim Hoa							1,2,3,4	A3.306								DHCQ 15
							Võ Thị Kim Hoa									1,2,3,4	A3.306						DHCQ 15
							Võ Thị Kim Hoa																DHCQ 15
28	3TN212 DH	2	Học máy (Machine learning)(222)_04_TH	20	18	TH	Trần Thị Gia	15/05-04/06/23	3	1,2,3,4	A3.306											DHCTTCK15A 2	DHCQ 15
							Trần Thị Gia							1,2,3,4	A3.306								DHCQ 15
							Trần Thị Gia									1,2,3,4	A3.306						DHCQ 15
							Trần Thị Gia										1,2,3,4	A3.306					DHCQ 15
							Trần Thị Gia												1,2,3,4	A3.306			DHCQ 15
29	3TN130 DH	2	Kiến trúc máy tính(222)_01_136	14	12	LT	Vũ Thị Thu Hiền	20/02-04/06/23	15	1,2	A2.103											DHKTMCCK16 A1	DHCQ 16
30	3TN201 CD	2	Lắp ráp và cài đặt máy tính(222)_01_TH	35	35	TH	Lê Văn Vinh	20/02-12/03/23	3	1,2,3,4	A3.402											DHCTTCK17A 1	DHCQ 17
							Lê Văn Vinh					1,2,3,4	A3.402										DHCQ 17
							Lê Văn Vinh							1,2,3,4	A3.402								DHCQ 17
							Lê Văn Vinh									1,2,3,4	A3.402						DHCQ 17
							Lê Văn Vinh											1,2,3,4	A3.402				DHCQ 17
							Lê Văn Vinh																DHCQ 17
31	3TN201 CD	2	Lắp ráp và cài đặt máy tính(222)_02_TH	35	21	TH	Phan Việt Đức	13/03-02/04/23	3	1,2,3,4	A3.402											DHCTTCK17A 1	DHCQ 17
							Phan Việt Đức					1,2,3,4	A3.402										DHCQ 17
							Phan Việt Đức							1,2,3,4	A3.402								DHCQ 17
							Phan Việt Đức									1,2,3,4	A3.402						DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Phan Việt Đức											1,2,3,4	A3.402				DHCQ 17
32	3TN201 CD	2	Lắp ráp và cài đặt máy tính(222)_03_TH	35	29	TH	Phan Việt Đức	20/02-12/03/23	3	7,8,9,10	A3.402											DHCTTCK17A 2	DHCQ 17
							Phan Việt Đức					7,8,9,10	A3.402										DHCQ 17
							Phan Việt Đức							7,8,9,10	A3.402								DHCQ 17
							Phan Việt Đức									7,8,9,10	A3.402						DHCQ 17
							Phan Việt Đức											7,8,9,10	A3.402				DHCQ 17
33	3TN201 CD	2	Lắp ráp và cài đặt máy tính(222)_04_TH	35	28	TH	Lê Văn Vinh	13/03-02/04/23	3	7,8,9,10	A3.402											DHCTTCK17A 2	DHCQ 17
							Lê Văn Vinh					7,8,9,10	A3.402										DHCQ 17
							Lê Văn Vinh							7,8,9,10	A3.402								DHCQ 17
							Lê Văn Vinh									7,8,9,10	A3.402						DHCQ 17
							Lê Văn Vinh											7,8,9,10	A3.402				DHCQ 17
34	3TN201 CD	2	Lắp ráp và cài đặt máy tính(222)_05_TH	35	27	TH		03/04-23/04/23	3	8,9,10,11												DHCTTCK17A 3	DHCQ 17
												8,9,10,11											DHCQ 17
														8,9,10,11									DHCQ 17
																8,9,10,11							DHCQ 17
																		8,9,10,11					DHCQ 17
35	4TN103 CD	2	Lập trình C/C++(222)_01	50	19	LT		20/02-04/06/23	15											1,2	A2.103	DHCTTCK17A 3	DHCQ 17
36	3TN111 DH	3	Lập trình di động(222)_01	50	46	LT	Vũ Thị Thu Hiền	20/02-04/06/23	15			3,4,5	A2.210									DHCTTCK16A 1	DHCQ 16
37	3TN111 DH	3	Lập trình di động(222)_02	50	40	LT	Trần Bình Giang	20/02-04/06/23	15							7,8,9	A2.104					DHCTTCK16A 2	DHCQ 16
38	3TN115 DH	2	Lập trình nhúng(222)_01	50	34	LT		02/01-09/04/23	14							9,10,11	A2.105					DHCTTCK14A 1	DHCQ 14
39	3TN114 DH	2	Lập trình Robot(222)_01	50	38	LT	Nguyễn Thị Quỳnh Vinh	20/02-04/06/23	15							3,4	A2.105					DHCTTCK16A 1	DHCQ 16
40	3TN114 DH	2	Lập trình Robot(222)_02	50	39	LT	Nguyễn Thị Quỳnh Vinh	20/02-04/06/23	15							10,11	A2.104					DHCTTCK16A 2	DHCQ 16
										1,2,3,4	A3.402												DHCQ 15
							Nguyễn Thị Phương Thủy					1,2,3,4	A3.402										DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
41	3TN230 DH	2	Lập trình ứng dụng Web(222)_01_TH	24	24	TH	Nguyễn Thị Phương Thủy	03/04-23/04/23	3					1,2,3,4	A3.402							DHKTMCK15 A1	DHCQ 15
							Nguyễn Thị Phương Thủy									1,2,3,4	A3.402						DHCQ 15
							Nguyễn Thị Phương Thủy											1,2,3,4	A3.402				DHCQ 15
42	3TN105 CD	2	Phân tích thiết kế hệ thống với UML(222)_01	50	39	LT		20/02-04/06/23	15					1,2	A2.105							DHCTTCK16A 1	DHCQ 16
43	3TN105 CD	2	Phân tích thiết kế hệ thống với UML(222)_02	50	43	LT	Nguyễn Thị Lan Anh	20/02-04/06/23	15					7,8	A2.104							DHCTTCK16A 2	DHCQ 16
44	3TN204 DH	2	Phát triển ứng dụng di động nâng cao(222)_01_TH	25	31	TH	Nguyễn Thị Quỳnh Vinh	03/04-23/04/23	3	7,8,9,10	A3.306											DHCTTCK15A 1	DHCQ 15
							Nguyễn Thị Quỳnh Vinh					7,8,9,10	A3.306										DHCQ 15
							Nguyễn Thị Quỳnh Vinh							7,8,9,10	A3.306								DHCQ 15
																7,8,9,10	A3.306						DHCQ 15
							Nguyễn Thị Quỳnh Vinh											7,8,9,10	A3.306				DHCQ 15
45	3TN204 DH	2	Phát triển ứng dụng di động nâng cao(222)_03_TH	20	21	TH	Vũ Thị Thu Hiền	30/01-18/02/23	3			1,2,3,4	A3.306									DHCTTCK15A 2	DHCQ 15
							Vũ Thị Thu Hiền							1,2,3,4	A3.306								DHCQ 15
							Vũ Thị Thu Hiền									1,2,3,4	A3.306						DHCQ 15
							Vũ Thị Thu Hiền											1,2,3,4	A3.306				DHCQ 15
							Vũ Thị Thu Hiền													1,2,3,4	A3.306		DHCQ 15
46	3TN204 DH	2	Phát triển ứng dụng di động nâng cao(222)_04_TH	20	13	TH	Hồ Ngọc Vinh	20/02-11/03/23	3			1,2,3,4	A3.306									DHCTTCK15A 2	DHCQ 15
							Hồ Ngọc Vinh							1,2,3,4	A3.306								DHCQ 15
							Hồ Ngọc Vinh									1,2,3,4	A3.306						DHCQ 15
							Hồ Ngọc Vinh											1,2,3,4	A3.306				DHCQ 15
							Hồ Ngọc Vinh													1,2,3,4	A3.306		DHCQ 15
47	2TN031 DC	2	Quản trị mạng(222)_01	50	31	LT		30/01-21/05/23	16			1,2	A2.212									DHCTTCK15A 1	DHCQ 15
48	2TN031 DC	2	Quản trị mạng(222)_02	40	36	LT		30/01-21/05/23	16			7,8	A2.212									DHCTTCK15A 2	DHCQ 15
49	4TN117 DH	2	Thiết kế đa phương tiện(222)_01	69	50	LT	Võ Thị Kim Hoa	20/02-04/06/23	15					7,8	A2.309							DHCTTCK17A 1	DHCQ 17
50	4TN117 DH	2	Thiết kế đa phương tiện(222)_02	69	49	LT		20/02-04/06/23	15	4,5	A2.309											DHCTTCK17A 2	DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
51	4TN117 DH	2	Thiết kế đa phương tiện(222)_03	50	40	LT	Võ Thị Kim Hoa	20/02-11/06/23	16	1,2	A2.411											DHCTTCK17A 3	DHCQ 17
52	3TN203 CD	3	Thiết kế Web(222)_01_TH	25	22	TH	Nguyễn Thị Lan Anh	27/03-23/04/23	4	7,8,9,10	A3.504											DHCTTCK16A 1	DHCQ 16
							Nguyễn Thị Lan Anh					7,8,9,10	A3.504										DHCQ 16
														7,8,9,10	A3.504								DHCQ 16
							Nguyễn Thị Lan Anh									7,8,9,10	A3.504						DHCQ 16
							Nguyễn Thị Lan Anh	24/04-30/04/23	1									7,8,9,10	A3.504				DHCQ 16
							Nguyễn Thị Lan Anh			8,9,10,11	A3.504												DHCQ 16
							Nguyễn Thị Lan Anh					8,9,10,11	A3.504										DHCQ 16
														8,9	A3.504								DHCQ 16
53	3TN203 CD	3	Thiết kế Web(222)_02_TH	25	16	TH	Phạm T.Thanh Bình	24/04-30/04/23	1					10,11	A3.304							DHCTTCK16A 1	DHCQ 16
							Phạm T.Thanh Bình									8,9,10,11	A3.304						DHCQ 16
																		8,9,10,11	A3.304				DHCQ 16
								01/05-28/05/23	4	7,8,9,10	A3.304												DHCQ 16
							Phạm T.Thanh Bình					7,8,9,10	A3.304										DHCQ 16
							Phạm T.Thanh Bình							7,8,9,10	A3.304								DHCQ 16
							Phạm T.Thanh Bình									7,8,9,10	A3.304						DHCQ 16
																		7,8,9,10	A3.304				DHCQ 16
54	3TN203 CD	3	Thiết kế Web(222)_03_TH	25	16	TH	Phạm T.Thanh Bình	27/03-23/04/23	4	1,2,3,4	A3.304											DHCTTCK16A 2	DHCQ 16
							Phạm T.Thanh Bình					1,2,3,4	A3.304										DHCQ 16
							Phạm T.Thanh Bình							1,2,3,4	A3.304								DHCQ 16
							Phạm T.Thanh Bình									1,2,3,4	A3.304						DHCQ 16
																		1,2,3,4	A3.304				DHCQ 16
																							DHCQ 16
							Phạm T.Thanh Bình	24/04-30/04/23	1	1,2,3,4	A3.304												DHCQ 16
							Phạm T.Thanh Bình					1,2,3,4	A3.304										DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Phạm T.Thanh Bình							1,2	A3.304								DHCQ 16
55	3TN203 CD	3	Thiết kế Web(222)_04_TH	25	22	TH		24/04-30/04/23	1					3,4	A3.504								DHCQ 16
							Nguyễn Thị Lan Anh									1,2,3,4	A3.504						DHCQ 16
																		1,2,3,4	A3.504				DHCQ 16
							Nguyễn Thị Lan Anh	01/05-28/05/23	4	1,2,3,4	A3.504												DHCQ 16
							Nguyễn Thị Lan Anh					1,2,3,4	A3.504										DHCQ 16
														1,2,3,4	A3.504								DHCQ 16
							Nguyễn Thị Lan Anh									1,2,3,4	A3.504						DHCQ 16
																		1,2,3,4	A3.504				DHCQ 16
56	3TN202 CD	2	Thiết kế, xây dựng mạng LAN(222)_01_TH	25	23	TH	Lê Văn Vinh	03/04-23/04/23	3	7,8,9,10	A3.406												DHCQ 16
							Lê Văn Vinh					7,8,9,10	A3.406										DHCQ 16
							Lê Văn Vinh							7,8,9,10	A3.406								DHCQ 16
							Lê Văn Vinh									7,8,9,10	A3.406						DHCQ 16
							Lê Văn Vinh											7,8,9,10	A3.406				DHCQ 16
57	3TN207 DH	9	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(222)_01_TH_128	10	1	TH		13/03-13/05/23	6	7,8,9,10	TTTN												DHCQ 14
										1,2,3,4	TTTN												DHCQ 14
												7,8,9,10	TTTN										DHCQ 14
												1,2,3,4	TTTN										DHCQ 14
														1,2,3,4	TTTN								DHCQ 14
														7,8,9,10	TTTN								DHCQ 14
																1,2,3,4	TTTN						DHCQ 14
																7,8,9,10	TTTN						DHCQ 14
																		7,8,9,10	TTTN				DHCQ 14
																		1,2,3,4	TTTN				DHCQ 14
																							DHCQ 14

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
58	3TN210 DH	7	Tiểu luận tốt nghiệp(222)_01_DA_1D3	30	10	DA		02/01-09/04/23	14					12	A2.107							DHCTTCK14A1	DHCQ14
59	4TN305 DH	3	Tin học cơ bản(222)_01	63	64	LT		20/02-04/06/23	15							7,8,9	A3.301					DHDDTCK17A1	DHCQ17
60	4TN305 DH	3	Tin học cơ bản(222)_02	63	64	LT		20/02-04/06/23	15							7,8,9	A2.212					DHDDTCK17A2	DHCQ17
61	4TN305 DH	3	Tin học cơ bản(222)_03	64	65	LT	Trần Thị Gia	20/02-04/06/23	15			1,2,3	A2.106									DHDDTCK17A3	DHCQ17
62	2TN026 DH	2	Xử lý ảnh và nhận dạng(222)_01	50	39	LT		30/01-05/03/23	5							3,4	A2.212					DHCTTCK15A1	DHCQ15
								06/03-22/04/23	11							3,4,5	A2.212						DHCQ15
63	2TN026 DH	2	Xử lý ảnh và nhận dạng(222)_02	40	38	LT	Trần Bình Giang	30/01-21/05/23	16							10,11	A2.212					DHCTTCK15A2	DHCQ15
1	3DT104 CD	2	An toàn lao động và vật liệu điện lạnh(222)_01	60	38	LT	Nguyễn Đăng Thông	30/01-21/05/23	16			1,2	A2.203									CDMDKCK48A1	CDCQ48
2	3DT201 CD	2	Lắp mạch điện tử cơ bản(222)_20_TH	19	20	TH		03/04-23/04/23	3	7,8,9,10	A4.108											CDMDKCK48A1	CDCQ48
												7,8,9,10	A4.108										CDCQ48
														7,8,9,10	A4.108								CDCQ48
																7,8,9,10	A4.108						CDCQ48
																		7,8,9,10	A4.108				CDCQ48
3	3DT201 CD	2	Lắp mạch điện tử cơ bản(222)_22_TH	19	22	TH		20/02-12/03/23	3	7,8,9,10	A4.108											CDMDKCK48A1	CDCQ48
												7,8,9,10	A4.108										CDCQ48
														7,8,9,10	A4.108								CDCQ48
																7,8,9,10	A4.108						CDCQ48
																		7,8,9,10	A4.108				CDCQ48
4	3DT229 CD	2	Lắp mạch trang bị điện trong hệ thống lạnh(222)_01_TH	19	18	TH	Nguyễn Đình Thư	13/03-02/04/23	3	7,8,9,10	A4.109											CDMDKCK48A1	CDCQ48
							Nguyễn Đình Thư					7,8,9,10	A4.109										CDCQ48
							Nguyễn Đình Thư							7,8,9,10	A4.109								CDCQ48
							Nguyễn Đình Thư									7,8,9,10	A4.109						CDCQ48
							Nguyễn Đình Thư											7,8,9,10	A4.109				CDCQ48

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
5	3DT229 CD	2	Lắp mạch trang bị điện trong hệ thống lạnh(222)_03_TH	19	19	TH	Nguyễn Đình Thư	24/04-14/05/23	3	7,8,9,10	A4.109											CDMDKCK48 A1	CDCQ 48
							Nguyễn Đình Thư					7,8,9,10	A4.109										CDCQ 48
							Nguyễn Đình Thư							7,8,9,10	A4.109								CDCQ 48
							Nguyễn Đình Thư									7,8,9,10	A4.109						CDCQ 48
							Nguyễn Đình Thư											7,8,9,10	A4.109				CDCQ 48
6	3DT234 CD	10	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(222)_01_TH_173	40	37	TH		30/01-09/04/23	10	8,9,10,11	TTTN. MDK1											CDMDKCK47 A1	CDCQ 47
										1,2,3,4	TTTN. MDK1												CDCQ 47
												8,9,10,11	TTTN. MDK1										CDCQ 47
												1,2,3,4	TTTN. MDK1										CDCQ 47
														1,2,3,4	TTTN. MDK1								CDCQ 47
														8,9,10,11	TTTN. MDK1								CDCQ 47
																1,2,3,4	TTTN. MDK1						CDCQ 47
																		8,9,10,11	TTTN. MDK1				CDCQ 47
																		1,2,3,4	TTTN. MDK1				CDCQ 47
																							CDCQ 47
7	3DT235 CD	14	Thực tập tốt nghiệp(222)_01_TH_109	40	39	TH		10/04-16/07/23	14	8,9,10,11	TTTN. MDK1											CDMDKCK47 A1	CDCQ 47
										1,2,3,4	TTTN. MDK1												CDCQ 47
												8,9,10,11	TTTN. MDK1										CDCQ 47
												1,2,3,4	TTTN. MDK1										CDCQ 47
														1,2,3,4	TTTN. MDK1								CDCQ 47
														8,9,10,11	TTTN. MDK1								CDCQ 47
																							CDCQ 47
																1,2,3,4	TTTN. MDK1						CDCQ 47
																8,9,10,11	TTTN. MDK1						CDCQ 47

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																		8,9,10,11	TTTN. MDK1				CDCQ 47
																		1,2,3,4	TTTN. MDK1				CDCQ 47
1	3DT113 DH	3	Anten và truyền sóng(222)_01	10	10	LT	Trần Thị Thương	20/02-04/06/23	15									1,2,3	A2.301			DHDTVCK16A1	DHCQ 16
2	3DT226 DH	4	Bảo trì thiết bị điện tử(222)_01_TH	11	11	TH	Võ Văn Đức	20/02-02/04/23	6	1,2,3,4	A4.210												DHCQ 15
							Võ Văn Đức					1,2,3,4	A4.210										DHCQ 15
							Võ Văn Đức							1,2,3,4	A4.210								DHCQ 15
							Võ Văn Đức									1,2,3,4	A4.210						DHCQ 15
							Võ Văn Đức											1,2,3,4	A4.210				DHCQ 15
3	3DT215 CD	2	Chế tạo mạch điện tử(222)_01_TH	25	22	TH	Lê Tiến Hiếu	15/05-04/06/23	3	7,8,9,10	A4.209												DHCQ 16
							Lê Tiến Hiếu					7,8,9,10	A4.209										DHCQ 16
							Lê Tiến Hiếu							7,8,9,10	A4.209								DHCQ 16
							Lê Tiến Hiếu									7,8,9,10	A4.209						DHCQ 16
							Lê Tiến Hiếu											7,8,9,10	A4.209				DHCQ 16
4	3DT103 DH	2	Điện tử tương tự(222)_01	24	20	LT	Lê Thị Ngọc Hà	20/02-04/06/23	15					7,8	A2.212							Ghép: DHDTVCK17A1 + DHKTMCK17A1	DHCQ 17
5	3DT101 DC	2	Điện tử tương tự và số(222)_01	50	51	LT	Lê Thị Ngọc Hà	20/02-04/06/23	15					3,4	A2.304							DHTDHCK17A1	DHCQ 17
6	3DT101 DC	2	Điện tử tương tự và số(222)_02	50	47	LT	Lê Thị Ngọc Hà	20/02-04/06/23	15			4,5	A2.103									DHTDHCK17A2	DHCQ 17
7	3DT101 DC	2	Điện tử tương tự và số(222)_03	50	51	LT	Lê Thị Ngọc Hà	20/02-04/06/23	15							7,8	A2.310					DHTDHCK17A3	DHCQ 17
8	3DT101 DC	2	Điện tử tương tự và số(222)_04	50	51	LT	Lê Thị Ngọc Hà	20/02-04/06/23	15							9,10	A2.404					DHTDHCK17A4	DHCQ 17
9	3DT133 DH	1	Đồ án Hệ thống nhúng(222)_01_DA	24	24	DA		20/02-04/06/23	15	12												DHKTMCK15A1	DHCQ 15
10	3DT116 DH	1	Đồ án Hệ thống viễn thông(222)_01_DA	11	11	DA		20/02-04/06/23	15	12												DHDTVCK15A1	DHCQ 15
11	3DT132 DH	3	Hệ thống nhúng(222)_01	24	24	LT	Lê Văn Biên	20/02-04/06/23	15			7,8,9	A2.302									DHKTMCK15A1	DHCQ 15
12	3DT123 DH	2	Kỹ thuật chuyển mạch(222)_01	11	11	LT	Trần Thị Thương	20/02-04/06/23	15			7,8	A2.306									DHDTVCK15A1	DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
13	3DT216 CD	2	Lắp đặt thiết bị thu phát vô tuyến(222)_01_TH	11	11	TH	Nguyễn Đăng Thông	15/05-04/06/23	3	1,2,3,4	A4.306											DHDTVCK15A 1	DHCQ 15
												1,2,3,4	A4.306										DHCQ 15
							Nguyễn Đăng Thông							1,2,3,4	A4.306								DHCQ 15
							Nguyễn Đăng Thông									1,2,3,4	A4.306						DHCQ 15
																		1,2,3,4	A4.306				DHCQ 15
14	3DT204 CD	2	Lắp mạch cảm biến(222)_01_TH	25	22	TH	Lê TiếnHiếu	24/04-14/05/23	3	7,8,9,10	A4.209											DHDTVCK16A 1	DHCQ 16
							Lê TiếnHiếu					7,8,9,10	A4.209										DHCQ 16
							Lê TiếnHiếu							7,8,9,10	A4.209								DHCQ 16
							Lê TiếnHiếu									7,8,9,10	A4.209						DHCQ 16
							Lê TiếnHiếu											7,8,9,10	A4.209				DHCQ 16
15	3DT201 CD	2	Lắp mạch điện tử cơ bản(222)_01_TH	21	22	TH	Nguyễn Đình Thư	20/02-12/03/23	3	8,9,10,11	A4.109												DHCQ 17
							Nguyễn Đình Thư					8,9,10,11	A4.109										DHCQ 17
							Nguyễn Đình Thư							8,9,10,11	A4.109								DHCQ 17
							Nguyễn Đình Thư									8,9,10,11	A4.109						DHCQ 17
							Nguyễn Đình Thư											8,9,10,11	A4.109				DHCQ 17
16	3DT201 CD	2	Lắp mạch điện tử cơ bản(222)_02_TH	21	24	TH	Bùi Xuân Vinh	13/03-02/04/23	3	13,14,15,16	A4.207												DHCQ 17
							Bùi Xuân Vinh					13,14,15,16	A4.207										DHCQ 17
							Bùi Xuân Vinh							13,14,15,16	A4.207								DHCQ 17
							Bùi Xuân Vinh									13,14,15,16	A4.207						DHCQ 17
							Bùi Xuân Vinh											13,14,15,16	A4.207				DHCQ 17
17	3DT201 CD	2	Lắp mạch điện tử cơ bản(222)_03_TH	21	23	TH	Nguyễn Đăng Thông	03/04-23/04/23	3	8,9,10,11	A4.306												DHCQ 17
							Nguyễn Đăng Thông					8,9,10,11	A4.306										DHCQ 17
							Nguyễn Đăng Thông							8,9,10,11	A4.306								DHCQ 17
							Nguyễn Đăng Thông									8,9,10,11	A4.306						DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Nguyễn Đăng Thông											8,9,10,11	A4.306				DHCQ 17
18	3DT201 CD	2	Lắp mạch điện tử cơ bản(222)_04_TH	21	21	TH	Lê TiếnHiếu	24/04-14/05/23	3	13,14,15,16	A4.209												DHCQ 17
							Lê TiếnHiếu					13,14,15,16	A4.209										DHCQ 17
							Lê TiếnHiếu							13,14,15,16	A4.209								DHCQ 17
							Lê TiếnHiếu									13,14,15,16	A4.209						DHCQ 17
							Lê TiếnHiếu											13,14,15,16	A4.209				DHCQ 17
							Lê TiếnHiếu																DHCQ 17
19	3DT201 CD	2	Lắp mạch điện tử cơ bản(222)_05_TH	21	22	TH	Nguyễn Đình Thư	15/05-04/06/23	3	8,9,10,11	A4.109												DHCQ 17
							Nguyễn Đình Thư					8,9,10,11	A4.109										DHCQ 17
							Nguyễn Đình Thư							8,9,10,11	A4.109								DHCQ 17
							Nguyễn Đình Thư									8,9,10,11	A4.109						DHCQ 17
							Nguyễn Đình Thư											8,9,10,11	A4.109				DHCQ 17
20	3DT201 CD	2	Lắp mạch điện tử cơ bản(222)_06_TH	21	21	TH	Lê VănBiên	20/02-12/03/23	3	1,2,3,4	A4.208												DHCQ 17
							Lê VănBiên					1,2,3,4	A4.208										DHCQ 17
							Lê VănBiên							1,2,3,4	A4.208								DHCQ 17
							Lê VănBiên									1,2,3,4	A4.208						DHCQ 17
							Lê VănBiên											1,2,3,4	A4.208				DHCQ 17
21	3DT201 CD	2	Lắp mạch điện tử cơ bản(222)_07_TH	21	21	TH	Lê VănBiên	13/03-02/04/23	3	1,2,3,4	A4.208												DHCQ 17
							Lê VănBiên					1,2,3,4	A4.208										DHCQ 17
							Lê VănBiên							1,2,3,4	A4.208								DHCQ 17
							Lê VănBiên									1,2,3,4	A4.208						DHCQ 17
							Lê VănBiên											1,2,3,4	A4.208				DHCQ 17
22	3DT201 CD	2	Lắp mạch điện tử cơ bản(222)_08_TH	21	21	TH	Lê VănBiên	03/04-23/04/23	3	1,2,3,4	A4.208												DHCQ 17
							Lê VănBiên					1,2,3,4	A4.208										DHCQ 17
							Lê VănBiên							1,2,3,4	A4.208								DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Lê VănBiên									1,2,3,4	A4.208						DHCQ 17
							Lê VănBiên											1,2,3,4	A4.208				DHCQ 17
23	3DT201 CD	2	Lắp mạch điện tử cơ bản(222)_10_TH	21	13	TH	Nguyễn Đình Thư	15/05-04/06/23	3	1,2,3,4	A4.109												DHCQ 17
							Nguyễn Đình Thư					1,2,3,4	A4.109										DHCQ 17
							Nguyễn Đình Thư							1,2,3,4	A4.109								DHCQ 17
							Nguyễn Đình Thư									1,2,3,4	A4.109						DHCQ 17
							Nguyễn Đình Thư											1,2,3,4	A4.109				DHCQ 17
24	3DT201 CD	2	Lắp mạch điện tử cơ bản(222)_11_TH	22	22	TH	Bùi Xuân Vinh	20/02-12/03/23	3	1,2,3,4	A4.207												DHCQ 17
							Bùi Xuân Vinh					1,2,3,4	A4.207										DHCQ 17
							Bùi Xuân Vinh							1,2,3,4	A4.207								DHCQ 17
							Bùi Xuân Vinh									1,2,3,4	A4.207						DHCQ 17
							Bùi Xuân Vinh											1,2,3,4	A4.207				DHCQ 17
25	3DT201 CD	2	Lắp mạch điện tử cơ bản(222)_12_TH	22	22	TH	Bùi Xuân Vinh	13/03-02/04/23	3	1,2,3,4	A4.207												DHCQ 17
							Bùi Xuân Vinh					1,2,3,4	A4.207										DHCQ 17
							Bùi Xuân Vinh							1,2,3,4	A4.207								DHCQ 17
							Bùi Xuân Vinh									1,2,3,4	A4.207						DHCQ 17
							Bùi Xuân Vinh											1,2,3,4	A4.207				DHCQ 17
26	3DT201 CD	2	Lắp mạch điện tử cơ bản(222)_13_TH	22	22	TH	Bùi Xuân Vinh	03/04-23/04/23	3	1,2,3,4	A4.207												DHCQ 17
							Bùi Xuân Vinh					1,2,3,4	A4.207										DHCQ 17
							Bùi Xuân Vinh							1,2,3,4	A4.207								DHCQ 17
							Bùi Xuân Vinh									1,2,3,4	A4.207						DHCQ 17
							Bùi Xuân Vinh											1,2,3,4	A4.207				DHCQ 17
							Bùi Xuân Vinh			1,2,3,4	A4.207												DHCQ 17
							Bùi Xuân Vinh					1,2,3,4	A4.207										DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
27	3DT201 CD	2	Lắp mạch điện tử cơ bản(222)_14_TH	22	18	TH	Bùi Xuân Vinh	24/04-14/05/23	3					1,2,3,4	A4.207								DHCQ 17
							Bùi Xuân Vinh									1,2,3,4	A4.207						DHCQ 17
							Bùi Xuân Vinh											1,2,3,4	A4.207				DHCQ 17
28	3DT201 CD	2	Lắp mạch điện tử cơ bản(222)_15_TH	22	22	TH	Bùi Xuân Vinh	15/05-04/06/23	3	1,2,3,4	A4.207												DHCQ 17
							Bùi Xuân Vinh					1,2,3,4	A4.207										DHCQ 17
							Bùi Xuân Vinh							1,2,3,4	A4.207								DHCQ 17
							Bùi Xuân Vinh									1,2,3,4	A4.207						DHCQ 17
							Bùi Xuân Vinh											1,2,3,4	A4.207				DHCQ 17
							Bùi Xuân Vinh																DHCQ 17
29	3DT201 CD	2	Lắp mạch điện tử cơ bản(222)_16_TH	22	12	TH	Lê TiếnHiếu	24/04-14/05/23	3	1,2,3,4	A4.209												DHCQ 17
							Lê TiếnHiếu					1,2,3,4	A4.209										DHCQ 17
							Lê TiếnHiếu							1,2,3,4	A4.209								DHCQ 17
							Lê TiếnHiếu									1,2,3,4	A4.209						DHCQ 17
							Lê TiếnHiếu											1,2,3,4	A4.209				DHCQ 17
							Lê TiếnHiếu																DHCQ 17
30	3DT201 CD	2	Lắp mạch điện tử cơ bản(222)_17_TH	22	22	TH	Nguyễn Đăng Thông	13/03-02/04/23	3	8,9,10, 11	A4.306												DHCQ 17
							Nguyễn Đăng Thông					8,9,10, 11	A4.306										DHCQ 17
							Nguyễn Đăng Thông							8,9,10, 11	A4.306								DHCQ 17
							Nguyễn Đăng Thông									8,9,10, 11	A4.306						DHCQ 17
							Nguyễn Đăng Thông											8,9,10, 11	A4.306				DHCQ 17
							Nguyễn Đăng Thông																DHCQ 17
31	3DT201 CD	2	Lắp mạch điện tử cơ bản(222)_18_TH	22	22	TH	Hà Huy Công	24/04-14/05/23	3	8,9,10, 11	A4.108												DHCQ 17
							Hà Huy Công					8,9,10, 11	A4.108										DHCQ 17
							Hà Huy Công							8,9,10, 11	A4.108								DHCQ 17
							Hà Huy Công									8,9,10, 11	A4.108						DHCQ 17
							Hà Huy Công											8,9,10, 11	A4.108				DHCQ 17
							Hà Huy Công																DHCQ 17
							Võ VănĐức			8,9,10, 11	A4.210												DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
32	3DT201 CD	2	Lắp mạch điện tử cơ bản(222)_19_TH	22	22	TH	Võ Văn Đức	03/04-23/04/23	3			8,9,10,11	A4.210										DHCQ 17
							Võ Văn Đức							8,9,10,11	A4.210								DHCQ 17
							Võ Văn Đức									8,9,10,11	A4.210						DHCQ 17
							Võ Văn Đức											8,9,10,11	A4.210				DHCQ 17
33	3DT202 CD	2	Lắp mạch điện tử tương tự(222)_01_TH	6	20	TH	Hà Huy Công	15/05-04/06/23	3	1,2,3,4	A4.108											DHD TVCK17A1	DHCQ 17
							Hà Huy Công					1,2,3,4	A4.108										DHCQ 17
							Hà Huy Công							1,2,3,4	A4.108								DHCQ 17
							Hà Huy Công									1,2,3,4	A4.108						DHCQ 17
							Hà Huy Công											1,2,3,4	A4.108				DHCQ 17
34	3DT109 DH	2	Lập trình C cho vi điều khiển(222)_01	24	22	LT	Nguyễn Minh Quân	20/02-04/06/23	15							1,2	A2.105					Ghép: DHKTMCK16A1 + DHD TVCK16A1	DHCQ 16
35	3DT232 DH	2	Lập trình hệ thống nhúng(222)_01_TH	24	24	TH	Lê Tiến Hiếu	13/03-02/04/23	3	1,2,3,4	A4.209											DHKTMCK15A1	DHCQ 15
							Lê Tiến Hiếu					1,2,3,4	A4.209										DHCQ 15
							Lê Tiến Hiếu							1,2,3,4	A4.209								DHCQ 15
							Lê Tiến Hiếu									1,2,3,4	A4.209						DHCQ 15
							Lê Tiến Hiếu											1,2,3,4	A4.209				DHCQ 15
36	4DT140 DH	2	Lý thuyết mạch hệ thống(222)_01	24	20	LT	Trần Thị Thương	20/02-04/06/23	15							7,8	A2.304					Ghép: DHD TVCK17A1 + DHKTMCK17A1	DHCQ 17
37	4DT135 DH	3	Nhập môn ngành Điện tử, Viễn thông(222)_01	6	5	LT	Nguyễn Minh Quân	20/02-04/06/23	15	7,8,9	A2.301											DHD TVCK17A1	DHCQ 17
38	4DT136 DH	3	Nhập môn ngành Kỹ thuật Máy tính(222)_01	18	15	LT	Nguyễn Minh Quân	20/02-04/06/23	15							9,10,11	A2.304					DHKTMCK17A1	DHCQ 17
39	3DT234 DH	4	Sửa chữa máy tính(222)_01_TH	24	24	TH	Võ Văn Đức	24/04-04/06/23	6	1,2,3,4	A4.210											DHKTMCK15A1	DHCQ 15
							Võ Văn Đức					1,2,3,4	A4.210										DHCQ 15
							Võ Văn Đức							1,2,3,4	A4.210								DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Võ Văn Đức									1,2,3,4	A4.210						DHCQ 15
							Võ Văn Đức											1,2,3,4	A4.210				DHCQ 15
40	3DT107 DH	2	Thiết kế số bằng ngôn ngữ mô tả phần cứng HDL(222)_01	24	22	LT	Nguyễn Đăng Thông	20/02-04/06/23	15			3,4	A2.101									Ghép: DHKTMCK16 A1 + DHDTVCK16A1	DHCQ 16
41	3DT220 CD	2	Thiết kế, lắp đặt hệ thống IOT(222)_01_TH	11	11	TH	Lê Tiến Hiếu	03/04-23/04/23	3	1,2,3,4	A4.209											DHDTVCK15A1	DHCQ 15
							Lê Tiến Hiếu					1,2,3,4	A4.209										DHCQ 15
							Lê Tiến Hiếu							1,2,3,4	A4.209								DHCQ 15
							Lê Tiến Hiếu									1,2,3,4	A4.209						DHCQ 15
							Lê Tiến Hiếu											1,2,3,4	A4.209				DHCQ 15
42	3DT220 CD	2	Thiết kế, lắp đặt hệ thống IOT(222)_02_TH	24	24	TH	Lê Tiến Hiếu	20/02-12/03/23	3	1,2,3,4	A4.209											DHKTMCK15 A1	DHCQ 15
							Lê Tiến Hiếu					1,2,3,4	A4.209										DHCQ 15
							Lê Tiến Hiếu							1,2,3,4	A4.209								DHCQ 15
							Lê Tiến Hiếu									1,2,3,4	A4.209						DHCQ 15
							Lê Tiến Hiếu											1,2,3,4	A4.209				DHCQ 15
43	3DT115 DH	3	Thông tin di động(222)_01	11	11	LT	Lê Văn Biên	20/02-04/06/23	15							8,9,10	A2.302					DHDTVCK15A1	DHCQ 15
										1,2,3,4	Thực tập TN(DT T)1												DHCQ 13
										7,8,9,10	Thực tập TN(DT T)1												DHCQ 13
												1,2,3,4	Thực tập TN(DT T)1										DHCQ 13
												7,8,9,10	Thực tập TN(DT T)1										DHCQ 13

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
44	3DT222 DH	9	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(222)_01_TT	10	1	TT		30/01-02/04/23	9					7,8,9,10	Thực tập TN(DT T)1								DHCQ 13
														1,2,3,4	Thực tập TN(DT T)1								DHCQ 13
																7,8,9,10	Thực tập TN(DT T)1						DHCQ 13
																1,2,3,4	Thực tập TN(DT T)1						DHCQ 13
																		7,8,9,10	Thực tập TN(DT T)1				DHCQ 13
																		1,2,3,4	Thực tập TN(DT T)1				DHCQ 13
45	3DT223 DH	9	Thực tập tốt nghiệp(222)_01_TT	1	1	TT		03/04-04/06/23	9	7,8,9,10	Thực tập TN(DT T)1												DHCQ 13
										1,2,3,4	Thực tập TN(DT T)1												DHCQ 13
												7,8,9,10	Thực tập TN(DT T)1										DHCQ 13
												1,2,3,4	Thực tập TN(DT T)1										DHCQ 13
														1,2,3,4	Thực tập TN(DT T)1								DHCQ 13
														7,8,9,10	Thực tập TN(DT T)1								DHCQ 13

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																1,2,3,4	Thực tập TN(DT T)1						DHCQ 13
																7,8,9,10	Thực tập TN(DT T)1						DHCQ 13
																		7,8,9,10	Thực tập TN(DT T)1				DHCQ 13
																		1,2,3,4	Thực tập TN(DT T)1				DHCQ 13
1	3DN101 CD	3	Cơ sở kỹ thuật điện(222)_01	45	46	LT	Nguyễn VănĐộ	30/01-21/05/23	16			7,8,9	A2.309									Ghép: CDTDHCK48A 1	CDCQ 48
2	3DN101 CD	3	Cơ sở kỹ thuật điện(222)_02	64	48	LT	Nguyễn VănĐộ	30/01-21/05/23	16	3,4,5	A2.402											CDDCNCK48A 1	CDCQ 48
3	3DN201 CD	2	Sử dụng dụng cụ đồ nghề và đo lường điện(222)_01_TH	21	17	TH		30/01-19/02/23	3	13,14,15,16	A4-202											CDDCNCK48A 1	CDCQ 48
												13,14,15,16	A4-202										CDCQ 48
														13,14,15,16	A4-202								CDCQ 48
																13,14,15,16	A4-202						CDCQ 48
																		13,14,15,16	A4-202				CDCQ 48
4	3DN201 CD	2	Sử dụng dụng cụ đồ nghề và đo lường điện(222)_02_TH	21	26	TH		13/03-02/04/23	3	13,14,15,16	A4-202											CDDCNCK48A 1	CDCQ 48
												13,14,15,16	A4-202										CDCQ 48
														13,14,15,16	A4-202								CDCQ 48
																13,14,15,16	A4-202						CDCQ 48
																		13,14,15,16	A4-202				CDCQ 48
5	3DN201 CD	2	Sử dụng dụng cụ đồ nghề và đo lường điện(222)_03_TH	21	27	TH		24/04-14/05/23	3	13,14,15,16	A4-202											CDDCNCK48A 1	CDCQ 48
												13,14,15,16	A4-202										CDCQ 48
														13,14,15,16	A4-202								CDCQ 48

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																13,14,15,16	A4-202						CDCQ 48
																		13,14,15,16	A4-202				CDCQ 48
6	3DN201 CD	2	Sử dụng dụng cụ đồ nghề và đo lường điện(222)_04_TH	23	23	TH	Nguyễn Thị Thanh Bình	20/02-12/03/23	3	1,2,3,4	A4-202												CDCQ 48
							Nguyễn Thị Thanh Bình					1,2,3,4	A4-202										CDCQ 48
							Nguyễn Thị Thanh Bình							1,2,3,4	A4-202								CDCQ 48
							Nguyễn Thị Thanh Bình									1,2,3,4	A4-202						CDCQ 48
							Nguyễn Thị Thanh Bình											1,2,3,4	A4-202				CDCQ 48
							Nguyễn Thị Thanh Bình																CDCQ 48
7	3DN202 CD	2	Sửa chữa máy điện(222)_12_TH	21	22	TH	Đào Thị Thu Hậu	03/04-23/04/23	3	8,9,10,11	A4-302												CDCQ 48
							Đào Thị Thu Hậu					8,9,10,11	A4-302										CDCQ 48
							Đào Thị Thu Hậu							8,9,10,11	A4-302								CDCQ 48
							Đào Thị Thu Hậu									8,9,10,11	A4-302						CDCQ 48
							Đào Thị Thu Hậu											8,9,10,11	A4-302				CDCQ 48
							Đào Thị Thu Hậu																CDCQ 48
8	3DN202 CD	2	Sửa chữa máy điện(222)_13_TH	21	19	TH	Đào Thị Thu Hậu	24/04-14/05/23	3	8,9,10,11	A4-302												CDCQ 48
							Đào Thị Thu Hậu					8,9,10,11	A4-302										CDCQ 48
							Đào Thị Thu Hậu							8,9,10,11	A4-302								CDCQ 48
							Đào Thị Thu Hậu									8,9,10,11	A4-302						CDCQ 48
							Đào Thị Thu Hậu											8,9,10,11	A4-302				CDCQ 48
							Đào Thị Thu Hậu																CDCQ 48
9	3DN202 CD	2	Sửa chữa máy điện(222)_14_TH	23	20	TH	Hoàng Nghĩa Thắng	30/01-19/02/23	3	1,2,3,4	A4-302												CDCQ 48
							Hoàng Nghĩa Thắng					1,2,3,4	A4-302										CDCQ 48
							Hoàng Nghĩa Thắng							1,2,3,4	A4-302								CDCQ 48
							Hoàng Nghĩa Thắng									1,2,3,4	A4-302						CDCQ 48
							Hoàng Nghĩa Thắng											1,2,3,4	A4-302				CDCQ 48
							Hoàng Nghĩa Thắng																CDCQ 48
							Phan Sỹ Phương			1,2,3,4	A4-303												CDCQ 48

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
10	3DN202 CD	2	Sửa chữa máy điện(222)_15_TH	23	17	TH	Phan Sỹ Phương Phan Sỹ Phương Phan Sỹ Phương Phan Sỹ Phương	30/01-19/02/23	3			1,2,3,4	A4-303									CDTDHCK48A 1	CDCQ 48 CDCQ 48 CDCQ 48 CDCQ 48
11	3DN218 CD	10	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(222)_01_TH_14D	36	32	TH		30/01-09/04/23	10	8,9,10, 11 Thực tập TN/DD												CDDCNCK47A 1	CDCQ 47 CDCQ 47 CDCQ 47 CDCQ 47 CDCQ 47 CDCQ 47 CDCQ 47 CDCQ 47 CDCQ 47
										1,2,3,4 Thực tập TN/DD													
												8,9,10, 11 Thực tập TN/DD											
												1,2,3,4 Thực tập TN/DD											
														1,2,3,4 Thực tập TN/DD									
														8,9,10, 11 Thực tập TN/DD									
																1,2,3,4 Thực tập TN/DD							
																		8,9,10, 11 Thực tập TN/DD					
																		1,2,3,4 Thực tập TN/DD					
12	3DN218 CD	10	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(222)_02_TH	9	17	TH		30/01-09/04/23	10	7,8,9,1 0 Thực tập TN/DD												CDDDTCK47A 1	CDCQ 47 CDCQ 47 CDCQ 47 CDCQ 47 CDCQ 47 CDCQ 47 CDCQ 47 CDCQ 47
										1,2,3,4 Thực tập TN/DD													
												7,8,9,1 0 Thực tập TN/DD											
												1,2,3,4 Thực tập TN/DD											
														1,2,3,4 Thực tập TN/DD									
														7,8,9,1 0 Thực tập TN/DD									
																1,2,3,4 Thực tập TN/DD							
																7,8,9,1 0 Thực tập TN/DD							
																		7,8,9,1 0 Thực tập TN/DD					

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																		1,2,3,4	Thực tập TN/DD				CDCQ 47
13	3DN218 CD	10	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(222)_03_TH_14A	16	16	TH		30/01-09/04/23	10	1,2,3,4	Thực tập TN/TD											CDTDHCK47A 1	CDCQ 47
										7,8,9,10	Thực tập TN/TD												CDCQ 47
												7,8,9,10	Thực tập TN/TD										CDCQ 47
												1,2,3,4	Thực tập TN/TD										CDCQ 47
														7,8,9,10	Thực tập TN/TD								CDCQ 47
														1,2,3,4	Thực tập TN/TD								CDCQ 47
																7,8,9,10	Thực tập TN/TD						CDCQ 47
																		1,2,3,4	Thực tập TN/TD				CDCQ 47
																				7,8,9,10	Thực tập TN/TD		CDCQ 47
																		1,2,3,4	Thực tập TN/TD				CDCQ 47
																							CDCQ 47
																							CDCQ 47
14	3DN219 CD	14	Thực tập tốt nghiệp(222)_01_TH_1F9	36	34	TH		10/04-16/07/23	14	8,9,10,11	Thực tập TN/DD											CDDCNCK47A 1	CDCQ 47
										1,2,3,4	Thực tập TN/DD												CDCQ 47
												8,9,10,11	Thực tập TN/DD										CDCQ 47
												1,2,3,4	Thực tập TN/DD										CDCQ 47
														1,2,3,4	Thực tập TN/DD								CDCQ 47
														8,9,10,11	Thực tập TN/DD								CDCQ 47
																1,2,3,4	Thực tập TN/DD						CDCQ 47
																		8,9,10,11	Thực tập TN/DD				CDCQ 47
																				8,9,10,11	Thực tập TN/DD		CDCQ 47
																		1,2,3,4	Thực tập TN/DD				CDCQ 47
																							CDCQ 47
																							CDCQ 47
										8,9,10,11	Thực tập TN/DD												CDCQ 47
										1,2,3,4	Thực tập TN/DD												CDCQ 47

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
15	3DN219 CD	14	Thực tập tốt nghiệp(222)_02_TH	9	19	TH		10/04-16/07/23	14			8,9,10, 11	Thực tập TN/DD									CDDDTCK47A 1	CDCQ 47
												1,2,3,4	Thực tập TN/DD										CDCQ 47
														1,2,3,4	Thực tập TN/DD								CDCQ 47
														8,9,10, 11	Thực tập TN/DD								CDCQ 47
																1,2,3,4	Thực tập TN/DD						CDCQ 47
																8,9,10, 11	Thực tập TN/DD						CDCQ 47
																		8,9,10, 11	Thực tập TN/DD				CDCQ 47
																		1,2,3,4	Thực tập TN/DD				CDCQ 47
																							CDCQ 47
16	3DN219 CD	14	Thực tập tốt nghiệp(222)_03_TH_19F	16	16	TH		10/04-16/07/23	14	8,9,10, 11	Thực tập TN/TD											CDTDHCK47A 1	CDCQ 47
										1,2,3,4	Thực tập TN/TD												CDCQ 47
												8,9,10, 11	Thực tập TN/TD										CDCQ 47
												1,2,3,4	Thực tập TN/TD										CDCQ 47
														1,2,3,4	Thực tập TN/TD								CDCQ 47
														8,9,10, 11	Thực tập TN/TD								CDCQ 47
																1,2,3,4	Thực tập TN/TD						CDCQ 47
																8,9,10, 11	Thực tập TN/TD						CDCQ 47
																		8,9,10, 11	Thực tập TN/TD				CDCQ 47
																		1,2,3,4	Thực tập TN/TD				CDCQ 47
																							CDCQ 47
																							CDCQ 47
17	3DN102 CD	2	Vật liệu điện, điện tử(222)_01	45	40	LT	Trần Thu Trà	30/01-21/05/23	16	10,11	A2.403											Ghép: CDTDHCK48A 1	CDCQ 48
18	3DN102 CD	2	Vật liệu điện, điện tử(222)_02	64	48	LT	Trần Thu Trà	30/01-21/05/23	16			4,5	A2.401									CDDCNCK48A 1	CDCQ 48
1	4DN226 DH	2	Lắp đặt mạch điện các nguồn năng lượng tái tạo(222)_01_TH	19	16	TH		30/01-19/02/23	3	1,2,3,4	A4-104											DHDDTLK14Z (DCN)	DHLT CQ14
												1,2,3,4	A4-104										DHLT CQ14
														1,2,3,4	A4-104								DHLT CQ14

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																1,2,3,4	A4-104						DHLT CQ14
																		1,2,3,4	A4-104				DHLT CQ14
2	4DN231 DH	10	Tiểu luận tốt nghiệp(222)_01_DA_16F	17	9	DA		02/01-05/03/23	9	6												DHDDTLK14Z(DCN)	DHLT CQ14
3	4DN231 DH	10	Tiểu luận tốt nghiệp(222)_02_DA_18C	1	1	DA		06/03-23/04/23	7					6								DHDDTLK14Z(DCN)	DHLT CQ14
1	3DN105 DC	2	Điều khiển lập trình PLC(222)_01	31	34	LT	Nguyễn Anh Tuấn	26/12-30/04/23	18									1,2	A2.309			DHKCK16A1	DHCQ 16
2	3DN114 DH	2	Điều khiển mở và mạng noron(222)_01	60	60	LT	Nguyễn Anh Tuấn	20/02-04/06/23	15							1,2	A2.106					DHTDHCK15A1	DHCQ 15
3	3DN114 DH	2	Điều khiển mở và mạng noron(222)_02	60	56	LT	Nguyễn Anh Tuấn	20/02-04/06/23	15					7,8	A2.105							DHTDHCK15A2	DHCQ 15
4	3DN219 DH	1	Đồ án Nhà máy điện & Trạm biến áp(222)_01_DA	32	37	DA		20/02-04/06/23	15							6	A2.306					DHDDTCK15(HTD)	DHCQ 15
5	3DN211 DH	1	Đồ án Thiết kế hệ thống điều khiển và Tự động hóa(222)_01_DA	60	63	DA		20/02-04/06/23	15					6	A2.106							DHTDHCK15A1	DHCQ 15
6	3DN211 DH	1	Đồ án Thiết kế hệ thống điều khiển và Tự động hóa(222)_02_DA	60	63	DA		20/02-04/06/23	15							12	A2.105					DHTDHCK15A2	DHCQ 15
7	3DN229 DH	7	Đồ án tốt nghiệp(222)_01_DA_13C	20	20	DA		02/01-05/03/23	9			6	A2.105									DHDDTCK14(DCN)	DHCQ 14
8	3DN230 DH	7	Đồ án tốt nghiệp(222)_01_DA_183	13	13	DA		02/01-05/03/23	9							6	A2.101					DHTDHCK14A1	DHCQ 14
9	3DN217 DH	1	Đồ án Trang bị điện(222)_01_DA	61	72	DA		20/02-04/06/23	15							6	A2.103					DHDDTCK15(DCN)A	DHCQ 15
10	3DN217 DH	1	Đồ án Trang bị điện(222)_02_DA	58	71	DA		20/02-04/06/23	15							12	A2.103					DHDDTCK15(DCN)B	DHCQ 15
11	3DN120 DH	2	Giải tích mạng và mô phỏng trên máy tính(222)_01	32	43	LT	Võ Tiến Dũng	20/02-04/06/23	15					1,2	A2.306							DHDDTCK15(HTD)	DHCQ 15
12	3DN138 DH	2	Hệ thống sản xuất Tự động hóa tích hợp máy tính(222)_01	60	59	LT	Trần Duy Trinh	20/02-04/06/23	15									1,2	A2.106			DHTDHCK15A1	DHCQ 15
13	3DN138 DH	2	Hệ thống sản xuất Tự động hóa tích hợp máy tính(222)_02	60	55	LT	Trần Duy Trinh	20/02-04/06/23	15									7,8	A2.105			DHTDHCK15A2	DHCQ 15
14	3DN213 CD	2	Kết nối mạng truyền thông công nghiệp(222)_01_TH	22	21	TH	Ngô Thị Lê	30/01-19/02/23	3	8,9,10,11	A3-107											DHTDHCK14A1	DHCQ 14
							Ngô Thị Lê					8,9,10,11	A3-107										DHCQ 14
							Ngô Thị Lê							8,9,10,11	A3-107								DHCQ 14
							Ngô Thị Lê									8,9,10,11	A3-107						DHCQ 14

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Ngô Thị Lê											8,9,10,11	A3-107				DHCQ 14
15	3DN213 CD	2	Kết nối mạng truyền thông công nghiệp(222)_02_TH	22	22	TH	Ngô Thị Lê	20/02-12/03/23	3	8,9,10,11	A3-107											DHTDHCK14A 1	DHCQ 14
							Ngô Thị Lê					8,9,10,11	A3-107										DHCQ 14
							Ngô Thị Lê							8,9,10,11	A3-107								DHCQ 14
																8,9,10,11	A3-107						DHCQ 14
							Ngô Thị Lê											8,9,10,11	A3-107				DHCQ 14
16	3DN213 CD	2	Kết nối mạng truyền thông công nghiệp(222)_03_TH	22	22	TH	Nguyễn Văn Độ	03/04-23/04/23	3	13,14,15,16	A3-107											DHTDHCK14A 1	DHCQ 14
							Nguyễn Văn Độ					13,14,15,16	A3-107										DHCQ 14
							Nguyễn Văn Độ							13,14,15,16	A3-107								DHCQ 14
							Nguyễn Văn Độ									13,14,15,16	A3-107						DHCQ 14
							Nguyễn Văn Độ											13,14,15,16	A3-107				DHCQ 14
17	3DN213 CD	2	Kết nối mạng truyền thông công nghiệp(222)_04_TH	11	21	TH	Phạm Văn Tuấn	24/04-14/05/23	3	1,2,3,4	A3-111											DHDTVCK15A 1	DHCQ 15
							Phạm Văn Tuấn					1,2,3,4	A3-111										DHCQ 15
							Phạm Văn Tuấn							1,2,3,4	A3-111								DHCQ 15
							Phạm Văn Tuấn									1,2,3,4	A3-111						DHCQ 15
							Phạm Văn Tuấn											1,2,3,4	A3-111				DHCQ 15
18	3DN213 CD	2	Kết nối mạng truyền thông công nghiệp(222)_05_TH	20	20	TH	Ngô Thị Lê	03/04-23/04/23	3	7,8,9,10	A3-107											DHTDHCK15A 1	DHCQ 15
							Ngô Thị Lê					7,8,9,10	A3-107										DHCQ 15
							Ngô Thị Lê							7,8,9,10	A3-107								DHCQ 15
																7,8,9,10	A3-107						DHCQ 15
							Ngô Thị Lê											7,8,9,10	A3-107				DHCQ 15
19	3DN213 CD	2	Kết nối mạng truyền thông công nghiệp(222)_06_TH	20	20	TH	Ngô Thị Lê	24/04-14/05/23	3	7,8,9,10	A3-107											DHTDHCK15A 1	DHCQ 15
							Ngô Thị Lê					7,8,9,10	A3-107										DHCQ 15
							Ngô Thị Lê							7,8,9,10	A3-107								DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																7,8,9,10	A3-107						DHCQ 15
							Ngô Thị Lê											7,8,9,10	A3-107				DHCQ 15
20	3DN213 CD	2	Kết nối mạng truyền thông công nghiệp(222)_07_TH	20	15	TH	Ngô Thị Lê	15/05-04/06/23	3	7,8,9,10	A3-107											DHTDHCK15A 1	DHCQ 15
							Ngô Thị Lê					7,8,9,10	A3-107										DHCQ 15
							Ngô Thị Lê							7,8,9,10	A3-107								DHCQ 15
																7,8,9,10	A3-107						DHCQ 15
							Ngô Thị Lê										7,8,9,10	A3-107					DHCQ 15
21	3DN213 CD	2	Kết nối mạng truyền thông công nghiệp(222)_08_TH	20	20	TH	Phạm Văn Tuấn	03/04-23/04/23	3	1,2,3,4	A3-107											DHTDHCK15A 2	DHCQ 15
							Phạm Văn Tuấn					1,2,3,4	A3-107										DHCQ 15
							Phạm Văn Tuấn							1,2,3,4	A3-107								DHCQ 15
							Phạm Văn Tuấn									1,2,3,4	A3-107						DHCQ 15
							Phạm Văn Tuấn										1,2,3,4	A3-107					DHCQ 15
22	3DN213 CD	2	Kết nối mạng truyền thông công nghiệp(222)_09_TH	20	19	TH	Ngô Thị Lê	24/04-14/05/23	3	13,14,15,16	A3-107											DHTDHCK15A 2	DHCQ 15
							Ngô Thị Lê					13,14,15,16	A3-107										DHCQ 15
							Ngô Thị Lê							13,14,15,16	A3-107								DHCQ 15
							Ngô Thị Lê									13,14,15,16	A3-107						DHCQ 15
							Ngô Thị Lê										13,14,15,16	A3-107					DHCQ 15
23	3DN213 CD	2	Kết nối mạng truyền thông công nghiệp(222)_10_TH	20	16	TH	Phạm Văn Tuấn	15/05-04/06/23	3	1,2,3,4	A3-107											DHTDHCK15A 2	DHCQ 15
							Phạm Văn Tuấn					1,2,3,4	A3-107										DHCQ 15
							Phạm Văn Tuấn							1,2,3,4	A3-107								DHCQ 15
							Phạm Văn Tuấn									1,2,3,4	A3-107						DHCQ 15
							Phạm Văn Tuấn										1,2,3,4	A3-107					DHCQ 15
							Nguyễn Văn Độ			7,8,9,10	A3-109												DHCQ 15
												7,8,9,10	A3-109										DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
24	3DN216 DH	2	Kết nối SCADA và tự động hóa trạm biến áp(222)_01_TH	17	18	TH	Nguyễn VănĐộ	24/04-14/05/23	3					7,8,9,10	A3-109							DHDDTCK15(HTD)	DHCQ15
							Nguyễn VănĐộ									7,8,9,10	A3-109						DHCQ15
							Nguyễn VănĐộ											7,8,9,10	A3-109				DHCQ15
25	3DN216 DH	2	Kết nối SCADA và tự động hóa trạm biến áp(222)_02_TH	17	19	TH	Nguyễn VănĐộ	15/05-04/06/23	3	7,8,9,10	A3-109											DHDDTCK15(HTD)	DHCQ15
												7,8,9,10	A3-109										DHCQ15
							Nguyễn VănĐộ			7,8,9,10				7,8,9,10	A3-109								DHCQ15
							Nguyễn VănĐộ									7,8,9,10	A3-109						DHCQ15
26	3DN108 DH	2	Kỹ thuật an toàn điện(222)_01	50	51	LT	Nguyễn Thị Thanh Ngân	20/02-04/06/23	15									1,2	A2.203			DHTDHCK16A1	DHCQ16
27	3DN108 DH	2	Kỹ thuật an toàn điện(222)_02	50	52	LT	Trần Nguyễn Bảo Ninh	20/02-04/06/23	15					1,2	A2.209							DHTDHCK16A2	DHCQ16
28	3DN108 DH	2	Kỹ thuật an toàn điện(222)_03	60	57	LT	Nguyễn Thị Thanh Ngân	20/02-04/06/23	15					9,10	A2.105							DHTDHCK16A3	DHCQ16
29	3DN111 DH	2	Kỹ thuật biến đổi điện năng (+ Thí nghiệm)(222)_01	50	31	LT	Trần Duy Trinh	20/02-04/06/23	15					7,8	A2.106							DHDDTCK16A1	DHCQ16
30	3DN111 DH	2	Kỹ thuật biến đổi điện năng (+ Thí nghiệm)(222)_02	50	50	LT	Trần Duy Trinh	20/02-04/06/23	15	7,8	A2.204											DHDDTCK16A2	DHCQ16
31	3DN111 DH	2	Kỹ thuật biến đổi điện năng (+ Thí nghiệm)(222)_03	50	51	LT	Trần Duy Trinh	20/02-04/06/23	15					1,2	A2.104							DHTDHCK16A1	DHCQ16
32	3DN111 DH	2	Kỹ thuật biến đổi điện năng (+ Thí nghiệm)(222)_04	50	50	LT	Trần Duy Trinh	20/02-04/06/23	15							3,4	A2.209					DHTDHCK16A2	DHCQ16
33	3DN111 DH	2	Kỹ thuật biến đổi điện năng (+ Thí nghiệm)(222)_05	60	63	LT	Trần Duy Trinh	20/02-04/06/23	15							9,10	A2.209					DHTDHCK16A3	DHCQ16
34	3DN111 DH	2	Kỹ thuật biến đổi điện năng (+ Thí nghiệm)(222)_06	60	62	LT	Trần Duy Trinh	20/02-04/06/23	15			3,4	A2.203									DHDDTCK16A3	DHCQ16
35	3DN122 DH	2	Kỹ thuật cảm biến(222)_01	61	64	LT	Ngô ThịLê	20/02-04/06/23	15									1,2	A2.103			DHDDTCK15(DCN)A	DHCQ15
36	3DN122 DH	2	Kỹ thuật cảm biến(222)_02	60	61	LT	Ngô ThịLê	20/02-04/06/23	15							7,8	A2.103					DHDDTCK15(DCN)B	DHCQ15
37	3DN113 DH	3	Kỹ thuật cao áp (+ Bài tập dài)(222)_01	32	36	LT	Nguyễn Thị Thanh Ngân	20/02-04/06/23	15							1,2,3	A2.301					DHDDTCK15(HTD)	DHCQ15
38	4DN131 DH	3	Kỹ thuật điện - điện tử(222)_01	50	53	LT		20/02-04/06/23	15	1,2,3	A2.311											DHTDHCK17A1	DHCQ17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
39	4DN131 DH	3	Kỹ thuật điện - điện tử(222)_02	50	48	LT	Nguyễn Minh Thư	20/02-04/06/23	15			1,2,3	A2.103									DHTDHCK17A 2	DHCQ 17
40	4DN131 DH	3	Kỹ thuật điện - điện tử(222)_03	56	49	LT	Hồ Xuân Bằng	20/02-04/06/23	15							9,10,11	A2.310					Ghép: DHTDHCK17A 3 + DHDTVCK17A 1	DHCQ 17
41	4DN131 DH	3	Kỹ thuật điện - điện tử(222)_04	68	61	LT	Phạm VănTuấn	20/02-04/06/23	15	7,8,9	A2.412											Ghép: DHTDHCK17A 4 + DHKTMCK17 A1	DHCQ 17
42	4DN131 DH	3	Kỹ thuật điện - điện tử(222)_05	63	64	LT	Phạm VănTuấn	20/02-04/06/23	15									7,8,9	A2.309			DHDDTCK17A 1	DHCQ 17
43	4DN131 DH	3	Kỹ thuật điện - điện tử(222)_06	63	64	LT	Nguyễn Minh Thư	20/02-04/06/23	15					7,8,9	A2.301							DHDDTCK17A 2	DHCQ 17
44	4DN131 DH	3	Kỹ thuật điện - điện tử(222)_07	64	58	LT		20/02-04/06/23	15							1,2,3	A2.310					DHDDTCK17A 3	DHCQ 17
45	3DN104 DH	2	Kỹ thuật đo lường (+ Thí nghiệm)(222)_01	50	51	LT	Nguyễn Thị Thanh Bình	20/02-04/06/23	15							7,8	A2.106					DHDDTCK16A 1	DHCQ 16
46	3DN104 DH	2	Kỹ thuật đo lường (+ Thí nghiệm)(222)_02	50	50	LT	Nguyễn Thị Thanh Bình	20/02-04/06/23	15			7,8	A2.204									DHDDTCK16A 2	DHCQ 16
47	3DN104 DH	2	Kỹ thuật đo lường (+ Thí nghiệm)(222)_03	50	53	LT	Ngô ThịLê	20/02-04/06/23	15	1,2	A2.107											DHTDHCK16A 1	DHCQ 16
48	3DN104 DH	2	Kỹ thuật đo lường (+ Thí nghiệm)(222)_04	50	52	LT	Ngô ThịLê	20/02-04/06/23	15	3,4	A2.209											DHTDHCK16A 2	DHCQ 16
49	3DN104 DH	2	Kỹ thuật đo lường (+ Thí nghiệm)(222)_05	60	58	LT	Nguyễn Thị Thanh Bình	20/02-04/06/23	15									7,8	A2.209			DHTDHCK16A 3	DHCQ 16
50	3DN104 DH	2	Kỹ thuật đo lường (+ Thí nghiệm)(222)_06	60	46	LT	Ngô ThịLê	20/02-04/06/23	15					1,2	A2.203							DHDDTCK16A 3	DHCQ 16
51	3DN140 DH	2	Kỹ thuật Robot(222)_01	60	62	LT	Nguyễn Anh Tuấn	20/02-04/06/23	15									3,4	A2.106			DHTDHCK15A 1	DHCQ 15
52	3DN140 DH	2	Kỹ thuật Robot(222)_02	60	56	LT	Nguyễn Anh Tuấn	20/02-04/06/23	15							7,8	A2.105					DHTDHCK15A 2	DHCQ 15
53	3DN118 DH	2	Kỹ thuật Vi điều khiển(222)_01	61	64	LT	Ngô ThịLê	20/02-04/06/23	15					3,4	A2.103							DHDDTCK15(DCN)A	DHCQ 15
54	3DN118 DH	2	Kỹ thuật Vi điều khiển(222)_02	60	63	LT	Bùi ThanhHòa	20/02-04/06/23	15					9,10	A2.103							DHDDTCK15(DCN)B	DHCQ 15
55	3DN225 CD	2	Lắp đặt hệ thống chống sét, tiếp địa(222)_01_TH	17	17	TH	Hoàng Nghĩa Thắng	24/04-14/05/23	3	13,14,15,16	A4-101											DHDDTCK15(HTD)	DHCQ 15
							Hoàng Nghĩa Thắng					13,14,15,16	A4-101										DHCQ 15
							Hoàng Nghĩa Thắng							13,14,15,16	A4-101								DHCQ 15
							Hoàng Nghĩa Thắng									13,14,15,16	A4-101						DHCQ 15
							Hoàng Nghĩa Thắng											13,14,15,16	A4-101				DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
56	3DN225 CD	2	Lắp đặt hệ thống chống sét, tiếp địa(222)_02_TH	17	16	TH	Hoàng Nghĩa Thắng	15/05-04/06/23	3	13,14,15,16	A4-101											DHDDTCK15(HTD)	DHCQ 15
							Hoàng Nghĩa Thắng					13,14,15,16	A4-101										DHCQ 15
							Hoàng Nghĩa Thắng							13,14,15,16	A4-101								DHCQ 15
							Hoàng Nghĩa Thắng									13,14,15,16	A4-101						DHCQ 15
							Hoàng Nghĩa Thắng											13,14,15,16	A4-101				DHCQ 15
57	3DN208 CD	2	Lắp đặt hệ thống cung cấp điện(222)_01_TH	18	14	TH		20/02-12/03/23	3	7,8,9,10	A4-101											DHDDTCK16A3	DHCQ 16
												7,8,9,10	A4-101										DHCQ 16
							Đặng Quang Khoa							7,8,9,10	A4-101								DHCQ 16
							Đặng Quang Khoa									7,8,9,10	A4-101						DHCQ 16
							Đặng Quang Khoa											7,8,9,10	A4-101				DHCQ 16
58	3DN208 CD	2	Lắp đặt hệ thống cung cấp điện(222)_02_TH	18	18	TH		13/03-02/04/23	3	7,8,9,10	A4-101											DHDDTCK16A3	DHCQ 16
												7,8,9,10	A4-101										DHCQ 16
							Đặng Quang Khoa							7,8,9,10	A4-101								DHCQ 16
							Đặng Quang Khoa									7,8,9,10	A4-101						DHCQ 16
							Đặng Quang Khoa											7,8,9,10	A4-101				DHCQ 16
59	3DN208 CD	2	Lắp đặt hệ thống cung cấp điện(222)_03_TH	18	15	TH		03/04-23/04/23	3	7,8,9,10	A4-101											DHDDTCK16A3	DHCQ 16
												7,8,9,10	A4-101										DHCQ 16
							Đặng Quang Khoa							7,8,9,10	A4-101								DHCQ 16
							Đặng Quang Khoa									7,8,9,10	A4-101						DHCQ 16
							Đặng Quang Khoa											7,8,9,10	A4-101				DHCQ 16
60	3DN208 CD	2	Lắp đặt hệ thống cung cấp điện(222)_04_TH	20	22	TH	Võ Tiến Dũng	20/02-12/03/23	3	1,2,3,4	A4-101											DHDDTCK16A1	DHCQ 16
												1,2,3,4	A4-101										DHCQ 16
														1,2,3,4	A4-101								DHCQ 16
							Võ Tiến Dũng									1,2,3,4	A4-101						DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Võ Tiến Dũng											1,2,3,4	A4-101				DHCQ 16
61	3DN208 CD	2	Lắp đặt hệ thống cung cấp điện(222)_05_TH	20	22	TH	Võ Tiến Dũng	13/03-02/04/23	3	1,2,3,4	A4-101											DHDDTCK16A 1	DHCQ 16
												1,2,3,4	A4-101										DHCQ 16
														1,2,3,4	A4-101								DHCQ 16
							Võ Tiến Dũng									1,2,3,4	A4-101						DHCQ 16
							Võ Tiến Dũng											1,2,3,4	A4-101				DHCQ 16
																							DHCQ 16
62	3DN208 CD	2	Lắp đặt hệ thống cung cấp điện(222)_06_TH	20	22	TH	Võ Tiến Dũng	03/04-23/04/23	3	1,2,3,4	A4-101											DHDDTCK16A 1	DHCQ 16
												1,2,3,4	A4-101										DHCQ 16
														1,2,3,4	A4-101								DHCQ 16
							Võ Tiến Dũng									1,2,3,4	A4-101						DHCQ 16
							Võ Tiến Dũng											1,2,3,4	A4-101				DHCQ 16
																							DHCQ 16
63	3DN208 CD	2	Lắp đặt hệ thống cung cấp điện(222)_07_TH	20	22	TH	Võ Tiến Dũng	24/04-14/05/23	3	1,2,3,4	A4-101											DHDDTCK16A 1	DHCQ 16
												1,2,3,4	A4-101										DHCQ 16
														1,2,3,4	A4-101								DHCQ 16
							Võ Tiến Dũng									1,2,3,4	A4-101						DHCQ 16
							Võ Tiến Dũng											1,2,3,4	A4-101				DHCQ 16
																							DHCQ 16
64	3DN212 CD	2	Lắp đặt mạch điện bảo vệ rò le(222)_01_TH	22	22	TH	Nguyễn Thị Thanh Ngân	30/01-19/02/23	3	1,2,3,4	A3-109											DHDDTCK14(DCN)	DHCQ 14
							Nguyễn Thị Thanh Ngân					1,2,3,4	A3-109										DHCQ 14
							Nguyễn Thị Thanh Ngân							1,2,3,4	A3-109								DHCQ 14
							Nguyễn Thị Thanh Ngân									1,2,3,4	A3-109						DHCQ 14
							Nguyễn Thị Thanh Ngân											1,2,3,4	A3-109				DHCQ 14
																							DHCQ 14
65	3DN212 CD	2	Lắp đặt mạch điện bảo vệ rò le(222)_02_TH	22	22	TH	Nguyễn Thị Thanh Ngân	20/02-12/03/23	3	1,2,3,4	A3-109											DHDDTCK14(DCN)	DHCQ 14
							Nguyễn Thị Thanh Ngân					1,2,3,4	A3-109										DHCQ 14
							Nguyễn Thị Thanh Ngân							1,2,3,4	A3-109								DHCQ 14

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																1,2,3,4	A3-109						DHCQ 14
																		1,2,3,4	A3-109				DHCQ 14
66	3DN212 CD	2	Lắp đặt mạch điện bảo vệ rơ le(222)_03_TH	22	21	TH	Nguyễn Thị Thanh Ngân	13/03-02/04/23	3	1,2,3,4	A3-109												DHCQ 14
							Nguyễn Thị Thanh Ngân					1,2,3,4	A3-109										DHCQ 14
							Nguyễn Thị Thanh Ngân							1,2,3,4	A3-109								DHCQ 14
																1,2,3,4	A3-109						DHCQ 14
																		1,2,3,4	A3-109				DHCQ 14
67	3DN212 CD	2	Lắp đặt mạch điện bảo vệ rơ le(222)_04_TH	22	23	TH	Võ Tiến Dũng	20/02-12/03/23	3	13,14,15,16	A3-109												DHCQ 14
							Võ Tiến Dũng					13,14,15,16	A3-109										DHCQ 14
							Võ Tiến Dũng							13,14,15,16	A3-109								DHCQ 14
							Võ Tiến Dũng									13,14,15,16	A3-109						DHCQ 14
							Võ Tiến Dũng											13,14,15,16	A3-109				DHCQ 14
68	3DN212 CD	2	Lắp đặt mạch điện bảo vệ rơ le(222)_05_TH	22	15	TH	Nguyễn Thị Thanh Ngân	03/04-23/04/23	3	1,2,3,4	A3-109												DHCQ 14
							Nguyễn Thị Thanh Ngân					1,2,3,4	A3-109										DHCQ 14
							Nguyễn Thị Thanh Ngân							1,2,3,4	A3-109								DHCQ 14
																1,2,3,4	A3-109						DHCQ 14
																		1,2,3,4	A3-109				DHCQ 14
69	3DN207 CD	2	Lắp đặt mạch điện các bộ biến đổi điện năng(222)_01_TH	20	20	TH	Nguyễn Đăng Thông	30/01-19/02/23	3	1,2,3,4	A4-306												DHCQ 14
												1,2,3,4	A4-306										DHCQ 14
							Nguyễn Đăng Thông							1,2,3,4	A4-306								DHCQ 14
							Nguyễn Đăng Thông									1,2,3,4	A4-306						DHCQ 14
							Nguyễn Đăng Thông											1,2,3,4	A4-306				DHCQ 14
			Lắp đặt mạch điện các bộ				Lê Tiến Hiếu			13,14,15,16	A4-209												DHCQ 14
							Lê Tiến Hiếu					13,14,15,16	A4-209										DHCQ 14

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
70	3DN207 CD	2	Lắp đặt mạch điện các bộ biến đổi điện năng(222)_02_TH	20	20	TH	Lê TiếnHiếu	20/02-12/03/23	3					13,14,15,16	A4-209							DHDDTCK14(DCN)	DHCQ 14
							Lê TiếnHiếu									13,14,15,16	A4-209						DHCQ 14
							Lê TiếnHiếu											13,14,15,16	A4-209				DHCQ 14
71	3DN207 CD	2	Lắp đặt mạch điện các bộ biến đổi điện năng(222)_03_TH	20	20	TH	Nguyễn Đăng Thông	13/03-02/04/23	3	13,14,15,16	A4-306											DHDDTCK14(DCN)	DHCQ 14
							Nguyễn Đăng Thông					13,14,15,16	A4-306										DHCQ 14
							Nguyễn Đăng Thông							13,14,15,16	A4-306								DHCQ 14
							Nguyễn Đăng Thông									13,14,15,16	A4-306						DHCQ 14
							Nguyễn Đăng Thông											13,14,15,16	A4-306				DHCQ 14
72	3DN207 CD	2	Lắp đặt mạch điện các bộ biến đổi điện năng(222)_04_TH	20	21	TH	Lê TiếnHiếu	03/04-23/04/23	3	13,14,15,16	A4-209											DHDDTCK14(DCN)	DHCQ 14
							Lê TiếnHiếu					13,14,15,16	A4-209										DHCQ 14
							Lê TiếnHiếu							13,14,15,16	A4-209								DHCQ 14
							Lê TiếnHiếu									13,14,15,16	A4-209						DHCQ 14
							Lê TiếnHiếu											13,14,15,16	A4-209				DHCQ 14
73	3DN207 CD	2	Lắp đặt mạch điện các bộ biến đổi điện năng(222)_05_TH	20	22	TH	Nguyễn Đăng Thông	20/02-12/03/23	3	1,2,3,4	A4-306											DHTDHCK16A 3	DHCQ 16
												1,2,3,4	A4-306										DHCQ 16
							Nguyễn Đăng Thông							1,2,3,4	A4-306								DHCQ 16
							Nguyễn Đăng Thông									1,2,3,4	A4-306						DHCQ 16
							Nguyễn Đăng Thông											1,2,3,4	A4-306				DHCQ 16
74	3DN207 CD	2	Lắp đặt mạch điện các bộ biến đổi điện năng(222)_06_TH	20	22	TH	Nguyễn Đăng Thông	13/03-02/04/23	3	1,2,3,4	A4-306											DHTDHCK16A 3	DHCQ 16
												1,2,3,4	A4-306										DHCQ 16
							Nguyễn Đăng Thông							1,2,3,4	A4-306								DHCQ 16
							Nguyễn Đăng Thông											1,2,3,4	A4-306				DHCQ 16
							Nguyễn Đăng Thông			1,2,3,4	A4-306												DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
75	3DN207 CD	2	Lắp đặt mạch điện các bộ biến đổi điện năng(222)_07_TH	20	21	TH		03/04-23/04/23	3			1,2,3,4	A4-306									DHTDHCK16A 3	DHCQ 16
							Nguyễn Đăng Thông							1,2,3,4	A4-306								DHCQ 16
							Nguyễn Đăng Thông									1,2,3,4	A4-306						DHCQ 16
							Nguyễn Đăng Thông											1,2,3,4	A4-306				DHCQ 16
76	3DN207 CD	2	Lắp đặt mạch điện các bộ biến đổi điện năng(222)_08_TH	20	22	TH	Lê TiếnHiếu	20/02-12/03/23	3	7,8,9,1 0	A4-209											DHTDHCK16A 1	DHCQ 16
							Lê TiếnHiếu					7,8,9,1 0	A4-209										DHCQ 16
							Lê TiếnHiếu							7,8,9,1 0	A4-209								DHCQ 16
							Lê TiếnHiếu									7,8,9,1 0	A4-209						DHCQ 16
							Lê TiếnHiếu											7,8,9,1 0	A4-209				DHCQ 16
77	3DN207 CD	2	Lắp đặt mạch điện các bộ biến đổi điện năng(222)_09_TH	20	21	TH	Lê TiếnHiếu	13/03-02/04/23	3	7,8,9,1 0	A4-209											DHTDHCK16A 1	DHCQ 16
							Lê TiếnHiếu					7,8,9,1 0	A4-209										DHCQ 16
							Lê TiếnHiếu							7,8,9,1 0	A4-209								DHCQ 16
							Lê TiếnHiếu									7,8,9,1 0	A4-209						DHCQ 16
							Lê TiếnHiếu											7,8,9,1 0	A4-209				DHCQ 16
78	3DN207 CD	2	Lắp đặt mạch điện các bộ biến đổi điện năng(222)_10_TH	20	20	TH	Lê TiếnHiếu	03/04-23/04/23	3	7,8,9,1 0	A4-209											DHTDHCK16A 1	DHCQ 16
							Lê TiếnHiếu					7,8,9,1 0	A4-209										DHCQ 16
							Lê TiếnHiếu							7,8,9,1 0	A4-209								DHCQ 16
							Lê TiếnHiếu									7,8,9,1 0	A4-209						DHCQ 16
							Lê TiếnHiếu											7,8,9,1 0	A4-209				DHCQ 16
79	3DN207 CD	2	Lắp đặt mạch điện các bộ biến đổi điện năng(222)_11_TH	20	20	TH	Nguyễn Đăng Thông	24/04-14/05/23	3	7,8,9,1 0	A4-306											DHTDHCK16A 1	DHCQ 16
							Nguyễn Đăng Thông					7,8,9,1 0	A4-306										DHCQ 16
							Nguyễn Đăng Thông							7,8,9,1 0	A4-306								DHCQ 16
							Nguyễn Đăng Thông									7,8,9,1 0	A4-306						DHCQ 16
							Nguyễn Đăng Thông											7,8,9,1 0	A4-306				DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
80	3DN207 CD	2	Lắp đặt mạch điện các bộ biến đổi điện năng(222)_12_TH	20	22	TH	Nguyễn Đăng Thông	15/05-04/06/23	3	7,8,9,10	A4-306											DHTDHCK16A1	DHCQ 16
							Nguyễn Đăng Thông					7,8,9,10	A4-306										DHCQ 16
							Nguyễn Đăng Thông							7,8,9,10	A4-306								DHCQ 16
							Nguyễn Đăng Thông									7,8,9,10	A4-306						DHCQ 16
							Nguyễn Đăng Thông											7,8,9,10	A4-306				DHCQ 16
81	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ le, công tắc tơ(222)_01_TH	21	21	TH	Hà Quốc Tuấn	20/02-12/03/23	3	8,9,10,11	A4-102												DHCQ 17
							Hà Quốc Tuấn					8,9,10,11	A4-102										DHCQ 17
							Hà Quốc Tuấn							8,9,10,11	A4-102								DHCQ 17
							Hà Quốc Tuấn									8,9,10,11	A4-102						DHCQ 17
							Hà Quốc Tuấn											8,9,10,11	A4-102				DHCQ 17
82	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ le, công tắc tơ(222)_02_TH	21	22	TH	Hà Quốc Tuấn	13/03-02/04/23	3	8,9,10,11	A4-102												DHCQ 17
							Hà Quốc Tuấn					8,9,10,11	A4-102										DHCQ 17
							Hà Quốc Tuấn							8,9,10,11	A4-102								DHCQ 17
							Hà Quốc Tuấn									8,9,10,11	A4-102						DHCQ 17
							Hà Quốc Tuấn											8,9,10,11	A4-102				DHCQ 17
83	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ le, công tắc tơ(222)_03_TH	21	21	TH	Hà Quốc Tuấn	03/04-23/04/23	3	8,9,10,11	A4-102												DHCQ 17
							Hà Quốc Tuấn					8,9,10,11	A4-102										DHCQ 17
							Hà Quốc Tuấn							8,9,10,11	A4-102								DHCQ 17
							Hà Quốc Tuấn									8,9,10,11	A4-102						DHCQ 17
							Hà Quốc Tuấn											8,9,10,11	A4-102				DHCQ 17
84	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ le, công tắc tơ(222)_04_TH	21	21	TH		24/04-14/05/23	3	8,9,10,11	A4-102												DHCQ 17
												8,9,10,11	A4-102										DHCQ 17
														8,9,10,11	A4-102								DHCQ 17
																8,9,10,11	A4-102						DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																		8,9,10,11	A4-102				DHCQ 17
85	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ le, công tắc tơ(222)_05_TH	21	20	TH		15/05-04/06/23	3	8,9,10,11	A4-102												DHCQ 17
												8,9,10,11	A4-102										DHCQ 17
														8,9,10,11	A4-102								DHCQ 17
																8,9,10,11	A4-102						DHCQ 17
																		8,9,10,11	A4-102				DHCQ 17
86	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ le, công tắc tơ(222)_06_TH	21	21	TH		20/02-12/03/23	3	1,2,3,4	A4-102												DHCQ 17
												1,2,3,4	A4-102										DHCQ 17
														1,2,3,4	A4-102								DHCQ 17
																1,2,3,4	A4-102						DHCQ 17
																		1,2,3,4	A4-102				DHCQ 17
87	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ le, công tắc tơ(222)_07_TH	21	22	TH		13/03-02/04/23	3	1,2,3,4	A4-102												DHCQ 17
												1,2,3,4	A4-102										DHCQ 17
														1,2,3,4	A4-102								DHCQ 17
																1,2,3,4	A4-102						DHCQ 17
																		1,2,3,4	A4-102				DHCQ 17
88	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ le, công tắc tơ(222)_08_TH	21	21	TH		03/04-23/04/23	3	1,2,3,4	A4-102												DHCQ 17
												1,2,3,4	A4-102										DHCQ 17
														1,2,3,4	A4-102								DHCQ 17
																1,2,3,4	A4-102						DHCQ 17
																		1,2,3,4	A4-102				DHCQ 17
89	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ le, công tắc tơ(222)_09_TH	21	20	TH		24/04-14/05/23	3	1,2,3,4	A4-102												DHCQ 17
												1,2,3,4	A4-102										DHCQ 17
														1,2,3,4	A4-102								DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
			le, công tác to(222)_09_TH													1,2,3,4	A4-102						DHCQ 17
																		1,2,3,4	A4-102				DHCQ 17
90	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ le, công tắc to(222)_10_TH	21	21	TH	Nguyễn Thị Thanh Bình	15/05-04/06/23	3	1,2,3,4	A4-102												DHCQ 17
							Nguyễn Thị Thanh Bình					1,2,3,4	A4-102										DHCQ 17
							Nguyễn Thị Thanh Bình							1,2,3,4	A4-102								DHCQ 17
							Nguyễn Thị Thanh Bình									1,2,3,4	A4-102						DHCQ 17
							Nguyễn Thị Thanh Bình											1,2,3,4	A4-102				DHCQ 17
							Nguyễn Thị Thanh Bình																DHCQ 17
91	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ le, công tắc to(222)_11_TH	22	22	TH	Hà Quốc Tuấn	20/02-12/03/23	3	1,2,3,4	A4-103												DHCQ 17
							Hà Quốc Tuấn					1,2,3,4	A4-103										DHCQ 17
							Hà Quốc Tuấn							1,2,3,4	A4-103								DHCQ 17
							Hà Quốc Tuấn									1,2,3,4	A4-103						DHCQ 17
							Hà Quốc Tuấn											1,2,3,4	A4-103				DHCQ 17
							Hà Quốc Tuấn																DHCQ 17
92	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ le, công tắc to(222)_12_TH	22	21	TH		13/03-02/04/23	3	1,2,3,4	A4-103												DHCQ 17
												1,2,3,4	A4-103										DHCQ 17
														1,2,3,4	A4-103								DHCQ 17
																1,2,3,4	A4-103						DHCQ 17
																		1,2,3,4	A4-103				DHCQ 17
																							DHCQ 17
93	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ le, công tắc to(222)_13_TH	22	22	TH		03/04-23/04/23	3	1,2,3,4	A4-103												DHCQ 17
												1,2,3,4	A4-103										DHCQ 17
														1,2,3,4	A4-103								DHCQ 17
																1,2,3,4	A4-103						DHCQ 17
																		1,2,3,4	A4-103				DHCQ 17
																							DHCQ 17
			Lắp đặt mạch điện điều				Hà Quốc Tuấn			1,2,3,4	A4-103												DHCQ 17
							Hà Quốc Tuấn					1,2,3,4	A4-103										DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
94	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ le, công tắc tơ(222)_14_TH	22	18	TH	Hà Quốc Tuấn	24/04-14/05/23	3					1,2,3,4	A4-103								DHCQ 17
							Hà Quốc Tuấn									1,2,3,4	A4-103						DHCQ 17
							Hà Quốc Tuấn											1,2,3,4	A4-103				DHCQ 17
95	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ le, công tắc tơ(222)_16_TH	22	22	TH		03/04-23/04/23	3	13,14,15,16	A4-103												DHCQ 17
												13,14,15,16	A4-103										DHCQ 17
														13,14,15,16	A4-103								DHCQ 17
																13,14,15,16	A4-103						DHCQ 17
																		13,14,15,16	A4-103				DHCQ 17
96	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ le, công tắc tơ(222)_17_TH	22	22	TH		20/02-12/03/23	3	13,14,15,16	A4-103												DHCQ 17
												13,14,15,16	A4-103										DHCQ 17
														13,14,15,16	A4-103								DHCQ 17
																13,14,15,16	A4-103						DHCQ 17
																		13,14,15,16	A4-103				DHCQ 17
97	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ le, công tắc tơ(222)_18_TH	22	22	TH		13/03-02/04/23	3	13,14,15,16	A4-103												DHCQ 17
												13,14,15,16	A4-103										DHCQ 17
														13,14,15,16	A4-103								DHCQ 17
																13,14,15,16	A4-103						DHCQ 17
																		13,14,15,16	A4-103				DHCQ 17
98	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ le, công tắc tơ(222)_19_TH	22	19	TH		24/04-14/05/23	3	13,14,15,16	A4-103												DHCQ 17
												13,14,15,16	A4-103										DHCQ 17
														13,14,15,16	A4-103								DHCQ 17
																13,14,15,16	A4-103						DHCQ 17
							Bùi ThanhHòa			8,9,10,11	11T-403												DHCQ 14

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
99	3DN227 DH	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển quá trình(222)_01_TH	23	13	TH	Bùi ThanhHòa	30/01-19/02/23	3			8,9,10, 11	11T-403									DHTDHCK14A 1	DHCQ 14
							Bùi ThanhHòa							8,9,10, 11	11T-403								DHCQ 14
							Bùi ThanhHòa									8,9,10, 11	11T-403						DHCQ 14
							Bùi ThanhHòa											8,9,10, 11	11T-403				DHCQ 14
100	3DN227 DH	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển quá trình(222)_02_TH	23	23	TH		20/02-12/03/23	3	8,9,10, 11	11T-403											DHTDHCK14A 1	DHCQ 14
							Bùi ThanhHòa					8,9,10, 11	11T-403										DHCQ 14
														8,9,10, 11	11T-403								DHCQ 14
							Bùi ThanhHòa									8,9,10, 11	11T-403						DHCQ 14
							Bùi ThanhHòa											8,9,10, 11	11T-403				DHCQ 14
101	3DN227 DH	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển quá trình(222)_03_TH	23	23	TH		13/03-02/04/23	3	8,9,10, 11	11T-403											DHTDHCK14A 1	DHCQ 14
							Bùi ThanhHòa					8,9,10, 11	11T-403										DHCQ 14
														8,9,10, 11	11T-403								DHCQ 14
							Bùi ThanhHòa									8,9,10, 11	11T-403						DHCQ 14
							Bùi ThanhHòa											8,9,10, 11	11T-403				DHCQ 14
102	3DN227 DH	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển quá trình(222)_04_TH	18	11	TH		03/04-23/04/23	3	8,9,10, 11	11T-403											DHTDHCK14A 1	DHCQ 14
							Bùi ThanhHòa					8,9,10, 11	11T-403										DHCQ 14
														8,9,10, 11	11T-403								DHCQ 14
							Bùi ThanhHòa									8,9,10, 11	11T-403						DHCQ 14
							Bùi ThanhHòa											8,9,10, 11	11T-403				DHCQ 14
103	3DN224 CD	2	Lắp đặt mạch điện khí nén và thủy lực(222)_01_TH	20	20	TH	Trần Nguyễn Bảo Ninh	20/02-12/03/23	3	7,8,9,10	A3-207											DHTDHCK15A 1	DHCQ 15
							Trần Nguyễn Bảo Ninh					7,8,9,10	A3-207										DHCQ 15
							Trần Nguyễn Bảo Ninh							7,8,9,10	A3-207								DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Trần Nguyễn Bảo Ninh									7,8,9,10	A3-207						DHCQ 15
							Trần Nguyễn Bảo Ninh											7,8,9,10	A3-207				DHCQ 15
104	3DN224 CD	2	Lắp đặt mạch điện khí nén và thủy lực(222)_02_TH	20	20	TH	Trần Nguyễn Bảo Ninh	13/03-02/04/23	3	7,8,9,10	A3-207												DHCQ 15
							Trần Nguyễn Bảo Ninh					7,8,9,10	A3-207										DHCQ 15
							Trần Nguyễn Bảo Ninh							7,8,9,10	A3-207								DHCQ 15
							Trần Nguyễn Bảo Ninh									7,8,9,10	A3-207						DHCQ 15
							Trần Nguyễn Bảo Ninh											7,8,9,10	A3-207				DHCQ 15
105	3DN224 CD	2	Lắp đặt mạch điện khí nén và thủy lực(222)_03_TH	20	20	TH	Trần Nguyễn Bảo Ninh	03/04-23/04/23	3	7,8,9,10	A3-207												DHCQ 15
							Trần Nguyễn Bảo Ninh					7,8,9,10	A3-207										DHCQ 15
							Trần Nguyễn Bảo Ninh							7,8,9,10	A3-207								DHCQ 15
							Trần Nguyễn Bảo Ninh									7,8,9,10	A3-207						DHCQ 15
							Trần Nguyễn Bảo Ninh											7,8,9,10	A3-207				DHCQ 15
106	3DN224 CD	2	Lắp đặt mạch điện khí nén và thủy lực(222)_04_TH	20	20	TH	Trần Nguyễn Bảo Ninh	20/02-12/03/23	3	1,2,3,4	A3-207												DHCQ 15
							Trần Nguyễn Bảo Ninh					1,2,3,4	A3-207										DHCQ 15
														1,2,3,4	A3-207								DHCQ 15
							Trần Nguyễn Bảo Ninh									1,2,3,4	A3-207						DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Trần Nguyễn Bảo Ninh											1,2,3,4	A3-207				DHCQ 15
107	3DN224 CD	2	Lắp đặt mạch điện khí nén và thủy lực(222)_05_TH	20	16	TH	Trần Nguyễn Bảo Ninh	13/03-02/04/23	3	1,2,3,4	A3-207											DHTDHCK15A 2	DHCQ 15
							Trần Nguyễn Bảo Ninh					1,2,3,4	A3-207										DHCQ 15
														1,2,3,4	A3-207								DHCQ 15
							Trần Nguyễn Bảo Ninh									1,2,3,4	A3-207						DHCQ 15
							Trần Nguyễn Bảo Ninh											1,2,3,4	A3-207				DHCQ 15
108	3DN224 CD	2	Lắp đặt mạch điện khí nén và thủy lực(222)_06_TH	20	20	TH	Trần Nguyễn Bảo Ninh	03/04-23/04/23	3	1,2,3,4	A3-207											DHTDHCK15A 2	DHCQ 15
							Trần Nguyễn Bảo Ninh					1,2,3,4	A3-207										DHCQ 15
														1,2,3,4	A3-207								DHCQ 15
							Trần Nguyễn Bảo Ninh									1,2,3,4	A3-207						DHCQ 15
							Trần Nguyễn Bảo Ninh											1,2,3,4	A3-207				DHCQ 15
109	3DN204 CD	2	Lắp đặt mạng điện chiếu sáng(222)_01_TH	21	21	TH	Nguyễn Văn Minh	20/02-12/03/23	3	1,2,3,4	A4-304												DHCQ 17
							Nguyễn Văn Minh					1,2,3,4	A4-304										DHCQ 17
							Nguyễn Văn Minh							1,2,3,4	A4-304								DHCQ 17
							Nguyễn Văn Minh									1,2,3,4	A4-304						DHCQ 17
							Nguyễn Văn Minh											1,2,3,4	A4-304				DHCQ 17
110	3DN204 CD	2	Lắp đặt mạng điện chiếu sáng(222)_02_TH	21	21	TH	Nguyễn Văn Minh	13/03-02/04/23	3	1,2,3,4	A4-304												DHCQ 17
							Nguyễn Văn Minh					1,2,3,4	A4-304										DHCQ 17
							Nguyễn Văn Minh							1,2,3,4	A4-304								DHCQ 17
							Nguyễn Văn Minh									1,2,3,4	A4-304						DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Nguyễn Văn Minh											1,2,3,4	A4-304				DHCQ 17
111	3DN204 CD	2	Lắp đặt mạng điện chiếu sáng(222)_03_TH	21	22	TH	Nguyễn Văn Minh	03/04-23/04/23	3	1,2,3,4	A4-304												DHCQ 17
							Nguyễn Văn Minh					1,2,3,4	A4-304										DHCQ 17
							Nguyễn Văn Minh							1,2,3,4	A4-304								DHCQ 17
							Nguyễn Văn Minh									1,2,3,4	A4-304						DHCQ 17
							Nguyễn Văn Minh											1,2,3,4	A4-304				DHCQ 17
							Nguyễn Văn Minh																DHCQ 17
112	3DN204 CD	2	Lắp đặt mạng điện chiếu sáng(222)_04_TH	21	21	TH	Nguyễn Văn Minh	24/04-14/05/23	3	1,2,3,4	A4-304												DHCQ 17
							Nguyễn Văn Minh					1,2,3,4	A4-304										DHCQ 17
							Nguyễn Văn Minh							1,2,3,4	A4-304								DHCQ 17
							Nguyễn Văn Minh									1,2,3,4	A4-304						DHCQ 17
							Nguyễn Văn Minh											1,2,3,4	A4-304				DHCQ 17
							Nguyễn Văn Minh																DHCQ 17
113	3DN204 CD	2	Lắp đặt mạng điện chiếu sáng(222)_05_TH	21	14	TH	Nguyễn Văn Minh	15/05-04/06/23	3	1,2,3,4	A4-304												DHCQ 17
							Nguyễn Văn Minh					1,2,3,4	A4-304										DHCQ 17
							Nguyễn Văn Minh							1,2,3,4	A4-304								DHCQ 17
							Nguyễn Văn Minh									1,2,3,4	A4-304						DHCQ 17
							Nguyễn Văn Minh											1,2,3,4	A4-304				DHCQ 17
							Nguyễn Văn Minh																DHCQ 17
114	3DN204 CD	2	Lắp đặt mạng điện chiếu sáng(222)_06_TH	21	21	TH	Hà Quốc Tuấn	13/03-02/04/23	3	1,2,3,4	A4-202												DHCQ 17
							Hà Quốc Tuấn					1,2,3,4	A4-202										DHCQ 17
							Hà Quốc Tuấn							1,2,3,4	A4-202								DHCQ 17
							Hà Quốc Tuấn									1,2,3,4	A4-202						DHCQ 17
							Hà Quốc Tuấn											1,2,3,4	A4-202				DHCQ 17
							Hà Quốc Tuấn																DHCQ 17
115	3DN204 CD	2	Lắp đặt mạng điện chiếu sáng(222)_07_TH	21	22	TH	Nguyễn Văn Minh	20/02-12/03/23	3	8,9,10, 11	A4-304												DHCQ 17
							Nguyễn Văn Minh					8,9,10, 11	A4-304										DHCQ 17
							Nguyễn Văn Minh							8,9,10, 11	A4-304								DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Nguyễn Văn Minh									8,9,10,11	A4-304						DHCQ 17
							Nguyễn Văn Minh											8,9,10,11	A4-304				DHCQ 17
116	3DN204 CD	2	Lắp đặt mạng điện chiếu sáng(222)_08_TH	21	23	TH	Nguyễn Văn Minh	03/04-23/04/23	3	8,9,10,11	A4-304												DHCQ 17
							Nguyễn Văn Minh					8,9,10,11	A4-304										DHCQ 17
							Nguyễn Văn Minh							8,9,10,11	A4-304								DHCQ 17
							Nguyễn Văn Minh									8,9,10,11	A4-304						DHCQ 17
							Nguyễn Văn Minh											8,9,10,11	A4-304				DHCQ 17
117	3DN204 CD	2	Lắp đặt mạng điện chiếu sáng(222)_09_TH	21	17	TH	Nguyễn Văn Minh	15/05-04/06/23	3	8,9,10,11	A4-304												DHCQ 17
							Nguyễn Văn Minh					8,9,10,11	A4-304										DHCQ 17
							Nguyễn Văn Minh							8,9,10,11	A4-304								DHCQ 17
							Nguyễn Văn Minh									8,9,10,11	A4-304						DHCQ 17
							Nguyễn Văn Minh											8,9,10,11	A4-304				DHCQ 17
118	3DN211 CD	2	Lắp đặt thiết bị tự động hóa(222)_01_TH	21	22	TH	Nguyễn Khắc Tuấn	03/04-23/04/23	3	7,8,9,10	A3-112												DHCQ 15
							Nguyễn Khắc Tuấn					7,8,9,10	A3-112										DHCQ 15
							Nguyễn Khắc Tuấn							7,8,9,10	A3-112								DHCQ 15
							Nguyễn Khắc Tuấn									7,8,9,10	A3-112						DHCQ 15
							Nguyễn Khắc Tuấn											7,8,9,10	A3-112				DHCQ 15
119	3DN211 CD	2	Lắp đặt thiết bị tự động hóa(222)_02_TH	21	21	TH	Nguyễn Khắc Tuấn	24/04-14/05/23	3	7,8,9,10	A3-112												DHCQ 15
							Nguyễn Khắc Tuấn					7,8,9,10	A3-112										DHCQ 15
							Nguyễn Khắc Tuấn							7,8,9,10	A3-112								DHCQ 15
							Nguyễn Khắc Tuấn									7,8,9,10	A3-112						DHCQ 15
							Nguyễn Khắc Tuấn											7,8,9,10	A3-112				DHCQ 15
							Nguyễn Khắc Tuấn			7,8,9,10	A3-112												DHCQ 15
							Nguyễn Khắc Tuấn					7,8,9,10	A3-112										DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
120	3DN211 CD	2	Lắp đặt thiết bị tự động hóa(222)_03_TH	21	20	TH	Nguyễn Khắc Tuấn	15/05-04/06/23	3					7,8,9,10	A3-112							DHDDTCK15(DCN)A	DHCQ 15
							Nguyễn Khắc Tuấn									7,8,9,10	A3-112						DHCQ 15
							Nguyễn Khắc Tuấn											7,8,9,10	A3-112				DHCQ 15
121	3DN211 CD	2	Lắp đặt thiết bị tự động hóa(222)_04_TH	20	20	TH	Nguyễn Khắc Tuấn	03/04-23/04/23	3	1,2,3,4	A3-112											DHDDTCK15(DCN)B	DHCQ 15
							Nguyễn Khắc Tuấn					1,2,3,4	A3-112										DHCQ 15
							Nguyễn Khắc Tuấn							1,2,3,4	A3-112								DHCQ 15
							Nguyễn Khắc Tuấn									1,2,3,4	A3-112						DHCQ 15
							Nguyễn Khắc Tuấn											1,2,3,4	A3-112				DHCQ 15
122	3DN211 CD	2	Lắp đặt thiết bị tự động hóa(222)_05_TH	20	20	TH	Nguyễn Khắc Tuấn	24/04-14/05/23	3	1,2,3,4	A3-112											DHDDTCK15(DCN)B	DHCQ 15
							Nguyễn Khắc Tuấn					1,2,3,4	A3-112										DHCQ 15
							Nguyễn Khắc Tuấn							1,2,3,4	A3-112								DHCQ 15
							Nguyễn Khắc Tuấn									1,2,3,4	A3-112						DHCQ 15
							Nguyễn Khắc Tuấn											1,2,3,4	A3-112				DHCQ 15
123	3DN211 CD	2	Lắp đặt thiết bị tự động hóa(222)_06_TH	20	20	TH	Nguyễn Khắc Tuấn	15/05-04/06/23	3	1,2,3,4	A3-112											DHDDTCK15(DCN)B	DHCQ 15
							Nguyễn Khắc Tuấn					1,2,3,4	A3-112										DHCQ 15
							Nguyễn Khắc Tuấn							1,2,3,4	A3-112								DHCQ 15
							Nguyễn Khắc Tuấn									1,2,3,4	A3-112						DHCQ 15
							Nguyễn Khắc Tuấn											1,2,3,4	A3-112				DHCQ 15
124	3DN211 CD	2	Lắp đặt thiết bị tự động hóa(222)_07_TH	20	20	TH	Nguyễn Khắc Tuấn	20/02-12/03/23	3	7,8,9,10	A3-112											DHTDHCK15A1	DHCQ 15
							Nguyễn Khắc Tuấn					7,8,9,10	A3-112										DHCQ 15
							Nguyễn Khắc Tuấn							7,8,9,10	A3-112								DHCQ 15
							Nguyễn Khắc Tuấn									7,8,9,10	A3-112						DHCQ 15
							Nguyễn Khắc Tuấn											7,8,9,10	A3-112				DHCQ 15
							Nguyễn Khắc Tuấn			7,8,9,10	A3-112												DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
125	3DN211 CD	2	Lắp đặt thiết bị tự động hóa(222)_08_TH	20	22	TH	Nguyễn Khắc Tuấn	13/03-02/04/23	3			7,8,9,10	A3-112									DHTDHCK15A 1	DHCQ 15
							Nguyễn Khắc Tuấn							7,8,9,10	A3-112								DHCQ 15
							Nguyễn Khắc Tuấn									7,8,9,10	A3-112						DHCQ 15
							Nguyễn Khắc Tuấn											7,8,9,10	A3-112				DHCQ 15
126	3DN211 CD	2	Lắp đặt thiết bị tự động hóa(222)_09_TH	20	18	TH		15/05-04/06/23	3	7,8,9,10	A3-111											DHTDHCK15A 1	DHCQ 15
							Bùi ThanhHòa					7,8,9,10	A3-111										DHCQ 15
														7,8,9,10	A3-111								DHCQ 15
							Bùi ThanhHòa									7,8,9,10	A3-111						DHCQ 15
							Bùi ThanhHòa											7,8,9,10	A3-111				DHCQ 15
127	3DN211 CD	2	Lắp đặt thiết bị tự động hóa(222)_10_TH	20	21	TH	Nguyễn Khắc Tuấn	20/02-12/03/23	3	1,2,3,4	A3-111											DHTDHCK15A 2	DHCQ 15
							Nguyễn Khắc Tuấn					1,2,3,4	A3-111										DHCQ 15
							Nguyễn Khắc Tuấn							1,2,3,4	A3-111								DHCQ 15
							Nguyễn Khắc Tuấn									1,2,3,4	A3-111						DHCQ 15
							Nguyễn Khắc Tuấn											1,2,3,4	A3-111				DHCQ 15
128	3DN211 CD	2	Lắp đặt thiết bị tự động hóa(222)_11_TH	20	20	TH	Nguyễn Khắc Tuấn	13/03-02/04/23	3	1,2,3,4	A3-111											DHTDHCK15A 2	DHCQ 15
							Nguyễn Khắc Tuấn					1,2,3,4	A3-111										DHCQ 15
							Nguyễn Khắc Tuấn							1,2,3,4	A3-111								DHCQ 15
							Nguyễn Khắc Tuấn									1,2,3,4	A3-111						DHCQ 15
							Nguyễn Khắc Tuấn											1,2,3,4	A3-111				DHCQ 15
129	3DN211 CD	2	Lắp đặt thiết bị tự động hóa(222)_12_TH	20	20	TH	Bùi ThanhHòa	15/05-04/06/23	3	1,2,3,4	A3-111											DHTDHCK15A 2	DHCQ 15
							Bùi ThanhHòa					1,2,3,4	A3-111										DHCQ 15
														1,2,3,4	A3-111								DHCQ 15
																1,2,3,4	A3-111						DHCQ 15
																		1,2,3,4	A3-111				DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
130	3DN239 DH	2	Lắp đặt thiết bị tự động và điều khiển công nghiệp(222)_01_TH	20	19	TH	Nguyễn VănĐộ	30/01-19/02/23	3	8,9,10, 11	A3-111											DHTDHCK14A 1	DHCQ 14
												8,9,10, 11	A3-111										DHCQ 14
							Nguyễn VănĐộ							8,9,10, 11	A3-111								DHCQ 14
							Nguyễn VănĐộ									8,9,10, 11	A3-111						DHCQ 14
							Nguyễn VănĐộ											8,9,10, 11	A3-111				DHCQ 14
131	3DN239 DH	2	Lắp đặt thiết bị tự động và điều khiển công nghiệp(222)_02_TH	20	20	TH	Nguyễn VănĐộ	20/02-12/03/23	3	8,9,10, 11	A3-111											DHTDHCK14A 1	DHCQ 14
												8,9,10, 11	A3-111										DHCQ 14
							Nguyễn VănĐộ							8,9,10, 11	A3-111								DHCQ 14
							Nguyễn VănĐộ									8,9,10, 11	A3-111						DHCQ 14
							Nguyễn VănĐộ											8,9,10, 11	A3-111				DHCQ 14
132	3DN239 DH	2	Lắp đặt thiết bị tự động và điều khiển công nghiệp(222)_03_TH	20	20	TH	Nguyễn VănĐộ	13/03-02/04/23	3	8,9,10, 11	A3-111											DHTDHCK14A 1	DHCQ 14
												8,9,10, 11	A3-111										DHCQ 14
							Nguyễn VănĐộ							8,9,10, 11	A3-111								DHCQ 14
							Nguyễn VănĐộ									8,9,10, 11	A3-111						DHCQ 14
							Nguyễn VănĐộ											8,9,10, 11	A3-111				DHCQ 14
133	3DN239 DH	2	Lắp đặt thiết bị tự động và điều khiển công nghiệp(222)_04_TH	20	20	TH	Nguyễn VănĐộ	03/04-23/04/23	3	8,9,10, 11	A3-111											DHTDHCK14A 1	DHCQ 14
												8,9,10, 11	A3-111										DHCQ 14
							Nguyễn VănĐộ							8,9,10, 11	A3-111								DHCQ 14
							Nguyễn VănĐộ									8,9,10, 11	A3-111						DHCQ 14
							Nguyễn VănĐộ											8,9,10, 11	A3-111				DHCQ 14
134	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(222)_01_TH	22	22	TH	Nguyễn Anh Tuấn	30/01-19/02/23	3	1,2,3,4	A3-108											DHCCKCK14A 1	DHCQ 14
							Nguyễn Anh Tuấn					1,2,3,4	A3-108										DHCQ 14
							Nguyễn Anh Tuấn							1,2,3,4	A3-108								DHCQ 14
							Nguyễn Anh Tuấn									1,2,3,4	A3-108						DHCQ 14

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																		1,2,3,4	A3-108				DHCQ 14
135	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(222)_02_TH	22	22	TH	Nguyễn Anh Tuấn	20/02-12/03/23	3	1,2,3,4	A3-108											DHKCKCK14A 1	DHCQ 14
							Nguyễn Anh Tuấn					1,2,3,4	A3-108										DHCQ 14
							Nguyễn Anh Tuấn							1,2,3,4	A3-108								DHCQ 14
																1,2,3,4	A3-108						DHCQ 14
																		1,2,3,4	A3-108				DHCQ 14
136	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(222)_03_TH	18	18	TH		13/03-02/04/23	3	7,8,9,10	A3-110											DHDDTCK16A 3	DHCQ 16
												7,8,9,10	A3-110										DHCQ 16
														7,8,9,10	A3-110								DHCQ 16
																7,8,9,10	A3-110						DHCQ 16
																		7,8,9,10	A3-110				DHCQ 16
137	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(222)_04_TH	18	22	TH		03/04-23/04/23	3	13,14,15,16	A3-110											DHDDTCK16A 3	DHCQ 16
												13,14,15,16	A3-110										DHCQ 16
														13,14,15,16	A3-110								DHCQ 16
																13,14,15,16	A3-110						DHCQ 16
																		13,14,15,16	A3-110				DHCQ 16
138	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(222)_05_TH	18	22	TH	Trần Nguyễn Bảo Ninh	24/04-14/05/23	3	7,8,9,10	A3-110											DHDDTCK16A 3	DHCQ 16
							Trần Nguyễn Bảo Ninh					7,8,9,10	A3-110										DHCQ 16
							Trần Nguyễn Bảo Ninh							7,8,9,10	A3-110								DHCQ 16
							Trần Nguyễn Bảo Ninh									7,8,9,10	A3-110						DHCQ 16
							Trần Nguyễn Bảo Ninh											7,8,9,10	A3-110				DHCQ 16
										1,2,3,4	A3-108												DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
139	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(222)_06_TH	20	20	TH		13/03-02/04/23	3			1,2,3,4	A3-108									DHTDHCK16A 3	DHCQ 16
														1,2,3,4	A3-108								DHCQ 16
																1,2,3,4	A3-108						DHCQ 16
																		1,2,3,4	A3-108				DHCQ 16
140	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(222)_07_TH	20	21	TH		03/04-23/04/23	3	1,2,3,4	A3-108											DHTDHCK16A 3	DHCQ 16
												1,2,3,4	A3-108										DHCQ 16
														1,2,3,4	A3-108								DHCQ 16
																1,2,3,4	A3-108						DHCQ 16
																		1,2,3,4	A3-108				DHCQ 16
141	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(222)_08_TH	20	22	TH	Nguyễn Anh Tuấn	24/04-14/05/23	3	1,2,3,4	A3-108											DHTDHCK16A 3	DHCQ 16
							Nguyễn Anh Tuấn					1,2,3,4	A3-108										DHCQ 16
							Nguyễn Anh Tuấn							1,2,3,4	A3-108								DHCQ 16
																1,2,3,4	A3-108						DHCQ 16
																		1,2,3,4	A3-108				DHCQ 16
142	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(222)_09_TH	20	21	TH	Nguyễn Thanh Long	20/02-12/03/23	3	7,8,9,10	A3-108											DHTDHCK16A 1	DHCQ 16
							Nguyễn Thanh Long					7,8,9,10	A3-108										DHCQ 16
							Nguyễn Thanh Long							7,8,9,10	A3-108								DHCQ 16
							Nguyễn Thanh Long									7,8,9,10	A3-108						DHCQ 16
							Nguyễn Thanh Long											7,8,9,10	A3-108				DHCQ 16
143	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(222)_10_TH	20	20	TH		13/03-02/04/23	3	7,8,9,10	A3-108											DHTDHCK16A 1	DHCQ 16
												7,8,9,10	A3-108										DHCQ 16
														7,8,9,10	A3-108								DHCQ 16
																7,8,9,10	A3-108						DHCQ 16
																		7,8,9,10	A3-108				DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
144	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(222)_11_TH	20	22	TH	Nguyễn Anh Tuấn	03/04-23/04/23	3	13,14,15,16	A3-108											DHTDHCK16A1	DHCQ16
							Nguyễn Anh Tuấn					13,14,15,16	A3-108										DHCQ16
							Nguyễn Anh Tuấn							13,14,15,16	A3-108								DHCQ16
							Nguyễn Anh Tuấn									13,14,15,16	A3-108						DHCQ16
							Nguyễn Anh Tuấn											13,14,15,16	A3-108				DHCQ16
145	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(222)_12_TH	20	20	TH		24/04-14/05/23	3	7,8,9,10	A3-108											DHTDHCK16A1	DHCQ16
												7,8,9,10	A3-108										DHCQ16
														7,8,9,10	A3-108								DHCQ16
																7,8,9,10	A3-108						DHCQ16
																		7,8,9,10	A3-108				DHCQ16
146	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(222)_13_TH	20	18	TH	Trần Nguyễn Bảo Ninh	15/05-04/06/23	3	7,8,9,10	A3-108											DHTDHCK16A1	DHCQ16
							Trần Nguyễn Bảo Ninh					7,8,9,10	A3-108										DHCQ16
							Trần Nguyễn Bảo Ninh							7,8,9,10	A3-108								DHCQ16
							Trần Nguyễn Bảo Ninh									7,8,9,10	A3-108						DHCQ16
							Trần Nguyễn Bảo Ninh											7,8,9,10	A3-108				DHCQ16
147	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(222)_14_TH	20	22	TH	Phạm VănTuấn	20/02-12/03/23	3	1,2,3,4	A3-110											DHDDTCK16A1	DHCQ16
							Phạm VănTuấn					1,2,3,4	A3-110										DHCQ16
							Phạm VănTuấn							1,2,3,4	A3-110								DHCQ16
							Phạm VănTuấn									1,2,3,4	A3-110						DHCQ16
							Phạm VănTuấn											1,2,3,4	A3-110				DHCQ16
							Phạm VănTuấn			1,2,3,4	A3-110												DHCQ16
							Phạm VănTuấn					1,2,3,4	A3-110										DHCQ16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
148	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(222)_15_TH	20	21	TH	Phạm VănTuấn Phạm VănTuấn Phạm VănTuấn	13/03-02/04/23	3					1,2,3,4	A3-110							DHDDTCK16A 1	DHCQ 16 DHCQ 16 DHCQ 16
149	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(222)_16_TH	20	20	TH		03/04-23/04/23	3	1,2,3,4	A3-110											DHDDTCK16A 1	DHCQ 16 DHCQ 16 DHCQ 16 DHCQ 16
150	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(222)_18_TH	20	17	TH		15/05-04/06/23	3	1,2,3,4	A3-108											DHDDTCK16A 1	DHCQ 16 DHCQ 16 DHCQ 16 DHCQ 16
151	3DN206 CD	2	Lập trình vi điều khiển(222)_01_TH	20	20	TH	Nguyễn Minh Quân Nguyễn Minh Quân Nguyễn Minh Quân Nguyễn Minh Quân	20/02-12/03/23	3	1,2,3,4	A4.307											DHTDHCK16A 3	DHCQ 16 DHCQ 16 DHCQ 16 DHCQ 16
152	3DN206 CD	2	Lập trình vi điều khiển(222)_02_TH	20	15	TH	Nguyễn Minh Quân Nguyễn Minh Quân Nguyễn Minh Quân Nguyễn Minh Quân	13/03-02/04/23	3	1,2,3,4	A4.307											DHTDHCK16A 3	DHCQ 16 DHCQ 16 DHCQ 16 DHCQ 16
							Nguyễn Minh Quân			1,2,3,4	A4.307											DHCQ 16	

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
153	3DN206 CD	2	Lập trình vi điều khiển(222)_03_TH	20	20	TH	Nguyễn Minh Quân	03/04-23/04/23	3			1,2,3,4	A4.307									DHTDHCK16A 3	DHCQ 16
							Nguyễn Minh Quân							1,2,3,4	A4.307								DHCQ 16
																1,2,3,4	A4.307						DHCQ 16
							Nguyễn Minh Quân											1,2,3,4	A4.307				DHCQ 16
154	3DN206 CD	2	Lập trình vi điều khiển(222)_04_TH	20	21	TH	Bùi Xuân Vinh	20/02-12/03/23	3	7,8,9,10	A4.207											DHTDHCK16A 1	DHCQ 16
							Bùi Xuân Vinh					7,8,9,10	A4.207										DHCQ 16
							Bùi Xuân Vinh							7,8,9,10	A4.207								DHCQ 16
							Bùi Xuân Vinh									7,8,9,10	A4.207						DHCQ 16
							Bùi Xuân Vinh											7,8,9,10	A4.207				DHCQ 16
155	3DN206 CD	2	Lập trình vi điều khiển(222)_05_TH	20	22	TH	Bùi Xuân Vinh	13/03-02/04/23	3	7,8,9,10	A4.207											DHTDHCK16A 1	DHCQ 16
							Bùi Xuân Vinh					7,8,9,10	A4.207										DHCQ 16
							Bùi Xuân Vinh							7,8,9,10	A4.207								DHCQ 16
							Bùi Xuân Vinh									7,8,9,10	A4.207						DHCQ 16
							Bùi Xuân Vinh											7,8,9,10	A4.207				DHCQ 16
156	3DN206 CD	2	Lập trình vi điều khiển(222)_06_TH	20	22	TH	Bùi Xuân Vinh	03/04-23/04/23	3	7,8,9,10	A4.207											DHTDHCK16A 1	DHCQ 16
							Bùi Xuân Vinh					7,8,9,10	A4.207										DHCQ 16
							Bùi Xuân Vinh							7,8,9,10	A4.207								DHCQ 16
							Bùi Xuân Vinh									7,8,9,10	A4.207						DHCQ 16
							Bùi Xuân Vinh											7,8,9,10	A4.207				DHCQ 16
157	3DN206 CD	2	Lập trình vi điều khiển(222)_07_TH	20	20	TH	Bùi Xuân Vinh	24/04-14/05/23	3	7,8,9,10	A4.207											DHTDHCK16A 1	DHCQ 16
							Bùi Xuân Vinh					7,8,9,10	A4.207										DHCQ 16
							Bùi Xuân Vinh							7,8,9,10	A4.207								DHCQ 16
							Bùi Xuân Vinh									7,8,9,10	A4.207						DHCQ 16
							Bùi Xuân Vinh											7,8,9,10	A4.207				DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
158	3DN206 CD	2	Lập trình vi điều khiển(222)_08_TH	20	20	TH	Bùi Xuân Vinh	15/05-04/06/23	3	7,8,9,10	A4.207											DHTDHCK16A1	DHCQ16
							Bùi Xuân Vinh					7,8,9,10	A4.207										DHCQ16
							Bùi Xuân Vinh							7,8,9,10	A4.207								DHCQ16
							Bùi Xuân Vinh									7,8,9,10	A4.207						DHCQ16
							Bùi Xuân Vinh											7,8,9,10	A4.207				DHCQ16
159	3DN141 DH	2	Lý thuyết điều khiển tự động (+ Bài tập dài)(222)_01	61	52	LT	Bùi ThanhHòa	20/02-04/06/23	15					1,2	A2.103							DHDDTCK15(DCN)A	DHCQ15
160	3DN141 DH	2	Lý thuyết điều khiển tự động (+ Bài tập dài)(222)_02	60	59	LT	Bùi ThanhHòa	20/02-04/06/23	15					7,8	A2.103							DHDDTCK15(DCN)B	DHCQ15
161	3DN141 DH	2	Lý thuyết điều khiển tự động (+ Bài tập dài)(222)_03	50	51	LT	Bùi ThanhHòa	20/02-04/06/23	15							1,2	A2.107					DHTDHCK16A1	DHCQ16
162	3DN141 DH	2	Lý thuyết điều khiển tự động (+ Bài tập dài)(222)_04	50	50	LT	Bùi ThanhHòa	20/02-04/06/23	15									1,2	A2.209			DHTDHCK16A2	DHCQ16
163	3DN141 DH	2	Lý thuyết điều khiển tự động (+ Bài tập dài)(222)_05	60	59	LT	Bùi ThanhHòa	20/02-04/06/23	15	7,8	A2.209											DHTDHCK16A3	DHCQ16
164	3DN110 DH	3	Mạng và Cung cấp điện(222)_01	50	46	LT	Đặng Quang Khoa	20/02-04/06/23	15			7,8,9	A2.104									DHDDTCK16A1	DHCQ16
165	3DN110 DH	3	Mạng và Cung cấp điện(222)_02	50	51	LT	Võ Tiến Trung	20/02-04/06/23	15					7,8,9	A2.203							DHDDTCK16A2	DHCQ16
166	3DN110 DH	3	Mạng và Cung cấp điện(222)_03	60	50	LT	Đặng Quang Khoa	20/02-04/06/23	15							1,2,3	A2.203					DHDDTCK16A3	DHCQ16
167	3DN133 DH	2	Ngắn mạch trong hệ thống điện(222)_01	32	33	LT	Võ Tiến Dũng	20/02-04/06/23	15					3,4	A2.306							DHDDTCK15(HTD)	DHCQ15
168	3DN115 DH	2	Phân điện trong nhà máy điện và Trạm biến áp(222)_01	32	39	LT	Võ Tiến Dũng	20/02-04/06/23	15			1,2	A2.306									DHDDTCK15(HTD)	DHCQ15
169	3DN112 DH	2	Quy hoạch và phát triển hệ thống điện(222)_01	32	35	LT	Đặng Quang Khoa	20/02-04/06/23	15									1,2	A2.306			DHDDTCK15(HTD)	DHCQ15
170	3DN171 DH	2	Robot công nghiệp(222)_01	24	24	LT	Nguyễn Anh Tuấn	20/02-04/06/23	15	7,8	A2.206											DHKTMCCK15A1	DHCQ15
171	3DN214 CD	2	Sửa chữa mạch điện máy công nghiệp(222)_01_TH	21	22	TH	Nguyễn Thanh Long	13/03-02/04/23	3	7,8,9,10	A4-201											DHDDTCK15(DCN)A	DHCQ15
							Nguyễn Thanh Long					7,8,9,10	A4-201										DHCQ15
							Nguyễn Thanh Long							7,8,9,10	A4-201								DHCQ15
							Nguyễn Thanh Long									7,8,9,10	A4-201						DHCQ15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Nguyễn Thanh Long											7,8,9,10	A4-201				DHCQ 15
172	3DN214 CD	2	Sửa chữa mạch điện máy công nghiệp(222)_02_TH	21	22	TH	Nguyễn Thanh Long	24/04-14/05/23	3	7,8,9,10	A4-201												DHCQ 15
							Nguyễn Thanh Long					7,8,9,10	A4-201										DHCQ 15
							Nguyễn Thanh Long							7,8,9,10	A4-201								DHCQ 15
							Nguyễn Thanh Long									7,8,9,10	A4-201						DHCQ 15
							Nguyễn Thanh Long									7,8,9,10	A4-201						DHCQ 15
							Nguyễn Thanh Long											7,8,9,10	A4-201				DHCQ 15
173	3DN214 CD	2	Sửa chữa mạch điện máy công nghiệp(222)_03_TH	21	14	TH	Nguyễn Thanh Long	15/05-04/06/23	3	7,8,9,10	A4-201												DHCQ 15
							Nguyễn Thanh Long					7,8,9,10	A4-201										DHCQ 15
							Nguyễn Thanh Long							7,8,9,10	A4-201								DHCQ 15
							Nguyễn Thanh Long									7,8,9,10	A4-201						DHCQ 15
							Nguyễn Thanh Long											7,8,9,10	A4-201				DHCQ 15
							Nguyễn Thanh Long																DHCQ 15
174	3DN214 CD	2	Sửa chữa mạch điện máy công nghiệp(222)_04_TH	20	21	TH	Nguyễn Thanh Long	13/03-02/04/23	3	1,2,3,4	A4-201												DHCQ 15
							Nguyễn Thanh Long					1,2,3,4	A4-201										DHCQ 15
							Nguyễn Thanh Long							1,2,3,4	A4-201								DHCQ 15
							Nguyễn Thanh Long									1,2,3,4	A4-201						DHCQ 15
							Nguyễn Thanh Long											1,2,3,4	A4-201				DHCQ 15
							Nguyễn Thanh Long																DHCQ 15
175	3DN214 CD	2	Sửa chữa mạch điện máy công nghiệp(222)_05_TH	20	20	TH	Nguyễn Thanh Long	24/04-14/05/23	3	1,2,3,4	A4-201												DHCQ 15
							Nguyễn Thanh Long					1,2,3,4	A4-201										DHCQ 15
							Nguyễn Thanh Long							1,2,3,4	A4-201								DHCQ 15
							Nguyễn Thanh Long									1,2,3,4	A4-201						DHCQ 15
							Nguyễn Thanh Long											1,2,3,4	A4-201				DHCQ 15
							Nguyễn Thanh Long																DHCQ 15
176	3DN214 CD	2	Sửa chữa mạch điện máy công nghiệp(222)_06_TH	20	19	TH	Nguyễn Thanh Long	15/05-04/06/23	3	1,2,3,4	A4-201												DHCQ 15
							Nguyễn Thanh Long					1,2,3,4	A4-201										DHCQ 15
							Nguyễn Thanh Long							1,2,3,4	A4-201								DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Nguyễn Thanh Long									1,2,3,4	A4-201						DHCQ 15
							Nguyễn Thanh Long											1,2,3,4	A4-201				DHCQ 15
177	3DN214 CD	2	Sửa chữa mạch điện máy công nghiệp(222)_07_TH	16	16	TH	Nguyễn Thanh Long	30/01-19/02/23	3	8,9,10, 11	A4-103												DHCQ 16
							Nguyễn Thanh Long					8,9,10, 11	A4-103										DHCQ 16
							Nguyễn Thanh Long							8,9,10, 11	A4-103								DHCQ 16
							Nguyễn Thanh Long									8,9,10, 11	A4-103						DHCQ 16
							Nguyễn Thanh Long											8,9,10, 11	A4-103				DHCQ 16
							Nguyễn Thanh Long																DHCQ 16
178	3DN214 CD	2	Sửa chữa mạch điện máy công nghiệp(222)_08_TH	16	16	TH	Nguyễn Thanh Long	03/04-23/04/23	3	8,9,10, 11	A4-103												DHCQ 16
							Nguyễn Thanh Long					8,9,10, 11	A4-103										DHCQ 16
							Nguyễn Thanh Long							8,9,10, 11	A4-103								DHCQ 16
							Nguyễn Thanh Long									8,9,10, 11	A4-103						DHCQ 16
							Nguyễn Thanh Long											8,9,10, 11	A4-103				DHCQ 16
							Nguyễn Thanh Long																DHCQ 16
179	3DN202 CD	2	Sửa chữa máy điện(222)_01_TH	21	21	TH	Hoàng Nghĩa Thắng	20/02-12/03/23	3	8,9,10, 11	A4-303												DHCQ 17
							Hoàng Nghĩa Thắng					8,9,10, 11	A4-303										DHCQ 17
							Hoàng Nghĩa Thắng							8,9,10, 11	A4-303								DHCQ 17
							Hoàng Nghĩa Thắng									8,9,10, 11	A4-303						DHCQ 17
							Hoàng Nghĩa Thắng											8,9,10, 11	A4-303				DHCQ 17
							Hoàng Nghĩa Thắng																DHCQ 17
180	3DN202 CD	2	Sửa chữa máy điện(222)_02_TH	21	21	TH	Hoàng Nghĩa Thắng	13/03-02/04/23	3	8,9,10, 11	A4-303												DHCQ 17
							Hoàng Nghĩa Thắng					8,9,10, 11	A4-303										DHCQ 17
							Hoàng Nghĩa Thắng							8,9,10, 11	A4-303								DHCQ 17
							Hoàng Nghĩa Thắng									8,9,10, 11	A4-303						DHCQ 17
							Hoàng Nghĩa Thắng											8,9,10, 11	A4-303				DHCQ 17
							Hoàng Nghĩa Thắng																DHCQ 17
							Hoàng Nghĩa Thắng			8,9,10, 11	A4-303												DHCQ 17
							Hoàng Nghĩa Thắng					8,9,10, 11	A4-303										DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
181	3DN202 CD	2	Sửa chữa máy điện(222)_03_TH	21	21	TH	Hoàng Nghĩa Thắng	03/04-23/04/23	3					8,9,10, 11	A4-303								DHCQ 17
							Hoàng Nghĩa Thắng									8,9,10, 11	A4-303						DHCQ 17
							Hoàng Nghĩa Thắng											8,9,10, 11	A4-303				DHCQ 17
182	3DN202 CD	2	Sửa chữa máy điện(222)_04_TH	21	21	TH	Hoàng Nghĩa Thắng	24/04-14/05/23	3	8,9,10, 11	A4-303												DHCQ 17
							Hoàng Nghĩa Thắng					8,9,10, 11	A4-303										DHCQ 17
							Hoàng Nghĩa Thắng							8,9,10, 11	A4-303								DHCQ 17
							Hoàng Nghĩa Thắng									8,9,10, 11	A4-303						DHCQ 17
							Hoàng Nghĩa Thắng											8,9,10, 11	A4-303				DHCQ 17
183	3DN202 CD	2	Sửa chữa máy điện(222)_05_TH	21	12	TH	Hoàng Nghĩa Thắng	15/05-04/06/23	3	8,9,10, 11	A4-303												DHCQ 17
							Hoàng Nghĩa Thắng					8,9,10, 11	A4-303										DHCQ 17
							Hoàng Nghĩa Thắng							8,9,10, 11	A4-303								DHCQ 17
							Hoàng Nghĩa Thắng									8,9,10, 11	A4-303						DHCQ 17
							Hoàng Nghĩa Thắng											8,9,10, 11	A4-303				DHCQ 17
184	3DN202 CD	2	Sửa chữa máy điện(222)_06_TH	21	20	TH	Phan Sỹ Phương	20/02-12/03/23	3	1,2,3,4	A4-303												DHCQ 17
							Phan Sỹ Phương					1,2,3,4	A4-303										DHCQ 17
							Phan Sỹ Phương							1,2,3,4	A4-303								DHCQ 17
							Phan Sỹ Phương									1,2,3,4	A4-303						DHCQ 17
							Phan Sỹ Phương											1,2,3,4	A4-303				DHCQ 17
185	3DN202 CD	2	Sửa chữa máy điện(222)_07_TH	21	22	TH	Phan Sỹ Phương	13/03-02/04/23	3	1,2,3,4	A4-303												DHCQ 17
							Phan Sỹ Phương					1,2,3,4	A4-303										DHCQ 17
							Phan Sỹ Phương							1,2,3,4	A4-303								DHCQ 17
							Phan Sỹ Phương									1,2,3,4	A4-303						DHCQ 17
							Phan Sỹ Phương											1,2,3,4	A4-303				DHCQ 17
							Phan Sỹ Phương			1,2,3,4	A4-303												DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
186	3DN202 CD	2	Sửa chữa máy điện(222)_08_TH	21	21	TH	Phan Sỹ Phương	03/04-23/04/23	3			1,2,3,4	A4-303										DHCQ 17
							Phan Sỹ Phương							1,2,3,4	A4-303								DHCQ 17
							Phan Sỹ Phương									1,2,3,4	A4-303						DHCQ 17
							Phan Sỹ Phương											1,2,3,4	A4-303				DHCQ 17
187	3DN202 CD	2	Sửa chữa máy điện(222)_09_TH	21	21	TH	Phan Sỹ Phương	24/04-14/05/23	3	1,2,3,4	A4-303												DHCQ 17
							Phan Sỹ Phương					1,2,3,4	A4-303										DHCQ 17
							Phan Sỹ Phương							1,2,3,4	A4-303								DHCQ 17
							Phan Sỹ Phương									1,2,3,4	A4-303						DHCQ 17
							Phan Sỹ Phương											1,2,3,4	A4-303				DHCQ 17
188	3DN202 CD	2	Sửa chữa máy điện(222)_10_TH	21	19	TH	Phan Sỹ Phương	15/05-04/06/23	3	1,2,3,4	A4-303												DHCQ 17
							Phan Sỹ Phương					1,2,3,4	A4-303										DHCQ 17
							Phan Sỹ Phương							1,2,3,4	A4-303								DHCQ 17
							Phan Sỹ Phương									1,2,3,4	A4-303						DHCQ 17
							Phan Sỹ Phương											1,2,3,4	A4-303				DHCQ 17
189	3DN215 DH	2	Sửa chữa máy điện đồng bộ và máy điện một chiều(222)_01_TH	18	20	TH	Đào Thị Thu Hậu	20/02-12/03/23	3	7,8,9,10	A4-302											DHDDTCK16A3	DHCQ 16
							Đào Thị Thu Hậu					7,8,9,10	A4-302										DHCQ 16
							Đào Thị Thu Hậu							7,8,9,10	A4-302								DHCQ 16
							Đào Thị Thu Hậu									7,8,9,10	A4-302						DHCQ 16
							Đào Thị Thu Hậu											7,8,9,10	A4-302				DHCQ 16
190	3DN215 DH	2	Sửa chữa máy điện đồng bộ và máy điện một chiều(222)_02_TH	18	22	TH	Đào Thị Thu Hậu	13/03-02/04/23	3	7,8,9,10	A4-302											DHDDTCK16A3	DHCQ 16
							Đào Thị Thu Hậu					7,8,9,10	A4-302										DHCQ 16
							Đào Thị Thu Hậu							7,8,9,10	A4-302								DHCQ 16
							Đào Thị Thu Hậu									7,8,9,10	A4-302						DHCQ 16
							Đào Thị Thu Hậu											7,8,9,10	A4-302				DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
191	3DN215 DH	2	Sửa chữa máy điện đồng bộ và máy điện một chiều(222)_04_TH	20	21	TH	Đào Thị Thu Hậu	20/02-12/03/23	3	1,2,3,4	A4-302											DHDDTCK16A 1	DHCQ 16
							Đào Thị Thu Hậu					1,2,3,4	A4-302										DHCQ 16
							Đào Thị Thu Hậu							1,2,3,4	A4-302								DHCQ 16
							Đào Thị Thu Hậu									1,2,3,4	A4-302						DHCQ 16
							Đào Thị Thu Hậu											1,2,3,4	A4-302				DHCQ 16
192	3DN215 DH	2	Sửa chữa máy điện đồng bộ và máy điện một chiều(222)_05_TH	20	22	TH	Hoàng Nghĩa Thắng	13/03-02/04/23	3	13,14,15,16	A4-302											DHDDTCK16A 1	DHCQ 16
							Hoàng Nghĩa Thắng					13,14,15,16	A4-302										DHCQ 16
							Hoàng Nghĩa Thắng							13,14,15,16	A4-302								DHCQ 16
							Hoàng Nghĩa Thắng									13,14,15,16	A4-302						DHCQ 16
							Hoàng Nghĩa Thắng											13,14,15,16	A4-302				DHCQ 16
193	3DN215 DH	2	Sửa chữa máy điện đồng bộ và máy điện một chiều(222)_06_TH	20	23	TH	Đào Thị Thu Hậu	03/04-23/04/23	3	1,2,3,4	A4-302											DHDDTCK16A 1	DHCQ 16
							Đào Thị Thu Hậu					1,2,3,4	A4-302										DHCQ 16
							Đào Thị Thu Hậu							1,2,3,4	A4-302								DHCQ 16
							Đào Thị Thu Hậu									1,2,3,4	A4-302						DHCQ 16
							Đào Thị Thu Hậu									1,2,3,4	A4-302						DHCQ 16
194	3DN215 DH	2	Sửa chữa máy điện đồng bộ và máy điện một chiều(222)_07_TH	20	21	TH	Đào Thị Thu Hậu	24/04-14/05/23	3	1,2,3,4	A4-302											DHDDTCK16A 1	DHCQ 16
							Đào Thị Thu Hậu					1,2,3,4	A4-302										DHCQ 16
							Đào Thị Thu Hậu							1,2,3,4	A4-302								DHCQ 16
							Đào Thị Thu Hậu									1,2,3,4	A4-302						DHCQ 16
							Đào Thị Thu Hậu									1,2,3,4	A4-302						DHCQ 16
195	3DN215 DH	2	Sửa chữa máy điện đồng bộ và máy điện một chiều(222)_08_TH	20	16	TH	Đào Thị Thu Hậu	15/05-04/06/23	3	1,2,3,4	A4-302											DHDDTCK16A 1	DHCQ 16
							Đào Thị Thu Hậu					1,2,3,4	A4-302										DHCQ 16
							Đào Thị Thu Hậu							1,2,3,4	A4-302								DHCQ 16
							Đào Thị Thu Hậu									1,2,3,4	A4-302						DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Đào Thị Thu Hậu											1,2,3,4	A4-302				DHCQ 16
196	3DN223 DH	2	Thiết kế hệ thống nhúng(222)_01_TH	20	20	TH	Bùi Trung Tuyển	20/02-12/03/23	3	7,8,9,10	A3-209											DHTDHCK15A 1	DHCQ 15
							Bùi Trung Tuyển					7,8,9,10	A3-209										DHCQ 15
							Bùi Trung Tuyển							7,8,9,10	A3-209								DHCQ 15
							Bùi Trung Tuyển									7,8,9,10	A3-209						DHCQ 15
							Bùi Trung Tuyển											7,8,9,10	A3-209				DHCQ 15
197	3DN223 DH	2	Thiết kế hệ thống nhúng(222)_02_TH	20	20	TH	Bùi Trung Tuyển	13/03-02/04/23	3	7,8,9,10	A3-209											DHTDHCK15A 1	DHCQ 15
							Bùi Trung Tuyển					7,8,9,10	A3-209										DHCQ 15
							Bùi Trung Tuyển							7,8,9,10	A3-209								DHCQ 15
							Bùi Trung Tuyển									7,8,9,10	A3-209						DHCQ 15
							Bùi Trung Tuyển											7,8,9,10	A3-209				DHCQ 15
198	3DN223 DH	2	Thiết kế hệ thống nhúng(222)_03_TH	20	21	TH	Bùi Trung Tuyển	24/04-14/05/23	3	7,8,9,10	A3-209											DHTDHCK15A 1	DHCQ 15
							Bùi Trung Tuyển					7,8,9,10	A3-209										DHCQ 15
							Bùi Trung Tuyển							7,8,9,10	A3-209								DHCQ 15
							Bùi Trung Tuyển									7,8,9,10	A3-209						DHCQ 15
							Bùi Trung Tuyển											7,8,9,10	A3-209				DHCQ 15
199	3DN223 DH	2	Thiết kế hệ thống nhúng(222)_04_TH	20	20	TH	Bùi Trung Tuyển	20/02-12/03/23	3	1,2,3,4	A3-209											DHTDHCK15A 2	DHCQ 15
							Bùi Trung Tuyển					1,2,3,4	A3-209										DHCQ 15
							Bùi Trung Tuyển							1,2,3,4	A3-209								DHCQ 15
							Bùi Trung Tuyển									1,2,3,4	A3-209						DHCQ 15
							Bùi Trung Tuyển											1,2,3,4	A3-209				DHCQ 15
200	3DN223 DH	2	Thiết kế hệ thống nhúng(222)_05_TH	20	20	TH	Bùi Trung Tuyển	13/03-02/04/23	3	1,2,3,4	A3-209											DHTDHCK15A 2	DHCQ 15
							Bùi Trung Tuyển					1,2,3,4	A3-209										DHCQ 15
							Bùi Trung Tuyển							1,2,3,4	A3-209								DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Bùi Trung Tuyển									1,2,3,4	A3-209						DHCQ 15
							Bùi Trung Tuyển											1,2,3,4	A3-209				DHCQ 15
201	3DN223 DH	2	Thiết kế hệ thống nhúng(222)_06_TH	20	17	TH	Bùi Trung Tuyển	24/04-14/05/23	3	1,2,3,4	A3-209												DHCQ 15
							Bùi Trung Tuyển					1,2,3,4	A3-209										DHCQ 15
							Bùi Trung Tuyển							1,2,3,4	A3-209								DHCQ 15
							Bùi Trung Tuyển									1,2,3,4	A3-209						DHCQ 15
							Bùi Trung Tuyển											1,2,3,4	A3-209				DHCQ 15
202	3DN231 DH	7	Tiểu luận tốt nghiệp(222)_01_DA_13D	39	22	DA		02/01-05/03/23	9	6	A2.104											DHDDTCK14(DCN)	DHCQ 14
203	3DN245 DH	7	Tiểu luận tốt nghiệp(222)_01_DA_166	27	27	DA		02/01-05/03/23	9					6	A2.105							DHTDHCK14A1	DHCQ 14
204	3DN245 DH	7	Tiểu luận tốt nghiệp(222)_02_DA_108	31	31	DA		06/03-23/04/23	7					6	A2.101							DHTDHCK14A1	DHCQ 14
205	3DN231 DH	7	Tiểu luận tốt nghiệp(222)_02_DA_17B	58	57	DA		06/03-23/04/23	7	6												DHDDTCK14(DCN)	DHCQ 14
206	3DN117 DH	3	Trang bị điện, điện tử(222)_01	61	69	LT	Nguyễn Minh Thư	20/02-04/06/23	15							3,4,5	A2.103					DHDDTCK15(DCN)A	DHCQ 15
207	3DN117 DH	3	Trang bị điện, điện tử(222)_02	60	61	LT	Nguyễn Minh Thư	20/02-04/06/23	15									7,8,9	A2.103			DHDDTCK15(DCN)B	DHCQ 15
208	3DN117 DH	3	Trang bị điện, điện tử(222)_03	60	62	LT	Nguyễn Minh Thư	20/02-04/06/23	15					3,4,5	A2.106							DHTDHCK15A1	DHCQ 15
209	3DN117 DH	3	Trang bị điện, điện tử(222)_04	60	61	LT	Nguyễn Minh Thư	20/02-04/06/23	15	9,10,11	A2.105											DHTDHCK15A2	DHCQ 15
210	3DN135 DH	2	Truyền động điện tự động (+BTL)(222)_01	61	62	LT	Nguyễn Minh Thư	20/02-04/06/23	15									3,4	A2.103			DHDDTCK15(DCN)A	DHCQ 15
211	3DN135 DH	2	Truyền động điện tự động (+BTL)(222)_02	60	66	LT	Nguyễn Minh Thư	20/02-04/06/23	15									10,11	A2.103			DHDDTCK15(DCN)B	DHCQ 15
212	3DN135 DH	2	Truyền động điện tự động (+BTL)(222)_03	60	60	LT	Nguyễn Minh Thư	20/02-04/06/23	15					1,2	A2.106							DHTDHCK15A1	DHCQ 15
213	3DN135 DH	2	Truyền động điện tự động (+BTL)(222)_04	60	58	LT	Nguyễn Minh Thư	20/02-04/06/23	15	7,8	A2.105											DHTDHCK15A2	DHCQ 15
214	3DN128 DH	2	Tự động hóa hệ thống điện(222)_01	32	34	LT	Nguyễn Văn Độ	20/02-04/06/23	15	1,2	A2.306											DHDDTCK15(HTD)	DHCQ 15
215	3DN102 CD	2	Vật liệu điện, điện tử(222)_03	50	45	LT	Dương Thị Tuyết Mai	20/02-04/06/23	15							3,4	A2.304					DHTDHCK17A1	DHCQ 17
216	3DN102 CD	2	Vật liệu điện, điện tử(222)_04	50	50	LT	Dương Thị Tuyết Mai	20/02-04/06/23	15					1,2	A2.412							DHTDHCK17A2	DHCQ 17
217	3DN102 CD	2	Vật liệu điện, điện tử(222)_05	50	50	LT	Đặng Quang Khoa	20/02-04/06/23	15			10,11	A2.210									DHTDHCK17A3	DHCQ 17
218	3DN102 CD	2	Vật liệu điện, điện tử(222)_06	50	50	LT	Đặng Quang Khoa	20/02-04/06/23	15	10,11	A2.412											DHTDHCK17A4	DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
1	3DL209 DC	2	Bảo trì mô tô - xe máy(222)_01_TH	8	24	TH	Đào TấtThắm	03/04-23/04/23	3	1,2,3,4	X.DON G CO- 1A												CDCQ 48
							Đào TấtThắm					1,2,3,4	X.DON G CO- 1A										CDCQ 48
							Đào TấtThắm							1,2,3,4	X.DON G CO- 1A								CDCQ 48
							Đào TấtThắm									1,2,3,4	X.DON G CO- 1A						CDCQ 48
							Đào TấtThắm										1,2,3,4	X.DON G CO- 1A					CDCQ 48
2	3DL209 DC	2	Bảo trì mô tô - xe máy(222)_03_TH	8	24	TH	Đào TấtThắm	15/05-04/06/23	3	1,2,3,4	X.DON G CO- 1A												CDCQ 48
							Đào TấtThắm					1,2,3,4	X.DON G CO- 1A										CDCQ 48
							Đào TấtThắm							1,2,3,4	X.DON G CO- 1A								CDCQ 48
							Đào TấtThắm									1,2,3,4	X.DON G CO- 1A						CDCQ 48
							Đào TấtThắm										1,2,3,4	X.DON G CO- 1A					CDCQ 48
3	3DL209 DC	2	Bảo trì mô tô - xe máy(222)_04_TH	8	20	TH	Đào TấtThắm	20/02-12/03/23	3	8,9,10, 11	X.DON G CO- 1A												CDCQ 48
							Đào TấtThắm					8,9,10, 11	X.DON G CO- 1A										CDCQ 48
							Đào TấtThắm							8,9,10, 11	X.DON G CO- 1A								CDCQ 48
							Đào TấtThắm									8,9,10, 11	X.DON G CO- 1A						CDCQ 48
							Đào TấtThắm										8,9,10, 11	X.DON G CO- 1A					CDCQ 48
4	3DL209 DC	2	Bảo trì mô tô - xe máy(222)_05_TH	8	22	TH	Nguyễn Hữu Phúc	24/04-14/05/23	3	8,9,10, 11	X.DON G CO- 1A												CDCQ 48
							Nguyễn Hữu Phúc					8,9,10, 11	X.DON G CO- 1A										CDCQ 48
							Nguyễn Hữu Phúc							8,9,10, 11	X.DON G CO- 1A								CDCQ 48
							Nguyễn Hữu Phúc									8,9,10, 11	X.DON G CO- 1A						CDCQ 48
							Nguyễn Hữu Phúc										8,9,10, 11	X.DON G CO- 1A					CDCQ 48
5	3DL209 DC	2	Bảo trì mô tô - xe máy(222)_08_TH	8	21	TH	Đào TấtThắm	15/05-04/06/23	3	8,9,10, 11	X.DON G CO- 1C												CDCQ 48
							Đào TấtThắm					8,9,10, 11	X.DON G CO- 1C										CDCQ 48
							Đào TấtThắm							8,9,10, 11	X.DON G CO- 1C								CDCQ 48

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Đào TấtThắm									8,9,10, 11	A.DON G CO-1C						CDCQ 48
							Đào TấtThắm											8,9,10, 11	A.DON G CO-1C				CDCQ 48
6	3DL256 DC	10	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(222)_01_TH_1AB	5	5	TH		30/01-09/04/23	10	8,9,10, 11	Thực tập TN/KC												CDCQ 47
										1,2,3,4	Thực tập TN/KC												CDCQ 47
												8,9,10, 11	Thực tập TN/KC										CDCQ 47
												1,2,3,4	Thực tập TN/KC										CDCQ 47
														1,2,3,4	Thực tập TN/KC								CDCQ 47
														8,9,10, 11	Thực tập TN/KC								CDCQ 47
																1,2,3,4	Thực tập TN/KC						CDCQ 47
																8,9,10, 11	Thực tập TN/KC						CDCQ 47
																		8,9,10, 11	Thực tập TN/KC				CDCQ 47
																		1,2,3,4	Thực tập TN/KC				CDCQ 47
																							CDCQ 47
																							CDCQ 47
7	3DL256 DC	10	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(222)_02_TH_1F5	40	39	TH		30/01-09/04/23	10	8,9,10, 11	Thực tập TN/On												CDCQ 47
										1,2,3,4	Thực tập TN/On												CDCQ 47
												1,2,3,4	Thực tập TN/On										CDCQ 47
												8,9,10, 11	Thực tập TN/On										CDCQ 47
														8,9,10, 11	Thực tập TN/On								CDCQ 47
														1,2,3,4	Thực tập TN/On								CDCQ 47
																8,9,10, 11	Thực tập TN/On						CDCQ 47
																1,2,3,4	Thực tập TN/On						CDCQ 47
																		8,9,10, 11	Thực tập TN/On				CDCQ 47
																		1,2,3,4	Thực tập TN/On				CDCQ 47
																							CDCQ 47
										8,9,10, 11	Thực tập TN/On												CDCQ 47
																							CDCQ 47

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
8	3DL256 DC	10	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(222)_03_TH	34	34	TH		30/01-09/04/23	10	1,2,3,4	Thực tập TN/Q											CDOTOCK47A 2	CDCQ 47
												8,9,10, 11	Thực tập TN/Q										CDCQ 47
												1,2,3,4	Thực tập TN/Q										CDCQ 47
														1,2,3,4	Thực tập TN/Q								CDCQ 47
														8,9,10, 11	Thực tập TN/Q								CDCQ 47
																							CDCQ 47
																							CDCQ 47
																1,2,3,4	Thực tập TN/Q						CDCQ 47
																8,9,10, 11	Thực tập TN/Q						CDCQ 47
																		8,9,10, 11	Thực tập TN/Q				CDCQ 47
9	3DL257 CD	14	Thực tập tốt nghiệp(222)_01_TH_10B	5	5	TH		10/04-16/07/23	14	8,9,10, 11	Thực tập TN/KC											CDKCKCK47A 1	CDCQ 47
										1,2,3,4	Thực tập TN/KC												CDCQ 47
												8,9,10, 11	Thực tập TN/KC										CDCQ 47
												1,2,3,4	Thực tập TN/KC										CDCQ 47
														1,2,3,4	Thực tập TN/KC								CDCQ 47
														8,9,10, 11	Thực tập TN/KC								CDCQ 47
																							CDCQ 47
																1,2,3,4	Thực tập TN/KC						CDCQ 47
																8,9,10, 11	Thực tập TN/KC						CDCQ 47
																		8,9,10, 11	Thực tập TN/KC				CDCQ 47
										1,2,3,4	Thực tập TN/Q												CDCQ 47
										8,9,10, 11	Thực tập TN/Q												CDCQ 47
												8,9,10, 11	Thực tập TN/Q										CDCQ 47
												1,2,3,4	Thực tập TN/Q										CDCQ 47

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
10	3DL257 CD	14	Thực tập tốt nghiệp(222)_02_TH_195	40	38	TH		10/04-16/07/23	14					8,9,10, 11	Thực tập TN/QT							CDOTOCK47A 1	CDCQ 47
														1,2,3,4	Thực tập TN/QT								CDCQ 47
																8,9,10, 11	Thực tập TN/QT						CDCQ 47
																1,2,3,4	Thực tập TN/QT						CDCQ 47
																		8,9,10, 11	Thực tập TN/QT				CDCQ 47
																		1,2,3,4	Thực tập TN/QT				CDCQ 47
11	3DL257 CD	14	Thực tập tốt nghiệp(222)_03_TH	34	34	TH		10/04-16/07/23	14	8,9,10, 11	Thực tập TN/QT											CDOTOCK47A 2	CDCQ 47
										1,2,3,4	Thực tập TN/QT												CDCQ 47
												8,9,10, 11	Thực tập TN/QT										CDCQ 47
												1,2,3,4	Thực tập TN/QT										CDCQ 47
														1,2,3,4	Thực tập TN/QT								CDCQ 47
														8,9,10, 11	Thực tập TN/QT								CDCQ 47
																1,2,3,4	Thực tập TN/QT						CDCQ 47
																		8,9,10, 11	Thực tập TN/QT				CDCQ 47
																		1,2,3,4	Thực tập TN/QT				CDCQ 47
																							CDCQ 47
1	3DL214 DH	2	Bảo trì thân vỏ xe ô tô(222)_1	22	23	LT		26/12-15/01/23	3	13,14,1 5,16	VH.DC DIEZE												DHLT CQ14
												13,14,1 5,16	VH.DC DIEZE										DHLT CQ14
														13,14,1 5,16	VH.DC DIEZE								DHLT CQ14
																13,14,1 5,16	VH.DC DIEZE						DHLT CQ14
																		13,14,1 5,16	VH.DC DIEZE				DHLT CQ14
																							DHLT CQ14
										1,2,3,4	Thực tập TN/QT												DHLT CQ14
										8,9,10, 11	Thực tập TN/QT												DHLT CQ14

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
2	4DL259 DH	10	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(222)_01_TH_16F	6	1	TH		13/02-23/04/23	10			1,2,3,4	Thực tập TN/QT									DHOTOLK14Z	DHLT CQ14
												8,9,10, 11	Thực tập TN/QT										DHLT CQ14
														1,2,3,4	Thực tập TN/QT								DHLT CQ14
														8,9,10, 11	Thực tập TN/QT								DHLT CQ14
																8,9,10, 11	Thực tập TN/QT						DHLT CQ14
																1,2,3,4	Thực tập TN/QT						DHLT CQ14
																		1,2,3,4	Thực tập TN/QT				DHLT CQ14
																		8,9,10, 11	Thực tập TN/QT				DHLT CQ14
																							DHLT CQ14
																							DHLT CQ14
3	4DL260 DH	10	Thực tập tốt nghiệp(222)_01_TH_182	6	1	TH		24/04-02/07/23	10	8,9,10, 11	Thực tập TN/QT											DHOTOLK14Z	DHLT CQ14
										1,2,3,4	Thực tập TN/QT												DHLT CQ14
												8,9,10, 11	Thực tập TN/QT										DHLT CQ14
												1,2,3,4	Thực tập TN/QT										DHLT CQ14
														8,9,10, 11	Thực tập TN/QT								DHLT CQ14
														1,2,3,4	Thực tập TN/QT								DHLT CQ14
																1,2,3,4	Thực tập TN/QT						DHLT CQ14
																8,9,10, 11	Thực tập TN/QT						DHLT CQ14
																		8,9,10, 11	Thực tập TN/QT				DHLT CQ14
																		1,2,3,4	Thực tập TN/QT				DHLT CQ14
																							DHLT CQ14
																							DHLT CQ14
4	4DL233 DH	10	Tiểu luận tốt nghiệp(222)_1	13	14	LT		02/01-09/04/23	14											6			DHLT CQ14
5	4DL205 DH	10	Tiểu luận tốt nghiệp(222)_2	1	1	LT		06/03-23/04/23	7											6			DHLT CQ14
							Nguyễn Văn Thiêm			8,9,10, 11	X.SC.T L-KN A												DHCQ 16
							Nguyễn Văn Thiêm					8,9,10, 11	X.SC.T L-KN A										DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
1	3DL208 DC	2	Bảo dưỡng hệ thống thủy lực – khí nén(222)_01_TH	16	19	TH	Nguyễn Văn Thiêm	26/12-15/01/23	3					8,9,10,11	X.SC.T L-KN A							DHCCKCK16A1	DHCQ16
							Nguyễn Văn Thiêm									8,9,10,11	X.SC.T L-KN A						DHCQ16
							Nguyễn Văn Thiêm											8,9,10,11	X.SC.T L-KN A				DHCQ16
2	3DL208 DC	2	Bảo dưỡng hệ thống thủy lực – khí nén(222)_02_TH	16	12	TH	Nguyễn Văn Thiêm	30/01-19/02/23	3	8,9,10,11	X.SC.T L-KN A											DHCCKCK16A1	DHCQ16
							Nguyễn Văn Thiêm					8,9,10,11	X.SC.T L-KN A										DHCQ16
							Nguyễn Văn Thiêm							8,9,10,11	X.SC.T L-KN A								DHCQ16
							Nguyễn Văn Thiêm									8,9,10,11	X.SC.T L-KN A						DHCQ16
							Nguyễn Văn Thiêm											8,9,10,11	X.SC.T L-KN A				DHCQ16
3	3DL212 DH	2	Bảo trì bộ điều khiển điện tử trên ô tô(222)_19_TH	20	20	TH	Lê Xuân Đồng	03/04-23/04/23	3	1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1A												DHCQ15
							Lê Xuân Đồng					1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1A										DHCQ15
							Lê Xuân Đồng							1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1A								DHCQ15
							Lê Xuân Đồng									1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1A						DHCQ15
							Lê Xuân Đồng											1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1A				DHCQ15
							Trần Viết Phương			1,2,3,4	X.DIE N OTO-1C												DHCQ15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
4	3DL212 DH	2	Bảo trì bộ điều khiển điện tử trên ô tô(222)_20_TH	20	20	TH	Trần Viết Phương	10/04-30/04/23	3			1,2,3,4	X.DIE N OTO-1C										DHCQ 15
							Trần Viết Phương							1,2,3,4	X.DIE N OTO-1C								DHCQ 15
							Trần Viết Phương									1,2,3,4	X.DIE N OTO-1C						DHCQ 15
							Trần Viết Phương											1,2,3,4	X.DIE N OTO-1C				DHCQ 15
5	3DL212 DH	2	Bảo trì bộ điều khiển điện tử trên ô tô(222)_21_TH	20	20	TH	Hoàng Văn Thụ	10/04-30/04/23	3	1,2,3,4	X.DIE N OTO-1B												DHCQ 15
							Hoàng Văn Thụ					1,2,3,4	X.DIE N OTO-1B										DHCQ 15
							Hoàng Văn Thụ							1,2,3,4	X.DIE N OTO-1B								DHCQ 15
							Hoàng Văn Thụ									1,2,3,4	X.DIE N OTO-1B						DHCQ 15
							Hoàng Văn Thụ											1,2,3,4	X.DIE N OTO-1B				DHCQ 15
6	3DL212 DH	2	Bảo trì bộ điều khiển điện tử trên ô tô(222)_23_TH	20	20	TH	Nguyễn Hữu Phúc	24/04-14/05/23	3	1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1A												DHCQ 15
							Nguyễn Hữu Phúc					1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1A										DHCQ 15
							Nguyễn Hữu Phúc							1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1A								DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Nguyễn Hữu Phúc									1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1A						DHCQ 15
							Nguyễn Hữu Phúc											1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1A				DHCQ 15
7	3DL212 DH	2	Bảo trì bộ điều khiển điện tử trên ô tô(222)_24_TH	20	19	TH	Lê Xuân Đồng	24/04-14/05/23	3	1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1C												DHCQ 15
							Lê Xuân Đồng					1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1C										DHCQ 15
							Lê Xuân Đồng							1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1C								DHCQ 15
							Lê Xuân Đồng									1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1C						DHCQ 15
							Lê Xuân Đồng											1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1C				DHCQ 15
8	3DL212 DH	2	Bảo trì bộ điều khiển điện tử trên ô tô(222)_25_TH	20	18	TH	Lê Xuân Đồng	15/05-04/06/23	3	1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1C												DHCQ 15
							Lê Xuân Đồng					1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1C										DHCQ 15
							Lê Xuân Đồng							1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1C								DHCQ 15
							Lê Xuân Đồng									1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1C						DHCQ 15
							Lê Xuân Đồng											1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1C				DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
9	3DL212 DH	2	Bảo trì bộ điều khiển điện tử trên ô tô(222)_26_TH	20	16	TH	Nguyễn Hữu Phúc	15/05-04/06/23	3	1,2,3,4	X.DIE N OTO- 1C												DHCQ 15
							Nguyễn Hữu Phúc					1,2,3,4	X.DIE N OTO- 1C										DHCQ 15
							Nguyễn Hữu Phúc							1,2,3,4	X.DIE N OTO- 1C								DHCQ 15
							Nguyễn Hữu Phúc									1,2,3,4	X.DIE N OTO- 1C						DHCQ 15
							Nguyễn Hữu Phúc											1,2,3,4	X.DIE N OTO- 1C				DHCQ 15
10	3DL212 DH	2	Bảo trì bộ điều khiển điện tử trên ô tô(222)_27_TH	20	20	TH	Trần Viết Phương	01/05-21/05/23	3	1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1B												DHCQ 15
							Trần Viết Phương					1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1B										DHCQ 15
							Trần Viết Phương							1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1B								DHCQ 15
							Trần Viết Phương									1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1B						DHCQ 15
							Trần Viết Phương											1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1B				DHCQ 15
							Lê Xuân Đồng			8,9,10, 11	X.DIE N OTO- 1C												DHCQ 15
							Lê Xuân Đồng					8,9,10, 11	X.DIE N OTO- 1C										DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
11	3DL212 DH	2	Bảo trì bộ điều khiển điện tử trên ô tô(222)_28_TH	20	20	TH	Lê Xuân Đồng	27/03-16/04/23	3					8,9,10, 11	X.DIE N OTO-1C								DHCQ 15
							Lê Xuân Đồng									8,9,10, 11	X.DIE N OTO-1C						DHCQ 15
							Lê Xuân Đồng											8,9,10, 11	X.DIE N OTO-1C				DHCQ 15
12	3DL212 DH	2	Bảo trì bộ điều khiển điện tử trên ô tô(222)_29_TH	20	20	TH	Trần Viết Phương	24/04-14/05/23	3	8,9,10, 11	VH.ĐC DIEZE N-1C												DHCQ 15
							Trần Viết Phương					8,9,10, 11	VH.ĐC DIEZE N-1C										DHCQ 15
							Trần Viết Phương							8,9,10, 11	VH.ĐC DIEZE N-1C								DHCQ 15
							Trần Viết Phương									8,9,10, 11	VH.ĐC DIEZE N-1C						DHCQ 15
							Trần Viết Phương											8,9,10, 11	VH.ĐC DIEZE N-1C				DHCQ 15
13	3DL212 DH	2	Bảo trì bộ điều khiển điện tử trên ô tô(222)_30_TH	20	20	TH	Dương Đình Vinh	24/04-14/05/23	3	8,9,10, 11	X.DIE N OTO-1C												DHCQ 15
							Dương Đình Vinh					8,9,10, 11	X.DIE N OTO-1C										DHCQ 15
							Dương Đình Vinh							8,9,10, 11	X.DIE N OTO-1C								DHCQ 15
							Dương Đình Vinh									8,9,10, 11	X.DIE N OTO-1C						DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Dương Đình Vinh											8,9,10, 11	X.DIE N OTO-1C				DHCQ 15
14	3DL212 DH	2	Bảo trì bộ điều khiển điện tử trên ô tô(222)_31_TH	20	20	TH	Lê Xuân Đồng	17/04-07/05/23	3	8,9,10, 11	X.DIE N OTO-1B												DHCQ 15
							Lê Xuân Đồng					8,9,10, 11	X.DIE N OTO-1B										DHCQ 15
							Lê Xuân Đồng							8,9,10, 11	X.DIE N OTO-1B								DHCQ 15
							Lê Xuân Đồng									8,9,10, 11	X.DIE N OTO-1B						DHCQ 15
							Lê Xuân Đồng											8,9,10, 11	X.DIE N OTO-1B				DHCQ 15
15	3DL212 DH	2	Bảo trì bộ điều khiển điện tử trên ô tô(222)_32_TH	20	20	TH	Lê Xuân Đồng	08/05-28/05/23	3	8,9,10, 11	X.DIE N OTO-1B												DHCQ 15
							Lê Xuân Đồng					8,9,10, 11	X.DIE N OTO-1B										DHCQ 15
							Lê Xuân Đồng							8,9,10, 11	X.DIE N OTO-1B								DHCQ 15
							Lê Xuân Đồng									8,9,10, 11	X.DIE N OTO-1B						DHCQ 15
							Lê Xuân Đồng											8,9,10, 11	X.DIE N OTO-1B				DHCQ 15
							Trần Viết Phương			8,9,10, 11	X.DIE N OTO-1C												DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
16	3DL212 DH	2	Bảo trì bộ điều khiển điện tử trên ô tô(222)_33_TH	20	20	TH	Trần Viết Phương	15/05-04/06/23	3			8,9,10, 11	X.DIE N OTO-1C										DHCQ 15
							Trần Viết Phương							8,9,10, 11	X.DIE N OTO-1C								DHCQ 15
							Trần Viết Phương									8,9,10, 11	X.DIE N OTO-1C						DHCQ 15
							Trần Viết Phương											8,9,10, 11	X.DIE N OTO-1C				DHCQ 15
17	3DL212 DH	2	Bảo trì bộ điều khiển điện tử trên ô tô(222)_34_TH	20	14	TH	Dương Đình Vinh	15/05-04/06/23	3	8,9,10, 11	VH.ĐC XANG-1A												DHCQ 15
							Dương Đình Vinh					8,9,10, 11	VH.ĐC XANG-1A										DHCQ 15
							Dương Đình Vinh							8,9,10, 11	VH.ĐC XANG-1A								DHCQ 15
							Dương Đình Vinh									8,9,10, 11	VH.ĐC XANG-1A						DHCQ 15
							Dương Đình Vinh											8,9,10, 11	VH.ĐC XANG-1A				DHCQ 15
18	3DL212 DH	2	Bảo trì bộ điều khiển điện tử trên ô tô(222)_35_TH	20	21	TH	Trần Viết Phương	13/03-02/04/23	3	8,9,10, 11	X.DIE N OTO-1B												DHCQ 15
							Trần Viết Phương					8,9,10, 11	X.DIE N OTO-1B										DHCQ 15
							Trần Viết Phương							8,9,10, 11	X.DIE N OTO-1B								DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Trần Viết Phương									8,9,10, 11	X.DIE N OTO-1B						DHCQ 15
							Trần Viết Phương											8,9,10, 11	X.DIE N OTO-1B				DHCQ 15
19	3DL212 DH	2	Bảo trì bộ điều khiển điện tử trên ô tô(222)_36_TH	20	20	TH	Lê Xuân Đồng	06/03-26/03/23	3	8,9,10, 11	VH.ĐC DIEZE N-1C												DHCQ 15
							Lê Xuân Đồng					8,9,10, 11	VH.ĐC DIEZE N-1C										DHCQ 15
							Lê Xuân Đồng							8,9,10, 11	VH.ĐC DIEZE N-1C								DHCQ 15
							Lê Xuân Đồng									8,9,10, 11	VH.ĐC DIEZE N-1C						DHCQ 15
							Lê Xuân Đồng											8,9,10, 11	VH.ĐC DIEZE N-1C				DHCQ 15
20	3DL212 DH	2	Bảo trì bộ điều khiển điện tử trên ô tô(222)_37_TH	20	20	TH	Trần Viết Phương	20/02-12/03/23	3	8,9,10, 11	X.DIE N OTO-1C												DHCQ 15
							Trần Viết Phương					8,9,10, 11	X.DIE N OTO-1C										DHCQ 15
							Trần Viết Phương							8,9,10, 11	X.DIE N OTO-1C								DHCQ 15
							Trần Viết Phương									8,9,10, 11	X.DIE N OTO-1C						DHCQ 15
							Trần Viết Phương											8,9,10, 11	X.DIE N OTO-1C				DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
21	3DL212 DH	2	Bảo trì bộ điều khiển điện tử trên ô tô(222)_38_TH	20	20	TH	Trần Viết Phương	03/04-23/04/23	3	8,9,10, 11	VH.ĐC XANG-1A												DHCQ 15
							Trần Viết Phương					8,9,10, 11	VH.ĐC XANG-1A										DHCQ 15
							Trần Viết Phương							8,9,10, 11	VH.ĐC XANG-1A								DHCQ 15
							Trần Viết Phương									8,9,10, 11	VH.ĐC XANG-1A						DHCQ 15
							Trần Viết Phương											8,9,10, 11	VH.ĐC XANG-1A				DHCQ 15
22	3DL204 DC	4	Bảo trì hệ thống gầm ô tô(222)_01_TH_137	18	20	TH	Dương Đình Vinh	02/01-15/01/23	2	1,2,3,4	X.GA M OTO-1A												DHCQ 16
							Dương Đình Vinh					1,2,3,4	X.GA M OTO-1A										DHCQ 16
							Dương Đình Vinh							1,2,3,4	X.GA M OTO-1A								DHCQ 16
							Dương Đình Vinh									1,2,3,4	X.GA M OTO-1A						DHCQ 16
							Dương Đình Vinh											1,2,3,4	X.GA M OTO-1A				DHCQ 16
							Dương Đình Vinh			1,2,3,4	X.GA M OTO-1A												DHCQ 16
							Dương Đình Vinh					1,2,3,4	X.GA M OTO-1A										DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Dương Đình Vinh	30/01-26/02/23	4					1,2,3,4	X.GA M OTO- 1A								DHCQ 16
							Dương Đình Vinh									1,2,3,4	X.GA M OTO- 1A						DHCQ 16
							Dương Đình Vinh											1,2,3,4	X.GA M OTO- 1A				DHCQ 16
							Phạm Văn Thành	09/01-15/01/23	1	1,2,3,4	VH.ĐC XANG- 1C												DHCQ 16
							Phạm Văn Thành					1,2,3,4	VH.ĐC XANG- 1C										DHCQ 16
							Phạm Văn Thành							1,2,3,4	VH.ĐC XANG- 1C								DHCQ 16
							Phạm Văn Thành									1,2,3,4	VH.ĐC XANG- 1C						DHCQ 16
							Phạm Văn Thành											1,2,3,4	VH.ĐC XANG- 1C				DHCQ 16
23	3DL204 DC	4	Bảo trì hệ thống gầm ô tô(222)_02_TH_157	18	20	TH	Phạm Văn Thành	30/01-05/03/23	5	1,2,3,4	VH.ĐC XANG- 1C												DHCQ 16
							Phạm Văn Thành					1,2,3,4	VH.ĐC XANG- 1C										DHCQ 16
							Phạm Văn Thành							1,2,3,4	VH.ĐC XANG- 1C								DHCQ 16
							Phạm Văn Thành									1,2,3,4	VH.ĐC XANG- 1C						DHCQ 16
							Phạm Văn Thành											1,2,3,4	VH.ĐC XANG- 1C				DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Phạm Văn Thành											1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1C				DHCQ 16
24	3DL204 DC	4	Bảo trì hệ thống gầm ô tô(222)_03_TH_19F	18	20	TH	Nguyễn Hữu Phúc	26/12-15/01/23	3	1,2,3,4	X.DON G CO-1C												DHCQ 16
							Nguyễn Hữu Phúc					1,2,3,4	X.DON G CO-1C										DHCQ 16
							Nguyễn Hữu Phúc							1,2,3,4	X.DON G CO-1C								DHCQ 16
							Nguyễn Hữu Phúc									1,2,3,4	X.DON G CO-1C						DHCQ 16
							Nguyễn Hữu Phúc											1,2,3,4	X.DON G CO-1C				DHCQ 16
							Nguyễn Hữu Phúc	30/01-19/02/23	3	1,2,3,4	X.DON G CO-1C												DHCQ 16
							Nguyễn Hữu Phúc					1,2,3,4	X.DON G CO-1C										DHCQ 16
							Nguyễn Hữu Phúc							1,2,3,4	X.DON G CO-1C								DHCQ 16
							Nguyễn Hữu Phúc									1,2,3,4	X.DON G CO-1C						DHCQ 16
							Nguyễn Hữu Phúc											1,2,3,4	X.DON G CO-1C				DHCQ 16
							Lê Văn Lương			1,2,3,4	X.GA M OTO-1A												DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
25	3DL204 DC	4	Bảo trì hệ thống gầm ô tô(222)_04_TH_19A	18	21	TH	Lê Văn Lương	13/03-23/04/23	6			1,2,3,4	X.GA M OTO-1A										DHCQ 16
							Lê Văn Lương							1,2,3,4	X.GA M OTO-1A								DHCQ 16
							Lê Văn Lương									1,2,3,4	X.GA M OTO-1A						DHCQ 16
							Lê Văn Lương											1,2,3,4	X.GA M OTO-1A				DHCQ 16
26	3DL204 DC	4	Bảo trì hệ thống gầm ô tô(222)_05_TH_1D5	18	21	TH	Dương Đình Vinh	27/02-09/04/23	6	1,2,3,4	X.GA M OTO-1C												DHCQ 16
							Dương Đình Vinh					1,2,3,4	X.GA M OTO-1C										DHCQ 16
							Dương Đình Vinh							1,2,3,4	X.GA M OTO-1C								DHCQ 16
							Dương Đình Vinh									1,2,3,4	X.GA M OTO-1C						DHCQ 16
							Dương Đình Vinh											1,2,3,4	X.GA M OTO-1C				DHCQ 16
27	3DL204 DC	4	Bảo trì hệ thống gầm ô tô(222)_06_TH_189	18	21	TH	Phạm Văn Thành	06/03-16/04/23	6	1,2,3,4	X.GA M OTO-1B												DHCQ 16
							Phạm Văn Thành					1,2,3,4	X.GA M OTO-1B										DHCQ 16
							Phạm Văn Thành							1,2,3,4	X.GA M OTO-1B								DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Phạm Văn Thành									1,2,3,4	X.GA M OTO- 1B						DHCQ 16
							Phạm Văn Thành											1,2,3,4	X.GA M OTO- 1B				DHCQ 16
28	3DL204 DC	4	Bảo trì hệ thống gầm ô tô(222)_07_TH_1B0	18	19	TH	Dương Đình Vinh	09/01-15/01/23	1	8,9,10, 11	X.GA M OTO- 1C												DHCQ 16
							Dương Đình Vinh					8,9,10, 11	X.GA M OTO- 1C										DHCQ 16
							Dương Đình Vinh							8,9,10, 11	X.GA M OTO- 1C								DHCQ 16
							Dương Đình Vinh									8,9,10, 11	X.GA M OTO- 1C						DHCQ 16
							Dương Đình Vinh											8,9,10, 11	X.GA M OTO- 1C				DHCQ 16
							Dương Đình Vinh	30/01-05/03/23	5	8,9,10, 11	X.GA M OTO- 1C												DHCQ 16
							Dương Đình Vinh					8,9,10, 11	X.GA M OTO- 1C										DHCQ 16
							Dương Đình Vinh							8,9,10, 11	X.GA M OTO- 1C								DHCQ 16
							Dương Đình Vinh									8,9,10, 11	X.GA M OTO- 1C						DHCQ 16
							Dương Đình Vinh											8,9,10, 11	X.GA M OTO- 1C				DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
29	3DL204 DC	4	Bảo trì hệ thống gầm ô tô(222)_08_TH_163	18	20	TH	Phạm Văn Thành	09/01-15/01/23	1	8,9,10, 11	X.DON G CO-1C												DHCQ 16
							Phạm Văn Thành					8,9,10, 11	X.DON G CO-1C										DHCQ 16
							Phạm Văn Thành							8,9,10, 11	X.DON G CO-1C								DHCQ 16
							Phạm Văn Thành									8,9,10, 11	X.DON G CO-1C						DHCQ 16
							Phạm Văn Thành											8,9,10, 11	X.DON G CO-1C				DHCQ 16
							Phạm Văn Thành	30/01-05/03/23	5	8,9,10, 11	X.DON G CO-1C												DHCQ 16
							Phạm Văn Thành					8,9,10, 11	X.DON G CO-1C										DHCQ 16
							Phạm Văn Thành							8,9,10, 11	X.DON G CO-1C								DHCQ 16
							Phạm Văn Thành									8,9,10, 11	X.DON G CO-1C						DHCQ 16
							Phạm Văn Thành											8,9,10, 11	X.DON G CO-1C				DHCQ 16
							Nguyễn Hữu Phúc			8,9,10, 11	X.GA M OTO-1A												DHCQ 16
							Nguyễn Hữu Phúc					8,9,10, 11	X.GA M OTO-1A										DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
30	3DL204 DC	4	Bảo trì hệ thống gầm ô tô(222)_09_TH_146	18	20	TH	Nguyễn Hữu Phúc	26/12-15/01/23	3					8,9,10, 11	X.GA M OTO-1A								DHCQ 16
							Nguyễn Hữu Phúc									8,9,10, 11	X.GA M OTO-1A						DHCQ 16
							Nguyễn Hữu Phúc											8,9,10, 11	X.GA M OTO-1A				DHCQ 16
							Nguyễn Hữu Phúc	30/01-19/02/23	3	8,9,10, 11	X.GA M OTO-1A												DHCQ 16
							Nguyễn Hữu Phúc					8,9,10, 11	X.GA M OTO-1A										DHCQ 16
							Nguyễn Hữu Phúc							8,9,10, 11	X.GA M OTO-1A								DHCQ 16
							Nguyễn Hữu Phúc									8,9,10, 11	X.GA M OTO-1A						DHCQ 16
							Nguyễn Hữu Phúc											8,9,10, 11	X.GA M OTO-1A				DHCQ 16
31	3DL204 DC	4	Bảo trì hệ thống gầm ô tô(222)_10_TH_10E	18	20	TH	Phạm Văn Thành	06/03-16/04/23	6	8,9,10, 11	X.GA M OTO-1A												DHCQ 16
							Phạm Văn Thành					8,9,10, 11	X.GA M OTO-1A										DHCQ 16
							Phạm Văn Thành							8,9,10, 11	X.GA M OTO-1A								DHCQ 16
							Phạm Văn Thành									8,9,10, 11	X.GA M OTO-1A						DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Phạm Văn Thành											8,9,10, 11	X.GA M OTO-1A				DHCQ 16
32	3DL204 DC	4	Bảo trì hệ thống gầm ô tô(222)_11_TH	18	20	TH	Dương Đình Vinh	06/03-16/04/23	6	8,9,10, 11	X.GA M OTO-1B												DHCQ 16
							Dương Đình Vinh					8,9,10, 11	X.GA M OTO-1B										DHCQ 16
							Dương Đình Vinh							8,9,10, 11	X.GA M OTO-1B								DHCQ 16
							Dương Đình Vinh									8,9,10, 11	X.GA M OTO-1B						DHCQ 16
							Dương Đình Vinh											8,9,10, 11	X.GA M OTO-1B				DHCQ 16
33	3DL204 DC	4	Bảo trì hệ thống gầm ô tô(222)_12_TH	18	19	TH	Nguyễn Hữu Phúc	13/03-23/04/23	6	8,9,10, 11	X.GA M OTO-1C												DHCQ 16
							Nguyễn Hữu Phúc					8,9,10, 11	X.GA M OTO-1C										DHCQ 16
							Nguyễn Hữu Phúc							8,9,10, 11	X.GA M OTO-1C								DHCQ 16
							Nguyễn Hữu Phúc									8,9,10, 11	X.GA M OTO-1C						DHCQ 16
							Nguyễn Hữu Phúc											8,9,10, 11	X.GA M OTO-1C				DHCQ 16
							Trần Viết Phương			1,2,3,4	X.DON G CO-1A												DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
34	3DL205 DC	4	Bảo trì hệ thống trang bị điện ô tô(222)_01_TH	18	18	TH	Trần Viết Phương	02/01-15/01/23	2			1,2,3,4	X.DON G CO-1A										DHCQ 16
							Trần Viết Phương							1,2,3,4	X.DON G CO-1A								DHCQ 16
							Trần Viết Phương									1,2,3,4	X.DON G CO-1A						DHCQ 16
							Trần Viết Phương											1,2,3,4	X.DON G CO-1A				DHCQ 16
							Trần Viết Phương	30/01-26/02/23	4	1,2,3,4	X.DON G CO-1A												DHCQ 16
							Trần Viết Phương					1,2,3,4	X.DON G CO-1A										DHCQ 16
							Trần Viết Phương							1,2,3,4	X.DON G CO-1A								DHCQ 16
							Trần Viết Phương									1,2,3,4	X.DON G CO-1A						DHCQ 16
							Lê Xuân Đồng	26/12-15/01/23	3	1,2,3,4	X.GA M OTO-1B												DHCQ 16
							Lê Xuân Đồng					1,2,3,4	X.GA M OTO-1B										DHCQ 16
							Lê Xuân Đồng							1,2,3,4	X.GA M OTO-1B								DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
35	3DL205 DC	4	Bảo trì hệ thống trang bị điện ô tô(222)_02_TH	18	18	TH	Lê Xuân Đồng									1,2,3,4	X.GA M OTO-1B						DHCQ 16
							Lê Xuân Đồng											1,2,3,4	X.GA M OTO-1B				DHCQ 16
							Lê Xuân Đồng	30/01-19/02/23	3	1,2,3,4	X.GA M OTO-1B												DHCQ 16
							Lê Xuân Đồng					1,2,3,4	X.GA M OTO-1B										DHCQ 16
							Lê Xuân Đồng							1,2,3,4	X.GA M OTO-1B								DHCQ 16
							Lê Xuân Đồng									1,2,3,4	X.GA M OTO-1B						DHCQ 16
							Lê Xuân Đồng									1,2,3,4	X.GA M OTO-1B						DHCQ 16
36	3DL205 DC	4	Bảo trì hệ thống trang bị điện ô tô(222)_03_TH	18	18	TH	Trần Viết Phương	27/02-09/04/23	6	1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1C												DHCQ 16
							Trần Viết Phương					1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1C										DHCQ 16
							Trần Viết Phương							1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1C								DHCQ 16
							Trần Viết Phương									1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1C						DHCQ 16
							Trần Viết Phương											1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1C				DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
37	3DL205 DC	4	Bảo trì hệ thống trang bị điện ô tô(222)_04_TH	18	15	TH	Hoàng Văn Thụ	20/02-02/04/23	6	1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1B												DHCQ 16
							Hoàng Văn Thụ					1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1B										DHCQ 16
							Hoàng Văn Thụ							1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1B								DHCQ 16
							Hoàng Văn Thụ									1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1B						DHCQ 16
							Hoàng Văn Thụ											1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1B				DHCQ 16
38	3DL205 DC	4	Bảo trì hệ thống trang bị điện ô tô(222)_05_TH	18	18	TH	Lê Xuân Đồng	20/02-02/04/23	6	1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1A												DHCQ 16
							Lê Xuân Đồng					1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1A										DHCQ 16
							Lê Xuân Đồng							1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1A								DHCQ 16
							Lê Xuân Đồng									1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1A						DHCQ 16
							Lê Xuân Đồng											1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1A				DHCQ 16
							Nguyễn Hữu Phúc			1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A												DHCQ 16
							Nguyễn Hữu Phúc					1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A										DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
39	3DL205 DC	4	Bảo trì hệ thống trang bị điện ô tô(222)_06_TH	18	18	TH	Nguyễn Hữu Phúc	13/03-23/04/23	6					1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A								DHCQ 16
							Nguyễn Hữu Phúc									1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A						DHCQ 16
							Nguyễn Hữu Phúc											1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A				DHCQ 16
40	3DL205 DC	4	Bảo trì hệ thống trang bị điện ô tô(222)_07_TH	18	19	TH	Lê Xuân Đồng	09/01-15/01/23	1	8,9,10, 11	VH.ĐC DIEZE N-1A												DHCQ 16
							Lê Xuân Đồng					8,9,10, 11	VH.ĐC DIEZE N-1A										DHCQ 16
							Lê Xuân Đồng							8,9,10, 11	VH.ĐC DIEZE N-1A								DHCQ 16
							Lê Xuân Đồng									8,9,10, 11	VH.ĐC DIEZE N-1A						DHCQ 16
							Lê Xuân Đồng											8,9,10, 11	VH.ĐC DIEZE N-1A				DHCQ 16
							Lê Xuân Đồng	30/01-05/03/23	5	8,9,10, 11	VH.ĐC DIEZE N-1A												DHCQ 16
							Lê Xuân Đồng					8,9,10, 11	VH.ĐC DIEZE N-1A										DHCQ 16
							Lê Xuân Đồng							8,9,10, 11	VH.ĐC DIEZE N-1A								DHCQ 16
							Lê Xuân Đồng									8,9,10, 11	VH.ĐC DIEZE N-1A						DHCQ 16
							Lê Xuân Đồng																DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Lê Xuân Đồng											8,9,10, 11	VH.ĐC DIEZE N-1A				DHCQ 16
41	3DL205 DC	4	Bảo trì hệ thống trang bị điện ô tô(222)_08_TH	18	18	TH	Trần Viết Phương	26/12-15/01/23	3	8,9,10, 11	VH.ĐC XANG-1B												DHCQ 16
							Trần Viết Phương					8,9,10, 11	VH.ĐC XANG-1B										DHCQ 16
							Trần Viết Phương							8,9,10, 11	VH.ĐC XANG-1B								DHCQ 16
							Trần Viết Phương									8,9,10, 11	VH.ĐC XANG-1B						DHCQ 16
							Trần Viết Phương											8,9,10, 11	VH.ĐC XANG-1B				DHCQ 16
							Trần Viết Phương	30/01-19/02/23	3	8,9,10, 11	VH.ĐC XANG-1B												DHCQ 16
							Trần Viết Phương					8,9,10, 11	VH.ĐC XANG-1B										DHCQ 16
							Trần Viết Phương							8,9,10, 11	VH.ĐC XANG-1B								DHCQ 16
							Trần Viết Phương									8,9,10, 11	VH.ĐC XANG-1B						DHCQ 16
							Trần Viết Phương											8,9,10, 11	VH.ĐC XANG-1B				DHCQ 16
							Hoàng Văn Thụ			8,9,10, 11	VH.ĐC DIEZE N-1B												DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
42	3DL205 DC	4	Bảo trì hệ thống trang bị điện ô tô(222)_09_TH	18	19	TH	Hoàng Văn Thụ	13/03-23/04/23	6			8,9,10,11	VH.ĐC DIEZE N-1B										DHCQ 16
							Hoàng Văn Thụ							8,9,10,11	VH.ĐC DIEZE N-1B								DHCQ 16
							Hoàng Văn Thụ									8,9,10,11	VH.ĐC DIEZE N-1B						DHCQ 16
							Hoàng Văn Thụ											8,9,10,11	VH.ĐC DIEZE N-1B				DHCQ 16
43	3DL202 CD	2	Bảo trì thiết bị xưởng và vận hành xe ô tô(222)_01_TH	20	18	TH	Lê Văn Lương	20/02-12/03/23	3	1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A												DHCQ 17
							Lê Văn Lương					1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A										DHCQ 17
							Lê Văn Lương							1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A								DHCQ 17
							Lê Văn Lương									1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A						DHCQ 17
							Lê Văn Lương											1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A				DHCQ 17
44	3DL202 CD	2	Bảo trì thiết bị xưởng và vận hành xe ô tô(222)_02_TH	20	21	TH	Lê Văn Lương	24/04-14/05/23	3	1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A												DHCQ 17
							Lê Văn Lương					1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A										DHCQ 17
							Lê Văn Lương							1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A								DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Lê Văn Lương									1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A						DHCQ 17
							Lê Văn Lương											1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A				DHCQ 17
45	3DL202 CD	2	Bảo trì thiết bị xường và vận hành xe ô tô(222)_03_TH	20	19	TH	Lê Văn Lương	15/05-04/06/23	3	1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A												DHCQ 17
							Lê Văn Lương					1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A										DHCQ 17
							Lê Văn Lương							1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A								DHCQ 17
							Lê Văn Lương									1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A						DHCQ 17
							Lê Văn Lương											1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A				DHCQ 17
46	3DL202 CD	2	Bảo trì thiết bị xường và vận hành xe ô tô(222)_04_TH	20	21	TH	Phạm Văn Thành	24/04-14/05/23	3	8,9,10, 11	VH.ĐC DIEZE N-1A												DHCQ 17
							Phạm Văn Thành					8,9,10, 11	VH.ĐC DIEZE N-1A										DHCQ 17
							Phạm Văn Thành							8,9,10, 11	VH.ĐC DIEZE N-1A								DHCQ 17
							Phạm Văn Thành									8,9,10, 11	VH.ĐC DIEZE N-1A						DHCQ 17
							Phạm Văn Thành											8,9,10, 11	VH.ĐC DIEZE N-1A				DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
47	3DL202 CD	2	Bảo trì thiết bị xường và vận hành xe ô tô(222)_05_TH	20	20	TH	Lê Văn Lương	03/04-23/04/23	3	8,9,10, 11	VH.ĐC DIEZE N-1A												DHCQ 17
							Lê Văn Lương					8,9,10, 11	VH.ĐC DIEZE N-1A										DHCQ 17
							Lê Văn Lương							8,9,10, 11	VH.ĐC DIEZE N-1A								DHCQ 17
							Lê Văn Lương									8,9,10, 11	VH.ĐC DIEZE N-1A						DHCQ 17
							Lê Văn Lương											8,9,10, 11	VH.ĐC DIEZE N-1A				DHCQ 17
48	3DL202 CD	2	Bảo trì thiết bị xường và vận hành xe ô tô(222)_06_TH	20	18	TH	Phạm Văn Thành	15/05-04/06/23	3	8,9,10, 11	VH.ĐC DIEZE N-1A												DHCQ 17
							Phạm Văn Thành					8,9,10, 11	VH.ĐC DIEZE N-1A										DHCQ 17
							Phạm Văn Thành							8,9,10, 11	VH.ĐC DIEZE N-1A								DHCQ 17
							Phạm Văn Thành									8,9,10, 11	VH.ĐC DIEZE N-1A						DHCQ 17
							Phạm Văn Thành											8,9,10, 11	VH.ĐC DIEZE N-1A				DHCQ 17
							Nguyễn Hồng Ngoan			1,2,3,4	X.CHAN DOAN A												DHCQ 15
							Nguyễn Hồng Ngoan					1,2,3,4	X.CHAN DOAN A										DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
49	3DL217 DC	4	Chẩn đoán thiết bị cơ khí(222)_01_TH	21	18	TH	Nguyễn Hồng Ngoan	30/01-12/03/23	6					1,2,3,4	X.CHAN DOAN A							DHKCKCK15A1	DHCQ15
							Nguyễn Hồng Ngoan									1,2,3,4	X.CHAN DOAN A						DHCQ15
							Nguyễn Hồng Ngoan											1,2,3,4	X.CHAN DOAN A				DHCQ15
50	3DL217 DC	4	Chẩn đoán thiết bị cơ khí(222)_02_TH	21	22	TH	Nguyễn Hồng Ngoan	13/03-23/04/23	6	1,2,3,4	X.CHAN DOAN A											DHKCKCK15A1	DHCQ15
							Nguyễn Hồng Ngoan					1,2,3,4	X.CHAN DOAN A										DHCQ15
							Nguyễn Hồng Ngoan							1,2,3,4	X.CHAN DOAN A								DHCQ15
							Nguyễn Hồng Ngoan									1,2,3,4	X.CHAN DOAN A						DHCQ15
							Nguyễn Hồng Ngoan											1,2,3,4	X.CHAN DOAN A				DHCQ15
51	3DL217 DC	4	Chẩn đoán thiết bị cơ khí(222)_03_TH	21	21	TH	Nguyễn Hồng Ngoan	24/04-04/06/23	6	1,2,3,4	X.CHAN DOAN A											DHKCKCK15A1	DHCQ15
							Nguyễn Hồng Ngoan					1,2,3,4	X.CHAN DOAN A										DHCQ15
							Nguyễn Hồng Ngoan							1,2,3,4	X.CHAN DOAN A								DHCQ15
							Nguyễn Hồng Ngoan									1,2,3,4	X.CHAN DOAN A						DHCQ15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Nguyễn Hồng Ngoan											1,2,3,4	X.CHAN DOAN A				DHCQ 15
52	3DL206 DC	2	Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô(222)_01_TH_1F8	20	23	TH	Lê Văn Lương	30/01-19/02/23	3	1,2,3,4	X.CHAN DOAN B												DHCQ 14
							Lê Văn Lương					1,2,3,4	X.CHAN DOAN B										DHCQ 14
							Lê Văn Lương							1,2,3,4	X.CHAN DOAN B								DHCQ 14
							Lê Văn Lương									1,2,3,4	X.CHAN DOAN B						DHCQ 14
							Lê Văn Lương											1,2,3,4	X.CHAN DOAN B				DHCQ 14
53	3DL206 DC	2	Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô(222)_02_TH_1FD	20	22	TH	Đào TấtThắm	30/01-19/02/23	3	1,2,3,4	X.DONG CO-1B												DHCQ 14
							Đào TấtThắm					1,2,3,4	X.DONG CO-1B										DHCQ 14
							Đào TấtThắm							1,2,3,4	X.DONG CO-1B								DHCQ 14
							Đào TấtThắm									1,2,3,4	X.DONG CO-1B						DHCQ 14
							Đào TấtThắm											1,2,3,4	X.DONG CO-1B				DHCQ 14
							Nguyễn Hữu Phúc			1,2,3,4	X.CHAN DOAN B												DHCQ 14

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
54	3DL206 DC	2	Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô(222)_03_TH_10E	20	22	TH	Nguyễn Hữu Phúc	20/02-12/03/23	3			1,2,3,4	X.CHAN DOAN B										DHCQ 14
							Nguyễn Hữu Phúc							1,2,3,4	X.CHAN DOAN B								DHCQ 14
							Nguyễn Hữu Phúc									1,2,3,4	X.CHAN DOAN B						DHCQ 14
							Nguyễn Hữu Phúc											1,2,3,4	X.CHAN DOAN B				DHCQ 14
55	3DL206 DC	2	Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô(222)_04_TH_1A4	20	22	TH	Đào TấtThắm	20/02-12/03/23	3	1,2,3,4	X.DIE N OTO-1B												DHCQ 14
							Đào TấtThắm					1,2,3,4	X.DIE N OTO-1B										DHCQ 14
							Đào TấtThắm							1,2,3,4	X.DIE N OTO-1B								DHCQ 14
							Đào TấtThắm									1,2,3,4	X.DIE N OTO-1B						DHCQ 14
							Đào TấtThắm											1,2,3,4	X.DIE N OTO-1B				DHCQ 14
56	3DL206 DC	2	Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô(222)_05_TH_124	20	22	TH	Hoàng Văn Thụ	30/01-19/02/23	3	1,2,3,4	X.DIE N OTO-1B												DHCQ 14
							Hoàng Văn Thụ					1,2,3,4	X.DIE N OTO-1B										DHCQ 14
							Hoàng Văn Thụ							1,2,3,4	X.DIE N OTO-1B								DHCQ 14

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Hoàng Văn Thụ									1,2,3,4	X.DIE N OTO- 1B						DHCQ 14
							Hoàng Văn Thụ											1,2,3,4	X.DIE N OTO- 1B				DHCQ 14
57	3DL206 DC	2	Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô(222)_06_TH_1F3	20	22	TH	Đào TấtThắm	13/03-02/04/23	3	1,2,3,4	X.DIE N OTO- 1B												DHCQ 14
							Đào TấtThắm					1,2,3,4	X.DIE N OTO- 1B										DHCQ 14
							Đào TấtThắm							1,2,3,4	X.DIE N OTO- 1B								DHCQ 14
							Đào TấtThắm									1,2,3,4	X.DIE N OTO- 1B						DHCQ 14
							Đào TấtThắm											1,2,3,4	X.DIE N OTO- 1B				DHCQ 14
							Đào TấtThắm																DHCQ 14
58	3DL206 DC	2	Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô(222)_07_TH_113	20	22	TH	Đào TấtThắm	30/01-19/02/23	3	8,9,10, 11	X.CHA N DOAN A												DHCQ 14
							Đào TấtThắm					8,9,10, 11	X.CHA N DOAN A										DHCQ 14
							Đào TấtThắm							8,9,10, 11	X.CHA N DOAN A								DHCQ 14
							Đào TấtThắm									8,9,10, 11	X.CHA N DOAN A						DHCQ 14
							Đào TấtThắm											8,9,10, 11	X.CHA N DOAN A				DHCQ 14
							Đào TấtThắm																DHCQ 14

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
59	3DL206 DC	2	Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô(222)_08_TH_1FE	20	22	TH	Lê Văn Lương	30/01-19/02/23	3	8,9,10, 11	X.CHA N DOAN B												DHCQ 14
							Lê Văn Lương					8,9,10, 11	X.CHA N DOAN B										DHCQ 14
							Lê Văn Lương							8,9,10, 11	X.CHA N DOAN B								DHCQ 14
							Lê Văn Lương									8,9,10, 11	X.CHA N DOAN B						DHCQ 14
							Lê Văn Lương											8,9,10, 11	X.CHA N DOAN B				DHCQ 14
60	3DL206 DC	2	Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô(222)_09_TH_1BD	20	20	TH	Lê Văn Lương	20/02-12/03/23	3	8,9,10, 11	X.CHA N DOAN B												DHCQ 14
							Lê Văn Lương					8,9,10, 11	X.CHA N DOAN B										DHCQ 14
							Lê Văn Lương							8,9,10, 11	X.CHA N DOAN B								DHCQ 14
							Lê Văn Lương									8,9,10, 11	X.CHA N DOAN B						DHCQ 14
							Lê Văn Lương											8,9,10, 11	X.CHA N DOAN B				DHCQ 14
							Nguyễn Hữu Phúc			8,9,10, 11	X.CHA N DOAN A												DHCQ 14
							Nguyễn Hữu Phúc					8,9,10, 11	X.CHA N DOAN A										DHCQ 14

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
61	3DL206 DC	2	Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô(222)_10_TH	20	22	TH	Nguyễn Hữu Phúc	20/02-12/03/23	3					8,9,10, 11	X.CHA N DOAN A								DHCQ 14
							Nguyễn Hữu Phúc									8,9,10, 11	X.CHA N DOAN A						DHCQ 14
							Nguyễn Hữu Phúc											8,9,10, 11	X.CHA N DOAN A				DHCQ 14
62	3DL206 DC	2	Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô(222)_11_TH	20	23	TH	Đào TấtThắm	13/03-02/04/23	3	8,9,10, 11	X.CHA N DOAN A												DHCQ 14
							Đào TấtThắm					8,9,10, 11	X.CHA N DOAN A										DHCQ 14
							Đào TấtThắm							8,9,10, 11	X.CHA N DOAN A								DHCQ 14
							Đào TấtThắm									8,9,10, 11	X.CHA N DOAN A						DHCQ 14
							Đào TấtThắm											8,9,10, 11	X.CHA N DOAN A				DHCQ 14
63	3DL206 DC	2	Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô(222)_12_TH	20	22	TH	Lê Văn Lương	13/03-02/04/23	3	8,9,10, 11	X.CHA N DOAN B												DHCQ 14
							Lê Văn Lương					8,9,10, 11	X.CHA N DOAN B										DHCQ 14
							Lê Văn Lương							8,9,10, 11	X.CHA N DOAN B								DHCQ 14
							Lê Văn Lương									8,9,10, 11	X.CHA N DOAN B						DHCQ 14

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Lê Văn Lương											8,9,10,11	X.CHAN DOAN B				DHCQ 14
64	3DL148 DH	3	Chuyên đề máy và công nghệ hiện đại(222)_01	62	62	LT	Nguyễn Thanh Bình	30/01-21/05/23	16			7,8,9	A2.102									DHKCKCK15A1	DHCQ 15
65	3DL122 DH	3	Công nghệ bảo dưỡng và sửa chữa ô tô +BTL(222)_01	50	50	LT	Nguyễn VănĐại	30/01-21/05/23	16							1,2,3	A2.104					DHOTOCK15A1	DHCQ 15
66	3DL122 DH	3	Công nghệ bảo dưỡng và sửa chữa ô tô +BTL(222)_02	50	49	LT	Nguyễn VănĐại	30/01-21/05/23	16					1,2,3	A2.108							DHOTOCK15A2	DHCQ 15
67	3DL122 DH	3	Công nghệ bảo dưỡng và sửa chữa ô tô +BTL(222)_03	50	50	LT	Nguyễn VănĐại	30/01-21/05/23	16			1,2,3	A2.108									DHOTOCK15A3	DHCQ 15
68	3DL122 DH	3	Công nghệ bảo dưỡng và sửa chữa ô tô +BTL(222)_04	50	51	LT	Nguyễn VănĐại	30/01-21/05/23	16	3,4,5	A2.107											DHOTOCK15A4	DHCQ 15
69	3DL122 DH	3	Công nghệ bảo dưỡng và sửa chữa ô tô +BTL(222)_05	50	48	LT	Nguyễn VănĐại	30/01-21/05/23	16					7,8,9	A2.108							DHOTOCK15A5	DHCQ 15
70	3DL122 DH	3	Công nghệ bảo dưỡng và sửa chữa ô tô +BTL(222)_06	50	50	LT	Nguyễn VănĐại	30/01-21/05/23	16							7,8,9	A2.107					DHOTOCK15A6	DHCQ 15
71	3DL122 DH	3	Công nghệ bảo dưỡng và sửa chữa ô tô +BTL(222)_07	50	50	LT	Nguyễn VănĐại	30/01-21/05/23	16			9,10,11	A2.108									DHOTOCK15A7	DHCQ 15
72	3DL146 DC	3	Công nghệ sửa chữa thiết bị cơ khí(222)_01	62	60	LT	Nguyễn Thanh Bình	30/01-21/05/23	16	7,8,9	A2.102											DHKCKCK15A1	DHCQ 15
73	3DL147 DC	1	Đồ án Công nghệ sửa chữa thiết bị cơ khí(222)_01_DA	62	60	DA		30/01-21/05/23	16					12	A2.102							DHKCKCK15A1	DHCQ 15
74	3DL117 DH	1	Đồ án kết cấu tính toán ô tô(222)_01_DA	51	51	DA		30/01-21/05/23	16	6	A2.101											DHOTOCK15A1	DHCQ 15
75	3DL117 DH	1	Đồ án kết cấu tính toán ô tô(222)_02_DA	50	45	DA		30/01-21/05/23	16	6	A2.108											DHOTOCK15A2	DHCQ 15
76	3DL117 DH	1	Đồ án kết cấu tính toán ô tô(222)_03_DA	50	50	DA		30/01-21/05/23	16	6	A2.107											DHOTOCK15A3	DHCQ 15
77	3DL117 DH	1	Đồ án kết cấu tính toán ô tô(222)_04_DA	50	50	DA		30/01-21/05/23	16					6	A2.104							DHOTOCK15A4	DHCQ 15
78	3DL117 DH	1	Đồ án kết cấu tính toán ô tô(222)_05_DA	55	55	DA		30/01-21/05/23	16	12	A2.108											DHOTOCK15A5	DHCQ 15
79	3DL117 DH	1	Đồ án kết cấu tính toán ô tô(222)_06_DA	50	50	DA		30/01-21/05/23	16	12	A2.107											DHOTOCK15A6	DHCQ 15
80	3DL117 DH	1	Đồ án kết cấu tính toán ô tô(222)_07_DA	50	50	DA		30/01-21/05/23	16							12	A2.107					DHOTOCK15A7	DHCQ 15
81	3DL143 DH	1	Đồ án Máy công cụ(222)_01_DA	31	37	DA		26/12-30/04/23	18			6										DHKCKCK16A1	DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
82	3DL132 DH	7	Đồ án tốt nghiệp(222)_01_DA_157	36	36	DA		02/01-05/03/23	9			6	A2.103									DHOTOCK14A_1	DHCQ_14
83	3DL204 DH	7	Đồ án tốt nghiệp(222)_01_DA_192	34	30	DA		02/01-05/03/23	9			12										DHKCK14A_1	DHCQ_14
84	3DL132 DH	7	Đồ án tốt nghiệp(222)_04_DA	35	35	DA		06/03-23/04/23	7					12	A2.103							DHOTOCK14A_4	DHCQ_14
85	3DL120 DH	2	Hệ thống điều khiển động cơ(222)_01	50	49	LT	Nguyễn VănĐại	30/01-21/05/23	16								1,2	A2.104				DHOTOCK15A_1	DHCQ_15
86	3DL120 DH	2	Hệ thống điều khiển động cơ(222)_02	50	51	LT	Nguyễn VănĐại	30/01-21/05/23	16	1,2	A2.108											DHOTOCK15A_2	DHCQ_15
87	3DL120 DH	2	Hệ thống điều khiển động cơ(222)_03	50	43	LT	Nguyễn VănĐại	30/01-21/05/23	16								3,4	A2.108				DHOTOCK15A_3	DHCQ_15
88	3DL120 DH	2	Hệ thống điều khiển động cơ(222)_04	50	52	LT	Nguyễn VănĐại	30/01-21/05/23	16			4,5	A2.107									DHOTOCK15A_4	DHCQ_15
89	3DL120 DH	2	Hệ thống điều khiển động cơ(222)_05	50	52	LT	Nguyễn VănĐại	30/01-21/05/23	16			7,8	A2.108									DHOTOCK15A_5	DHCQ_15
90	3DL120 DH	2	Hệ thống điều khiển động cơ(222)_06	50	46	LT	Nguyễn VănĐại	30/01-21/05/23	16								7,8	A2.107				DHOTOCK15A_6	DHCQ_15
91	3DL120 DH	2	Hệ thống điều khiển động cơ(222)_07	50	49	LT	Nguyễn VănĐại	30/01-21/05/23	16	10,11	A2.106											DHOTOCK15A_7	DHCQ_15
92	3DL121 DH	2	Hệ thống điều khiển tự động ô tô(222)_01	60	62	LT	Nguyễn Hữu Chính	02/01-15/01/23	2								3,4,5	A2.204				DHOTOCK14A_1	DHCQ_14
							Nguyễn Hữu Chính	30/01-02/04/23	9								3,4,5	A2.204					DHCQ_14
93	3DL121 DH	2	Hệ thống điều khiển tự động ô tô(222)_02	60	62	LT	Nguyễn Hữu Chính	02/01-15/01/23	2							1,2,3	A2.204					DHOTOCK14A_2	DHCQ_14
							Nguyễn Hữu Chính	30/01-02/04/23	9							1,2,3	A2.204						DHCQ_14
94	3DL121 DH	2	Hệ thống điều khiển tự động ô tô(222)_03	60	61	LT	Nguyễn Hữu Chính	02/01-15/01/23	2	9,10,11	A2.204											DHOTOCK14A_3	DHCQ_14
							Nguyễn Hữu Chính	30/01-02/04/23	9	9,10,11	A2.204												DHCQ_14
95	3DL121 DH	2	Hệ thống điều khiển tự động ô tô(222)_04	60	60	LT	Nguyễn Hữu Chính	02/01-15/01/23	2			9,10,11	A2.204									DHOTOCK14A_4	DHCQ_14
							Nguyễn Hữu Chính	30/01-02/04/23	9			9,10,11	A2.204										DHCQ_14
96	3DL111 DH	3	Kết cấu động cơ đốt trong(222)_01_1D8	55	56	LT	Dương Xuân Mỹ	26/12-15/01/23	3	3,4,5	A2.403											DHOTOCK16A_1	DHCQ_16
							Dương Xuân Mỹ	30/01-23/04/23	12	3,4,5	A2.403												DHCQ_16
97	3DL111 DH	3	Kết cấu động cơ đốt trong(222)_02	55	56	LT	Nguyễn Hữu Chính	26/12-15/01/23	3					1,2,3	A2.311							DHOTOCK16A_2	DHCQ_16
							Nguyễn Hữu Chính	30/01-23/04/23	12					1,2,3	A2.311								DHCQ_16
98	3DL111 DH	3	Kết cấu động cơ đốt trong(222)_03	55	56	LT	Lê Khắc Bình	26/12-15/01/23	3					3,4,5	A2.411							DHOTOCK16A_3	DHCQ_16
							Lê Khắc Bình	30/01-23/04/23	12					3,4,5	A2.411								DHCQ_16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
99	3DL111 DH	3	Kết cấu động cơ đốt trong(222)_04	55	55	LT	Dương Xuân Mỹ	26/12-15/01/23	3							9,10,11	A2.403					DHOTOCK16A 4	DHCQ 16
							Dương Xuân Mỹ	30/01-23/04/23	12							9,10,11	A2.403						DHCQ 16
100	3DL111 DH	3	Kết cấu động cơ đốt trong(222)_05	55	55	LT	Nguyễn Hữu Chinh	26/12-15/01/23	3							7,8,9	A2.211					DHOTOCK16A 5	DHCQ 16
							Nguyễn Hữu Chinh	30/01-23/04/23	12							7,8,9	A2.211						DHCQ 16
101	3DL111 DH	3	Kết cấu động cơ đốt trong(222)_06	55	55	LT	Nguyễn VănĐại	26/12-15/01/23	3	7,8,9	A2.211											DHOTOCK16A 6	DHCQ 16
							Nguyễn VănĐại	30/01-23/04/23	12	7,8,9	A2.211												DHCQ 16
102	3DL111 DH	3	Kết cấu động cơ đốt trong(222)_07	55	46	LT	Nguyễn VănĐại	26/12-15/01/23	3									9,10,11	A2.203			DHOTOCK16A 7	DHCQ 16
							Nguyễn VănĐại	30/01-23/04/23	12									9,10,11	A2.203				DHCQ 16
103	3DL130 DH	2	Kiểm định và chẩn đoán kỹ thuật Ôtô(222)_01	50	50	LT	Dương Xuân Mỹ	30/01-21/05/23	16					1,2	A2.101							DHOTOCK15A 1	DHCQ 15
104	3DL130 DH	2	Kiểm định và chẩn đoán kỹ thuật Ôtô(222)_02	50	50	LT	Dương Xuân Mỹ	30/01-21/05/23	16							1,2	A2.108					DHOTOCK15A 2	DHCQ 15
105	3DL130 DH	2	Kiểm định và chẩn đoán kỹ thuật Ôtô(222)_03	50	50	LT	Dương Xuân Mỹ	30/01-21/05/23	16					3,4	A2.107							DHOTOCK15A 3	DHCQ 15
106	3DL130 DH	2	Kiểm định và chẩn đoán kỹ thuật Ôtô(222)_04	50	26	LT	Dương Xuân Mỹ	30/01-21/05/23	16									3,4	A2.107			DHOTOCK15A 4	DHCQ 15
107	3DL130 DH	2	Kiểm định và chẩn đoán kỹ thuật Ôtô(222)_05	56	47	LT	Dương Xuân Mỹ	30/01-21/05/23	16									7,8	A2.108			DHOTOCK15A 5	DHCQ 15
108	3DL130 DH	2	Kiểm định và chẩn đoán kỹ thuật Ôtô(222)_06	50	51	LT	Dương Xuân Mỹ	30/01-21/05/23	16					9,10	A2.107							DHOTOCK15A 6	DHCQ 15
109	3DL130 DH	2	Kiểm định và chẩn đoán kỹ thuật Ôtô(222)_07	50	47	LT	Dương Xuân Mỹ	30/01-21/05/23	16	8,9	A2.106											DHOTOCK15A 7	DHCQ 15
110	3DL114 DH	3	Lý thuyết ô tô(222)_01_122	55	52	LT	Dương Xuân Mỹ	26/12-15/01/23	3			3,4,5	A2.403									DHOTOCK16A 1	DHCQ 16
							Dương Xuân Mỹ	30/01-23/04/23	12			3,4,5	A2.403										DHCQ 16
111	3DL114 DH	3	Lý thuyết ô tô(222)_02	55	55	LT	Nguyễn Ngọc Tú	26/12-15/01/23	3							3,4,5	A2.309					DHOTOCK16A 2	DHCQ 16
							Nguyễn Ngọc Tú	30/01-23/04/23	12							3,4,5	A2.309						DHCQ 16
112	3DL114 DH	3	Lý thuyết ô tô(222)_03	55	55	LT	Nguyễn Ngọc Tú	26/12-15/01/23	3			3,4,5	A2.411									DHOTOCK16A 3	DHCQ 16
							Nguyễn Ngọc Tú	30/01-23/04/23	12			3,4,5	A2.411										DHCQ 16
113	3DL114 DH	3	Lý thuyết ô tô(222)_04	55	56	LT	Nguyễn Ngọc Tú	26/12-15/01/23	3									7,8,9	A2.101			DHOTOCK16A 4	DHCQ 16
							Nguyễn Ngọc Tú	30/01-23/04/23	12									7,8,9	A2.101				DHCQ 16
114	3DL114	2	Lý thuyết ô tô(222)_05	55	55	LT	Nguyễn Ngọc Tú	26/12-15/01/23	3			7,8,9	A2.310									DHOTOCK16A	DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
114	DH	3	Lý thuyết ô tô(222)_05	55	55	LT	Nguyễn Ngọc Tú	30/01-23/04/23	12			7,8,9	A2.310									5	DHCQ 16
115	3DL114 DH	3	Lý thuyết ô tô(222)_06	55	55	LT	Nguyễn Ngọc Tú	26/12-15/01/23	3					7,8,9	A2.311							DHOTOCK16A	DHCQ 16
							Nguyễn Ngọc Tú	30/01-23/04/23	12					7,8,9	A2.311							6	DHCQ 16
116	3DL114 DH	3	Lý thuyết ô tô(222)_07	55	42	LT	Nguyễn Ngọc Tú	26/12-15/01/23	3							7,8,9	A2.203					DHOTOCK16A	DHCQ 16
							Nguyễn Ngọc Tú	30/01-23/04/23	12							7,8,9	A2.203					7	DHCQ 16
117	3DL142 DH	3	Máy công cụ(222)_01	31	33	LT	Nguyễn Thanh Bình	26/12-30/04/23	18	1,2,3	A2.102											DHKCKCK16A	DHCQ 16
118	3DL110 DH	2	Nguyên lý động cơ đốt trong(222)_01	60	59	LT	Nguyễn Hữu Chính	20/02-04/06/23	15							4,5	A2.312					DHOTOCK17A	DHCQ 17
119	3DL110 DH	2	Nguyên lý động cơ đốt trong(222)_02	60	59	LT	Nguyễn Hữu Chính	20/02-04/06/23	15									1,2	A2.204			DHOTOCK17A	DHCQ 17
120	3DL110 DH	2	Nguyên lý động cơ đốt trong(222)_03	60	58	LT	Nguyễn Hữu Chính	20/02-04/06/23	15	1,2	A2.209											DHOTOCK17A	DHCQ 17
121	3DL110 DH	2	Nguyên lý động cơ đốt trong(222)_04	60	55	LT	Nguyễn Hữu Chính	20/02-04/06/23	15			7,8	A2.107									DHOTOCK17A	DHCQ 17
122	3DL110 DH	2	Nguyên lý động cơ đốt trong(222)_05	60	54	LT	Nguyễn Hữu Chính	20/02-04/06/23	15					10,11	A2.412							DHOTOCK17A	DHCQ 17
123	3DL110 DH	2	Nguyên lý động cơ đốt trong(222)_06	60	62	LT	Nguyễn Hữu Chính	20/02-04/06/23	15	7,8	A2.312											DHOTOCK17A	DHCQ 17
124	3DL126 DH	2	Ô tô sử dụng năng lượng mới(222)_01	60	60	LT	Nguyễn Hữu Chính	02/01-15/01/23	2			1,2,3	A2.204									DHOTOCK14A	DHCQ 14
							Nguyễn Hữu Chính	30/01-02/04/23	9			1,2,3	A2.204									1	DHCQ 14
125	3DL126 DH	2	Ô tô sử dụng năng lượng mới(222)_02	60	54	LT	Nguyễn Hữu Chính	02/01-15/01/23	2	3,4,5	A2.204											DHOTOCK14A	DHCQ 14
							Nguyễn Hữu Chính	30/01-02/04/23	9	3,4,5	A2.204											2	DHCQ 14
126	3DL126 DH	2	Ô tô sử dụng năng lượng mới(222)_03	60	59	LT	Nguyễn Hữu Chính	02/01-15/01/23	2					7,8,9	A2.204							DHOTOCK14A	DHCQ 14
							Nguyễn Hữu Chính	30/01-02/04/23	9					7,8,9	A2.204							3	DHCQ 14
127	3DL126 DH	2	Ô tô sử dụng năng lượng mới(222)_04	60	36	LT	Nguyễn Hữu Chính	02/01-15/01/23	2									7,8,9	A2.204			DHOTOCK14A	DHCQ 14
							Nguyễn Hữu Chính	30/01-02/04/23	9									7,8,9	A2.204			4	DHCQ 14
128	4DL102 DH	3	Quản lý Bảo trì công nghiệp(222)_01	62	63	LT	Nguyễn Thanh Bình	30/01-21/05/23	16							7,8,9	A2.102					DHKCKCK15A	DHCQ 15
							Trần Xuân Sơn			1,2,3,4	X.SC.T BCK B												DHCQ 15
							Trần Xuân Sơn					1,2,3,4	X.SC.T BCK B										DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
129	3DL218 DC	2	Sửa chữa máy có chuyển động chính là chuyển động quay(222)_01_TH	21	21	TH	Trần Xuân Sơn	20/02-12/03/23	3					1,2,3,4	X.SC.T BCK B							DHKCKCK15A 1	DHCQ 15
							Trần Xuân Sơn									1,2,3,4	X.SC.T BCK B						DHCQ 15
							Trần Xuân Sơn											1,2,3,4	X.SC.T BCK B				DHCQ 15
130	3DL218 DC	2	Sửa chữa máy có chuyển động chính là chuyển động quay(222)_02_TH	21	22	TH	Trần Xuân Sơn	30/01-19/02/23	3	1,2,3,4	X.SC.T BCK B											DHKCKCK15A 1	DHCQ 15
							Trần Xuân Sơn					1,2,3,4	X.SC.T BCK B										DHCQ 15
							Trần Xuân Sơn							1,2,3,4	X.SC.T BCK B								DHCQ 15
							Trần Xuân Sơn									1,2,3,4	X.SC.T BCK B						DHCQ 15
							Trần Xuân Sơn											1,2,3,4	X.SC.T BCK B				DHCQ 15
131	3DL218 DC	2	Sửa chữa máy có chuyển động chính là chuyển động quay(222)_03_TH	21	19	TH	Nguyễn Văn Thiêm	15/05-04/06/23	3	1,2,3,4	X.SC.T BCK B											DHKCKCK15A 1	DHCQ 15
							Nguyễn Văn Thiêm					1,2,3,4	X.SC.T BCK B										DHCQ 15
							Nguyễn Văn Thiêm							1,2,3,4	X.SC.T BCK B								DHCQ 15
							Nguyễn Văn Thiêm									1,2,3,4	X.SC.T BCK B						DHCQ 15
							Nguyễn Văn Thiêm											1,2,3,4	X.SC.T BCK B				DHCQ 15
132	3DL220 DC	2	Sửa chữa máy nâng chuyển(222)_01_TH	22	23	TH	Nguyễn Văn Hiếu	30/01-19/02/23	3	1,2,3,4	X.SC.T BCK A											DHKCKCK14A 1	DHCQ 14
							Nguyễn Văn Hiếu					1,2,3,4	X.SC.T BCK A										DHCQ 14
							Nguyễn Văn Hiếu							1,2,3,4	X.SC.T BCK A								DHCQ 14

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Nguyễn Văn Hiếu									1,2,3,4	X.SC.T BCK A						DHCQ 14
							Nguyễn Văn Hiếu											1,2,3,4	X.SC.T BCK A				DHCQ 14
133	3DL220 DC	2	Sửa chữa máy nâng chuyên(222)_02_TH	22	24	TH	Nguyễn Văn Thiêm	20/02-12/03/23	3	1,2,3,4	X.SC.T BCK A												DHCQ 14
							Nguyễn Văn Thiêm					1,2,3,4	X.SC.T BCK A										DHCQ 14
							Nguyễn Văn Thiêm							1,2,3,4	X.SC.T BCK A								DHCQ 14
							Nguyễn Văn Thiêm									1,2,3,4	X.SC.T BCK A						DHCQ 14
							Nguyễn Văn Thiêm											1,2,3,4	X.SC.T BCK A				DHCQ 14
134	3DL116 DH	2	Thiết kế tính toán ô tô(222)_01	50	52	LT	Dương Xuân Mỹ	30/01-21/05/23	16			1,2	A2.104									DHOTOCK15A 1	DHCQ 15
135	3DL116 DH	2	Thiết kế tính toán ô tô(222)_02	50	43	LT	Dương Xuân Mỹ	30/01-21/05/23	16								1,2	A2.108				DHOTOCK15A 2	DHCQ 15
136	3DL116 DH	2	Thiết kế tính toán ô tô(222)_03	50	50	LT	Dương Xuân Mỹ	30/01-21/05/23	16							3,4	A2.108					DHOTOCK15A 3	DHCQ 15
137	3DL116 DH	2	Thiết kế tính toán ô tô(222)_04	50	50	LT	Dương Xuân Mỹ	30/01-21/05/23	16	1,2	A2.105											DHOTOCK15A 4	DHCQ 15
138	3DL116 DH	2	Thiết kế tính toán ô tô(222)_05	50	52	LT	Dương Xuân Mỹ	30/01-21/05/23	16							7,8	A2.108					DHOTOCK15A 5	DHCQ 15
139	3DL116 DH	2	Thiết kế tính toán ô tô(222)_06	50	51	LT	Dương Xuân Mỹ	30/01-21/05/23	16			9,10	A2.107									DHOTOCK15A 6	DHCQ 15
140	3DL116 DH	2	Thiết kế tính toán ô tô(222)_07	50	50	LT	Dương Xuân Mỹ	30/01-21/05/23	16								9,10	A2.108				DHOTOCK15A 7	DHCQ 15
141	3DL151 DC	2	Thiết kế xưởng cơ khí(222)_01	62	59	LT	Lương Văn Chiến	30/01-21/05/23	16					7,8	A2.102							DHKCKCK15A 1	DHCQ 15
142	4DL201 DH	2	Thực tập Nguội(222)_01_TH	20	21	TH	Trần Xuân Sơn	13/03-02/04/23	3	1,2,3,4	X.NGU OI CB F												DHCQ 17
							Trần Xuân Sơn					1,2,3,4	X.NGU OI CB F										DHCQ 17
							Trần Xuân Sơn							1,2,3,4	X.NGU OI CB F								DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Trần Xuân Sơn									1,2,3,4	X.NGU OI CB F						DHCQ 17
							Trần Xuân Sơn											1,2,3,4	X.NGU OI CB F				DHCQ 17
143	4DL201 DH	2	Thực tập Nguôi(222)_02_TH	20	20	TH	Nguyễn Văn Thiêm	03/04-23/04/23	3	1,2,3,4	X.NGU OI CB F												DHCQ 17
							Nguyễn Văn Thiêm					1,2,3,4	X.NGU OI CB F										DHCQ 17
							Nguyễn Văn Thiêm							1,2,3,4	X.NGU OI CB F								DHCQ 17
							Nguyễn Văn Thiêm									1,2,3,4	X.NGU OI CB F						DHCQ 17
							Nguyễn Văn Thiêm											1,2,3,4	X.NGU OI CB F				DHCQ 17
144	4DL201 DH	2	Thực tập Nguôi(222)_03_TH	20	19	TH	Nguyễn Văn Thiêm	24/04-14/05/23	3	1,2,3,4	X.NGU OI CB F												DHCQ 17
							Nguyễn Văn Thiêm					1,2,3,4	X.NGU OI CB F										DHCQ 17
							Nguyễn Văn Thiêm							1,2,3,4	X.NGU OI CB F								DHCQ 17
							Nguyễn Văn Thiêm									1,2,3,4	X.NGU OI CB F						DHCQ 17
							Nguyễn Văn Thiêm											1,2,3,4	X.NGU OI CB F				DHCQ 17
145	4DL201 DH	2	Thực tập Nguôi(222)_05_TH	20	19	TH	Trần Xuân Sơn	24/04-14/05/23	3	1,2,3,4	X.NGU OI CB E												DHCQ 17
							Trần Xuân Sơn					1,2,3,4	X.NGU OI CB E										DHCQ 17
							Trần Xuân Sơn							1,2,3,4	X.NGU OI CB E								DHCQ 17
							Trần Xuân Sơn									1,2,3,4	X.NGU OI CB E						DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Trần Xuân Sơn											1,2,3,4	X.NGU OI CB E				DHCQ 17
146	4DL201 DH	2	Thực tập Nguội(222)_07_TH	20	20	TH	Nguyễn Văn Hiếu	20/02-12/03/23	3	8,9,10, 11	X.NGU OI CB F												DHCQ 17
							Nguyễn Văn Hiếu					8,9,10, 11	X.NGU OI CB F										DHCQ 17
							Nguyễn Văn Hiếu							8,9,10, 11	X.NGU OI CB F								DHCQ 17
							Nguyễn Văn Hiếu									8,9,10, 11	X.NGU OI CB F						DHCQ 17
							Nguyễn Văn Hiếu											8,9,10, 11	X.NGU OI CB F				DHCQ 17
147	4DL201 DH	2	Thực tập Nguội(222)_08_TH	20	20	TH	Trần Xuân Sơn	13/03-02/04/23	3	8,9,10, 11	X.NGU OI CB F												DHCQ 17
							Trần Xuân Sơn					8,9,10, 11	X.NGU OI CB F										DHCQ 17
							Trần Xuân Sơn							8,9,10, 11	X.NGU OI CB F								DHCQ 17
							Trần Xuân Sơn									8,9,10, 11	X.NGU OI CB F						DHCQ 17
							Trần Xuân Sơn											8,9,10, 11	X.NGU OI CB F				DHCQ 17
148	4DL201 DH	2	Thực tập Nguội(222)_09_TH	20	21	TH	Nguyễn Văn Hiếu	03/04-23/04/23	3	8,9,10, 11	X.NGU OI CB E												DHCQ 17
							Nguyễn Văn Hiếu					8,9,10, 11	X.NGU OI CB E										DHCQ 17
							Nguyễn Văn Hiếu							8,9,10, 11	X.NGU OI CB E								DHCQ 17
							Nguyễn Văn Hiếu									8,9,10, 11	X.NGU OI CB E						DHCQ 17
							Nguyễn Văn Hiếu											8,9,10, 11	X.NGU OI CB E				DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
149	4DL201 DH	2	Thực tập Nguội(222)_10_TH	20	22	TH	Nguyễn Hồng Ngoan	24/04-14/05/23	3	8,9,10, 11	X.NGU OI CB F												DHCQ 17
							Nguyễn Hồng Ngoan					8,9,10, 11	X.NGU OI CB F										DHCQ 17
							Nguyễn Hồng Ngoan							8,9,10, 11	X.NGU OI CB F								DHCQ 17
							Nguyễn Hồng Ngoan									8,9,10, 11	X.NGU OI CB F						DHCQ 17
							Nguyễn Hồng Ngoan											8,9,10, 11	X.NGU OI CB F				DHCQ 17
150	4DL201 DH	2	Thực tập Nguội(222)_11_TH	20	22	TH	Trần Xuân Sơn	15/05-04/06/23	3	8,9,10, 11	X.NGU OI CB E												DHCQ 17
							Trần Xuân Sơn					8,9,10, 11	X.NGU OI CB E										DHCQ 17
							Trần Xuân Sơn							8,9,10, 11	X.NGU OI CB E								DHCQ 17
							Trần Xuân Sơn									8,9,10, 11	X.NGU OI CB E						DHCQ 17
							Trần Xuân Sơn											8,9,10, 11	X.NGU OI CB E				DHCQ 17
151	4DL201 DH	2	Thực tập Nguội(222)_12_TH	20	21	TH	Nguyễn Văn Thiêm	03/04-23/04/23	3	8,9,10, 11	X.NGU OI CB F												DHCQ 17
							Nguyễn Văn Thiêm					8,9,10, 11	X.NGU OI CB F										DHCQ 17
							Nguyễn Văn Thiêm							8,9,10, 11	X.NGU OI CB F								DHCQ 17
							Nguyễn Văn Thiêm									8,9,10, 11	X.NGU OI CB F						DHCQ 17
							Nguyễn Văn Thiêm											8,9,10, 11	X.NGU OI CB F				DHCQ 17
							Nguyễn Văn Hiếu			1,2,3,4	X.NGU OI CB B												DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
152	4DL201 DH	2	Thực tập Nguội(222)_13_TH	19	22	TH	Nguyễn Văn Hiếu	13/03-02/04/23	3			1,2,3,4	X.NGU OI CB B									DHCCKCK17A1	DHCQ 17
							Nguyễn Văn Hiếu							1,2,3,4	X.NGU OI CB B								DHCQ 17
							Nguyễn Văn Hiếu									1,2,3,4	X.NGU OI CB B						DHCQ 17
							Nguyễn Văn Hiếu											1,2,3,4	X.NGU OI CB B				DHCQ 17
153	4DL201 DH	2	Thực tập Nguội(222)_14_TH	19	20	TH	Nguyễn Văn Hiếu	03/04-23/04/23	3	1,2,3,4	X.NGU OI CB B											DHCCKCK17A1	DHCQ 17
							Nguyễn Văn Hiếu					1,2,3,4	X.NGU OI CB B										DHCQ 17
							Nguyễn Văn Hiếu							1,2,3,4	X.NGU OI CB B								DHCQ 17
							Nguyễn Văn Hiếu									1,2,3,4	X.NGU OI CB B						DHCQ 17
							Nguyễn Văn Hiếu											1,2,3,4	X.NGU OI CB B				DHCQ 17
154	4DL201 DH	2	Thực tập Nguội(222)_15_TH	19	19	TH	Nguyễn Văn Hiếu	24/04-14/05/23	3	1,2,3,4	X.NGU OI CB B											DHCCKCK17A1	DHCQ 17
							Nguyễn Văn Hiếu					1,2,3,4	X.NGU OI CB B										DHCQ 17
							Nguyễn Văn Hiếu							1,2,3,4	X.NGU OI CB B								DHCQ 17
							Nguyễn Văn Hiếu									1,2,3,4	X.NGU OI CB B						DHCQ 17
							Nguyễn Văn Hiếu											1,2,3,4	X.NGU OI CB B				DHCQ 17
155	3DL133 DH	7	Tiểu luận tốt nghiệp(222)_01_DA_1B9	92	92	DA		02/01-05/03/23	9							6						DHOTOCK14A1	DHCQ 14
156	3DL205 DH	7	Tiểu luận tốt nghiệp(222)_01_DA_1BD	10	7	DA		02/01-05/03/23	9	12												DHCCKCK14A1	DHCQ 14

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
157	3DL133 DH	7	Tiểu luận tốt nghiệp(222)_04_DA	79	56	DA		06/03-23/04/23	7							12						DHOTOCK14A 4	DHCQ 14
158	3DL145 DH	2	Truyền động thủy lực khí nén(222)_01	62	64	LT	Ngô Văn Giang	30/01-21/05/23	16			1,2	A2.101									DHCTMCK15(CNC)A	DHCQ 15
159	3DL145 DH	2	Truyền động thủy lực khí nén(222)_02	62	60	LT	Ngô Văn Giang	30/01-21/05/23	16	7,8	A2.101											DHCTMCK15(CNC)B	DHCQ 15
1	3CK228 CD	2	Cắt- hàn khí(222)_01_TH	20	25	TH	Cao Xuân Lại	03/04-23/04/23	3	1,2,3,4	A.HAIN - GCAL4											CDHANCK48A 1	CDCQ 48
							Cao Xuân Lại					1,2,3,4	A.HAIN - GCAL4										CDCQ 48
							Cao Xuân Lại							1,2,3,4	A.HAIN - GCAL4								CDCQ 48
							Cao Xuân Lại									1,2,3,4	A.HAIN - GCAL4						CDCQ 48
							Cao Xuân Lại											1,2,3,4	A.HAIN - GCAL4				CDCQ 48
2	3CK228 CD	2	Cắt- hàn khí(222)_02_TH	20	27	TH		24/04-13/05/23	3	1,2,3,4	A.HAIN - GCAL4											CDHANCK48A 1	CDCQ 48
												1,2,3,4	A.HAIN - GCAL4										CDCQ 48
														1,2,3,4	A.HAIN - GCAL4								CDCQ 48
																1,2,3,4	A.HAIN - GCAL4						CDCQ 48
																		1,2,3,4	A.HAIN - GCAL4				CDCQ 48
3	3CK104 CD	2	Cơ học ứng dụng(222)_01	69	43	LT	Lê VănSinh	30/01-21/05/23	16			7,8	A2.403									Gnep: CDCTMCK48A 1	CDCQ 48
4	3CK104 CD	2	Cơ học ứng dụng(222)_04	50	38	LT	Nguyễn Hữu Ngoạn	30/01-21/05/23	16	7,8	A2.402											CDOTOCK48A 1	CDCQ 48
5	3CK104 CD	2	Cơ học ứng dụng(222)_05	50	55	LT	Lê VănSinh	30/01-21/05/23	16					1,2	A2.402							CDOTOCK48A 2	CDCQ 48
6	3CK103 CD	2	Dung sai lắp ghép và kỹ thuật đo lường(222)_07	69	58	LT	Nguyễn Bá Thuận	30/01-21/05/23	16							7,8	A2.401					Gnep: CDCTMCK48A 1	CDCQ 48
7	3CK103 CD	2	Dung sai lắp ghép và kỹ thuật đo lường(222)_10	50	55	LT	Phạm Huy Bằng	30/01-21/05/23	16	9,10	A2.402											CDOTOCK48A 1	CDCQ 48
8	3CK103 CD	2	Dung sai lắp ghép và kỹ thuật đo lường(222)_11	50	53	LT	Phạm Huy Bằng	30/01-21/05/23	16					3,4	A2.402							CDOTOCK48A 2	CDCQ 48
9	3DL212 DC	2	Hàn cơ bản(222)_01_TH	18	13	TH	Ngô Ngọc Sơn	03/04-23/04/23	3	1,2,3,4	A.HAIN - GCAL5											CDKCKCK48Z	CDCQ 48
							Ngô Ngọc Sơn					1,2,3,4	A.HAIN - GCAL5										CDCQ 48
							Ngô Ngọc Sơn							1,2,3,4	A.HAIN - GCAL5								CDCQ 48
							Ngô Ngọc Sơn									1,2,3,4	A.HAIN - GCAL5						CDCQ 48

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Ngô Ngọc Sơn											1,2,3,4	X.HAI - GCAL5				CDCQ 48
10	3CK237 CD	2	Hàn MAG nâng cao(222)_01_TH	20	12	TH	29/05-17/06/23	3	7,8,9,10	X.HAI - GCAL6													CDCQ 47
											7,8,9,10	X.HAI - GCAL6											CDCQ 47
													7,8,9,10	X.HAI - GCAL6									CDCQ 47
															7,8,9,10	X.HAI - GCAL6							CDCQ 47
																7,8,9,10	X.HAI - GCAL6						CDCQ 47
																	7,8,9,10	X.HAI - GCAL6					CDCQ 47
11	3CK238 CD	2	Hàn TIG nâng cao(222)_01_TH	20	15	TH	08/05-28/05/23	3	1,2,3,4	X.HAI - GCAL6													CDCQ 47
												1,2,3,4	X.HAI - GCAL6										CDCQ 47
													1,2,3,4	X.HAI - GCAL6									CDCQ 47
																1,2,3,4	X.HAI - GCAL6						CDCQ 47
																	1,2,3,4	X.HAI - GCAL6					CDCQ 47
																		1,2,3,4	X.HAI - GCAL6				CDCQ 47
12	3CK108 CD	3	Kỹ thuật hàn(222)_01	39	51	LT	Kiều Anh Dũng	30/01-21/05/23	16									7,8,9	A2.403			CDHANCK48A1	CDCQ 48
13	3CK205 CD	2	Phay mặt phẳng(222)_01_TH	16	17	TH	03/04-23/04/23	3	1,2,3,4	X.PHA Y1													CDCQ 48
												1,2,3,4	X.PHA Y1										CDCQ 48
													1,2,3,4	X.PHA Y1									CDCQ 48
															1,2,3,4	X.PHA Y1							CDCQ 48
																	1,2,3,4	X.PHA Y1					CDCQ 48
																							CDCQ 48
14	3CK249 CD	10	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(222)_01_TH	17	17	TH	30/01-09/04/23	10	8,9,10,11	Thực tập TN/CT													CDCQ 47
									1,2,3,4	Thực tập TN/CT													CDCQ 47
											1,2,3,4	Thực tập TN/CT											CDCQ 47
											8,9,10,11	Thực tập TN/CT											CDCQ 47
													8,9,10,11	Thực tập TN/CT									CDCQ 47
														8,9,10,11	Thực tập TN/CT								CDCQ 47
													1,2,3,4	Thực tập TN/CT									CDCQ 47

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																8,9,10, 11	Thực tập TN/CT						CDCQ 47
																1,2,3,4	Thực tập TN/CT						CDCQ 47
																		8,9,10, 11	Thực tập TN/CT				CDCQ 47
																		1,2,3,4	Thực tập TN/CT				CDCQ 47
15	3CK249 CD	10	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp(222)_02_TH_11A	6	6	TH	30/01-09/04/23	10	8,9,10, 11	Thực tập TN/CT												CDHANCK47A 1	CDCQ 47
									1,2,3,4	Thực tập TN/CT													CDCQ 47
											1,2,3,4	Thực tập TN/CT											CDCQ 47
											8,9,10, 11	Thực tập TN/CT											CDCQ 47
													1,2,3,4	Thực tập TN/CT									CDCQ 47
													8,9,10, 11	Thực tập TN/CT									CDCQ 47
															1,2,3,4	Thực tập TN/CT							CDCQ 47
															8,9,10, 11	Thực tập TN/CT							CDCQ 47
																	8,9,10, 11	Thực tập TN/CT					CDCQ 47
																	1,2,3,4	Thực tập TN/CT					CDCQ 47
																							CDCQ 47
																							CDCQ 47
16	3CK250 CD	14	Thực tập tốt nghiệp(222)_01_TH	17	17	TH	10/04-16/07/23	14	8,9,10, 11	Thực tập TN/CT												CDCTMCK47A 1	CDCQ 47
									1,2,3,4	Thực tập TN/CT													CDCQ 47
											8,9,10, 11	Thực tập TN/CT											CDCQ 47
											1,2,3,4	Thực tập TN/CT											CDCQ 47
													1,2,3,4	Thực tập TN/CT									CDCQ 47
													8,9,10, 11	Thực tập TN/CT									CDCQ 47
																1,2,3,4	Thực tập TN/CT						CDCQ 47
																8,9,10, 11	Thực tập TN/CT						CDCQ 47
																		8,9,10, 11	Thực tập TN/CT				CDCQ 47
																							CDCQ 47
																							CDCQ 47
																							CDCQ 47

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																		1,2,3,4	Thực tập TN/CT				CDCQ 47
17	3CK250 CD	14	Thực tập tốt nghiệp(222)_02_TH_13E	6	17	TH	10/04-16/07/23	14	8,9,10, 11	Thực tập TN/CT													CDCQ 47
									1,2,3,4	Thực tập TN/CT													CDCQ 47
											8,9,10, 11	Thực tập TN/CT											CDCQ 47
											1,2,3,4	Thực tập TN/CT											CDCQ 47
													1,2,3,4	Thực tập TN/CT									CDCQ 47
													8,9,10, 11	Thực tập TN/CT									CDCQ 47
															1,2,3,4	Thực tập TN/CT							CDCQ 47
																	8,9,10, 11	Thực tập TN/CT					CDCQ 47
																			1,2,3,4	Thực tập TN/CT			CDCQ 47
																							CDCQ 47
																							CDCQ 47
																							CDCQ 47
18	3CK250 CD	14	Thực tập tốt nghiệp(222)_03_TH_103	11	0	TH	30/01-07/05/23	14	8,9,10, 11	Thực tập TN/CT													CDCQ 47
									1,2,3,4	Thực tập TN/CT													CDCQ 47
											8,9,10, 11	Thực tập TN/CT											CDCQ 47
											1,2,3,4	Thực tập TN/CT											CDCQ 47
													8,9,10, 11	Thực tập TN/CT									CDCQ 47
													1,2,3,4	Thực tập TN/CT									CDCQ 47
															8,9,10, 11	Thực tập TN/CT							CDCQ 47
																	1,2,3,4	Thực tập TN/CT					CDCQ 47
																			8,9,10, 11	Thực tập TN/CT			CDCQ 47
																			1,2,3,4	Thực tập TN/CT			CDCQ 47
																							CDCQ 47
																							CDCQ 47
19	3CK101 CD	2	Vật liệu cơ khí(222)_09	25	23	LT	17/04-21/05/23	5			9,10,11	A2.402											CDCQ 48
															9,10,11	A2.402							CDCQ 48

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
20	3CK102 CD	3	Vẽ kỹ thuật (cơ khí, ô tô)(222)_01	69	60	LT	Lê Văn Sinh	30/01-21/05/23	16	7,8,9	A2.403											Ghép: CDCTMCK48A	CDCQ 48
21	3CK102 CD	3	Vẽ kỹ thuật (cơ khí, ô tô)(222)_04	50	53	LT	Trần Đình Hiếu	30/01-21/05/23	16					7,8,9	A2.402							CDOTOCK48A 1	CDCQ 48
22	3CK102 CD	3	Vẽ kỹ thuật (cơ khí, ô tô)(222)_05	50	52	LT	Trần Đình Hiếu	30/01-21/05/23	16									1,2,3	A2.403			CDOTOCK48A 2	CDCQ 48
1	3CK124 DH	3	Công nghệ chế tạo máy 2 + Đồ gá(222)_01	62	67	LT	Đậu Phi Hải	30/01-21/05/23	16							1,2,3	A2.101					DHCTMCK15(CNC)A	DHCQ 15
2	3CK124 DH	3	Công nghệ chế tạo máy 2 + Đồ gá(222)_02	62	67	LT	Nguyễn Bá Thuận	30/01-21/05/23	16			7,8,9	A2.101									DHCTMCK15(CNC)B	DHCQ 15
3	3CK137 DH	2	Điều khiển thủy khí(222)_01	61	60	LT	Ngô Văn Giang	20/02-04/06/23	15	1,2	A2.106											DHDDTCK15(DCN)A	DHCQ 15
4	3CK137 DH	2	Điều khiển thủy khí(222)_02	62	61	LT	Lưu Thủy Chung	20/02-04/06/23	15	7,8	A2.103											DHDDTCK15(DCN)B	DHCQ 15
5	3CK125 DH	1	Đồ án công nghệ chế tạo máy(222)_01_DA	62	84	DA		30/01-21/05/23	16			6	A2.101									DHCTMCK15(CNC)A	DHCQ 15
6	3CK125 DH	1	Đồ án công nghệ chế tạo máy(222)_02_DA	62	82	DA		30/01-21/05/23	16			12	A2.101									DHCTMCK15(CNC)B	DHCQ 15
7	3CK117 DH	1	Đồ án nguyên lý chi tiết máy(222)_01_DA	70	57	DA		02/01-09/04/23	14										6				DHCQ 15
8	3CK258 DH	7	Đồ án tốt nghiệp(222)_01_DA	25	23	DA		02/01-09/04/23	14			6	A2.102									DHCTMCK14A 1	DHCQ 14
9	4CK258 DH	10	Đồ án tốt nghiệp(222)_01_DA_1D2	1	1	DA		02/01-09/04/23	14										12				DHCQ 15
10	3CK258 DH	7	Đồ án tốt nghiệp(222)_02_DA	14	14	DA		02/01-09/04/23	14			12	A2.104									DHCTMCK14A 2	DHCQ 14
11	3CK103 CD	2	Dung sai lắp ghép và kỹ thuật đo lường(222)_01	60	53	LT	Phạm Huy Bằng	20/02-04/06/23	15	1,2	A2.212											DHOTOCK17A 1	DHCQ 17
12	3CK103 CD	2	Dung sai lắp ghép và kỹ thuật đo lường(222)_02	60	58	LT	Phạm Huy Bằng	20/02-04/06/23	15									3,4	A2.105			DHOTOCK17A 2	DHCQ 17
13	3CK103 CD	2	Dung sai lắp ghép và kỹ thuật đo lường(222)_03	60	60	LT	Phạm Huy Bằng	20/02-04/06/23	15					1,2	A2.211							DHOTOCK17A 3	DHCQ 17
14	3CK103 CD	2	Dung sai lắp ghép và kỹ thuật đo lường(222)_04	60	52	LT	Phạm Huy Bằng	20/02-04/06/23	15							7,8	A2.404					DHOTOCK17A 4	DHCQ 17
15	3CK103 CD	2	Dung sai lắp ghép và kỹ thuật đo lường(222)_05	60	60	LT	Phạm Huy Bằng	20/02-04/06/23	15			9,10	A2.203									DHOTOCK17A 5	DHCQ 17
16	3CK103 CD	2	Dung sai lắp ghép và kỹ thuật đo lường(222)_06	60	58	LT	Phạm Huy Bằng	20/02-04/06/23	15					7,8	A2.312							DHOTOCK17A 6	DHCQ 17
							Cao Xuân Lại			7,8,9,10	X.HAN - GCAL1												DHCQ 14
							Cao Xuân Lại					7,8,9,10	X.HAN - GCAL1										DHCQ 14

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
17	3CK230 CD	2	Hàn MAG cơ bản(222)_01_TH	18	18	TH	Cao Xuân Lại	30/01-19/02/23	3					7,8,9,10	X.HAN - GCAL1							DHCTMCK14A1	DHCQ14
							Cao Xuân Lại									7,8,9,10	X.HAN - GCAL1						DHCQ14
							Cao Xuân Lại											7,8,9,10	X.HAN - GCAL1				DHCQ14
18	3CK230 CD	2	Hàn MAG cơ bản(222)_02_TH	18	13	TH	Phạm Thanh Phú	20/02-12/03/23	3	7,8,9,10	X.HAN - GCAL1											DHCTMCK14A1	DHCQ14
							Phạm Thanh Phú					7,8,9,10	X.HAN - GCAL1										DHCQ14
							Phạm Thanh Phú							7,8,9,10	X.HAN - GCAL1								DHCQ14
							Phạm Thanh Phú									7,8,9,10	X.HAN - GCAL1						DHCQ14
							Phạm Thanh Phú											7,8,9,10	X.HAN - GCAL1				DHCQ14
19	3CK230 CD	2	Hàn MAG cơ bản(222)_03_TH	18	14	TH	Cao Xuân Lại	13/03-02/04/23	3	7,8,9,10	X.HAN - GCAL1											DHCTMCK14A1	DHCQ14
							Cao Xuân Lại					7,8,9,10	X.HAN - GCAL1										DHCQ14
							Cao Xuân Lại							7,8,9,10	X.HAN - GCAL1								DHCQ14
							Cao Xuân Lại									7,8,9,10	X.HAN - GCAL1						DHCQ14

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Cao Xuân Lại											7,8,9,10	X.HAN - GCAL1				DHCQ 14
20	3CK230 CD	2	Hàn MAG cơ bản(222)_04_TH	17	17	TH	Kiều Anh Dũng	30/01-19/02/23	3	1,2,3,4	X.HAN - GCAL1											DHCTMCK14A 2	DHCQ 14
							Kiều Anh Dũng					1,2,3,4	X.HAN - GCAL1										DHCQ 14
							Kiều Anh Dũng							1,2,3,4	X.HAN - GCAL1								DHCQ 14
							Kiều Anh Dũng									1,2,3,4	X.HAN - GCAL1						DHCQ 14
							Kiều Anh Dũng											1,2,3,4	X.HAN - GCAL1				DHCQ 14
21	3CK230 CD	2	Hàn MAG cơ bản(222)_05_TH	17	17	TH	Ngô Ngọc Sơn	20/02-12/03/23	3	1,2,3,4	X.HAN - GCAL1											DHCTMCK14A 2	DHCQ 14
							Ngô Ngọc Sơn					1,2,3,4	X.HAN - GCAL1										DHCQ 14
							Ngô Ngọc Sơn							1,2,3,4	X.HAN - GCAL1								DHCQ 14
							Ngô Ngọc Sơn									1,2,3,4	X.HAN - GCAL1						DHCQ 14
							Ngô Ngọc Sơn											1,2,3,4	X.HAN - GCAL1				DHCQ 14
							Kiều Anh Dũng			1,2,3,4	X.HAN - GCAL1												DHCQ 14

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
22	3CK230 CD	2	Hàn MAG cơ bản(222)_06_TH	17	18	TH	Kiều Anh Dũng	13/03-02/04/23	3			1,2,3,4	X.HAN - GCAL1									DHCTMCK14A 2	DHCQ 14
							Kiều Anh Dũng							1,2,3,4	X.HAN - GCAL1								DHCQ 14
							Kiều Anh Dũng									1,2,3,4	X.HAN - GCAL1						DHCQ 14
							Kiều Anh Dũng											1,2,3,4	X.HAN - GCAL1				DHCQ 14
23	3CK234 CD	2	Kiểm tra chất lượng môi hàn(222)_02_TH	18	19	TH	Cao Xuân Lại	20/02-12/03/23	3	7,8,9,10	X.HAN - GCAL2											DHCTMCK14A 1	DHCQ 14
							Cao Xuân Lại					7,8,9,10	X.HAN - GCAL2										DHCQ 14
							Cao Xuân Lại							7,8,9,10	X.HAN - GCAL2								DHCQ 14
							Cao Xuân Lại									7,8,9,10	X.HAN - GCAL2						DHCQ 14
							Cao Xuân Lại											7,8,9,10	X.HAN - GCAL2				DHCQ 14
24	3CK234 CD	2	Kiểm tra chất lượng môi hàn(222)_03_TH	18	19	TH	Phạm Thanh Phú	13/03-02/04/23	3	7,8,9,10	X.HAN - GCAL2											DHCTMCK14A 1	DHCQ 14
							Phạm Thanh Phú					7,8,9,10	X.HAN - GCAL2										DHCQ 14
							Phạm Thanh Phú							7,8,9,10	X.HAN - GCAL2								DHCQ 14

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Phạm Thanh Phú									7,8,9,10	X.HAN - GCAL2						DHCQ 14
							Phạm Thanh Phú											7,8,9,10	X.HAN - GCAL2				DHCQ 14
25	3CK234 CD	2	Kiểm tra chất lượng môi hàn(222)_05_TH	17	18	TH	Kiều Anh Dũng	20/02-12/03/23	3	1,2,3,4	X.HAN - GCAL2												DHCQ 14
							Kiều Anh Dũng					1,2,3,4	X.HAN - GCAL2										DHCQ 14
							Kiều Anh Dũng							1,2,3,4	X.HAN - GCAL2								DHCQ 14
							Kiều Anh Dũng									1,2,3,4	X.HAN - GCAL2						DHCQ 14
							Kiều Anh Dũng											1,2,3,4	X.HAN - GCAL2				DHCQ 14
26	3CK130 DH	2	Kỹ thuật đo nâng cao(222)_01	62	61	LT	Lưu Thuý Chung	30/01-21/05/23	16									1,2	A2.101			DHCTMCK15(CNC)A	DHCQ 15
27	3CK130 DH	2	Kỹ thuật đo nâng cao(222)_02	62	65	LT	Lưu Thuý Chung	30/01-21/05/23	16					7,8	A2.101							DHCTMCK15(CNC)B	DHCQ 15
28	3CK262 DH	3	Lập trình gia công trên máy CNC nâng cao(222)_01_TH	21	22	TH	Nguyễn Thanh Sơn	30/01-26/02/23	4	8,9,10,11	X.CNC												DHCQ 15
							Nguyễn Thanh Sơn					8,9,10,11	X.CNC										DHCQ 15
							Nguyễn Thanh Sơn							8,9,10,11	X.CNC								DHCQ 15
							Nguyễn Thanh Sơn									8,9,10,11	X.CNC						DHCQ 15
							Nguyễn Thanh Sơn											8,9,10,11	X.CNC				DHCQ 15
							Nguyễn Thanh Sơn	27/02-05/03/23	1	8,9,10,11	X.CNC												DHCQ 15
							Nguyễn Thanh Sơn					8,9,10,11	X.CNC										DHCQ 15
							Nguyễn Thanh Sơn							8,9	X.CNC								DHCQ 15
							Nguyễn Thanh Sơn																DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
29	3CK262 DH	3	Lập trình gia công trên máy CNC nâng cao(222)_02_TH	21	22	TH	Hoàng Xuân Lâm	27/02-05/03/23	1					10,11	X.CNC							DHCTMCK15(CNC)A	DHCQ 15
							Hoàng Xuân Lâm									8,9,10, 11	X.CNC						DHCQ 15
							Hoàng Xuân Lâm											8,9,10, 11	X.CNC				DHCQ 15
							Hoàng Xuân Lâm	06/03-02/04/23	4	8,9,10, 11	X.CNC												DHCQ 15
							Hoàng Xuân Lâm					8,9,10, 11	X.CNC										DHCQ 15
							Hoàng Xuân Lâm							8,9,10, 11	X.CNC								DHCQ 15
							Hoàng Xuân Lâm									8,9,10, 11	X.CNC						DHCQ 15
							Hoàng Xuân Lâm											8,9,10, 11	X.CNC				DHCQ 15
							Hoàng Xuân Lâm																DHCQ 15
							Hoàng Xuân Lâm																DHCQ 15
							Hoàng Xuân Lâm																DHCQ 15
30	3CK262 DH	3	Lập trình gia công trên máy CNC nâng cao(222)_03_TH	21	20	TH	Nguyễn Thanh Sơn	03/04-30/04/23	4	8,9,10, 11	X.CNC											DHCTMCK15(CNC)A	DHCQ 15
							Nguyễn Thanh Sơn					8,9,10, 11	X.CNC										DHCQ 15
							Nguyễn Thanh Sơn							8,9,10, 11	X.CNC								DHCQ 15
							Nguyễn Thanh Sơn									8,9,10, 11	X.CNC						DHCQ 15
							Nguyễn Thanh Sơn											8,9,10, 11	X.CNC				DHCQ 15
							Nguyễn Thanh Sơn	01/05-07/05/23	1	8,9,10, 11	X.CNC												DHCQ 15
							Nguyễn Thanh Sơn					8,9,10, 11	X.CNC										DHCQ 15
							Nguyễn Thanh Sơn							8,9	X.CNC								DHCQ 15
							Nguyễn Thanh Sơn																DHCQ 15
31	3CK262 DH	3	Lập trình gia công trên máy CNC nâng cao(222)_04_TH	21	19	TH	Hoàng Xuân Lâm	30/01-26/02/23	4	1,2,3,4	X.CNC											DHCTMCK15(CNC)B	DHCQ 15
							Hoàng Xuân Lâm					1,2,3,4	X.CNC										DHCQ 15
							Hoàng Xuân Lâm							1,2,3,4	X.CNC								DHCQ 15
							Hoàng Xuân Lâm									1,2,3,4	X.CNC						DHCQ 15
							Hoàng Xuân Lâm											1,2,3,4	X.CNC				DHCQ 15
							Hoàng Xuân Lâm	27/02-05/03/23	1	1,2,3,4	X.CNC												DHCQ 15
							Hoàng Xuân Lâm					1,2,3,4	X.CNC										DHCQ 15
							Hoàng Xuân Lâm							1,2	X.CNC								DHCQ 15
							Hoàng Xuân Lâm																DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
32	3CK262 DH	3	Lập trình gia công trên máy CNC nâng cao(222)_05_TH	21	19	TH	Hoàng Xuân Lâm	27/02-05/03/23	1					3,4	X.CNC							DHCTMCK15(CNC)B	DHCQ 15
							Hoàng Xuân Lâm									1,2,3,4	X.CNC						DHCQ 15
							Hoàng Xuân Lâm											1,2,3,4	X.CNC				DHCQ 15
							Hoàng Xuân Lâm	06/03-02/04/23	4	1,2,3,4	X.CNC												DHCQ 15
							Hoàng Xuân Lâm					1,2,3,4	X.CNC										DHCQ 15
							Hoàng Xuân Lâm							1,2,3,4	X.CNC								DHCQ 15
							Hoàng Xuân Lâm									1,2,3,4	X.CNC						DHCQ 15
							Hoàng Xuân Lâm											1,2,3,4	X.CNC				DHCQ 15
							Hoàng Xuân Lâm																DHCQ 15
							Hoàng Xuân Lâm																DHCQ 15
33	3CK262 DH	3	Lập trình gia công trên máy CNC nâng cao(222)_06_TH	21	19	TH	Hoàng Xuân Lâm	03/04-30/04/23	4	1,2,3,4	X.CNC											DHCTMCK15(CNC)B	DHCQ 15
							Hoàng Xuân Lâm					1,2,3,4	X.CNC										DHCQ 15
							Hoàng Xuân Lâm							1,2,3,4	X.CNC								DHCQ 15
							Hoàng Xuân Lâm									1,2,3,4	X.CNC						DHCQ 15
							Hoàng Xuân Lâm											1,2,3,4	X.CNC				DHCQ 15
							Hoàng Xuân Lâm	01/05-07/05/23	1	1,2,3,4	X.CNC												DHCQ 15
							Hoàng Xuân Lâm					1,2,3,4	X.CNC										DHCQ 15
							Hoàng Xuân Lâm							1,2	X.CNC								DHCQ 15
							Hoàng Xuân Lâm																DHCQ 15
34	3CK122 DH	3	Nguyên lý cắt và dụng cụ cắt(222)_01	44	47	LT	Lê Thái Sơn	26/12-30/04/23	18	7,8,9	A2.401											DHCTMCK16A2	DHCQ 16
35	3CK122 DH	3	Nguyên lý cắt và dụng cụ cắt(222)_02	46	44	LT	Nguyễn Bá Thuận	26/12-30/04/23	18			1,2,3	A2.402									DHCTMCK16A1	DHCQ 16
36	3CK116 DH	3	Nguyên lý chi tiết máy(222)_01	44	36	LT	Nguyễn Hữu Ngoan	26/12-30/04/23	18								7,8,9	A2.401				DHCTMCK16A2	DHCQ 16
37	3CK116 DH	3	Nguyên lý chi tiết máy(222)_02	46	46	LT	Nguyễn Hữu Ngoan	26/12-30/04/23	18	1,2,3	A2.401											DHCTMCK16A1	DHCQ 16
38	3CK116 DH	3	Nguyên lý chi tiết máy(222)_03	55	52	LT	Phạm Minh Tâm	26/12-23/04/23	17					1,2,3	A2.102							DHOTOCK16A1	DHCQ 16
39	3CK116 DH	3	Nguyên lý chi tiết máy(222)_04	55	55	LT	Phạm Minh Tâm	26/12-23/04/23	17			1,2,3	A2.102									DHOTOCK16A2	DHCQ 16
40	3CK116 DH	3	Nguyên lý chi tiết máy(222)_05	55	54	LT	Trần Đình Hiếu	26/12-23/04/23	17	1,2,3	A2.304											DHOTOCK16A3	DHCQ 16
41	3CK116 DH	3	Nguyên lý chi tiết máy(222)_06	55	54	LT	Phạm Minh Tâm	26/12-23/04/23	17					7,8,9	A2.211							DHOTOCK16A4	DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
42	3CK116 DH	3	Nguyên lý chi tiết máy(222)_07	55	50	LT	Phạm Minh Tâm	26/12-23/04/23	17									9,10,11	A2.310			DHOTOCK16A5	DHCQ16
43	3CK116 DH	3	Nguyên lý chi tiết máy(222)_08	55	55	LT	Trần Đình Hiếu	26/12-23/04/23	17							7,8,9	A2.311					DHOTOCK16A6	DHCQ16
44	3CK116 DH	3	Nguyên lý chi tiết máy(222)_09	55	53	LT	Phạm Minh Tâm	26/12-23/04/23	17	7,8,9	A2.203											DHOTOCK16A7	DHCQ16
45	3CK209 CD	2	Phay bánh răng bằng phương pháp chép hình(222)_01_TH	21	21	TH	Ngô Xuân Sơn	30/01-19/02/23	3	8,9,10,11	X.PHA Y1											DHCTMCK15(CNC)A	DHCQ15
							Ngô Xuân Sơn					8,9,10,11	X.PHA Y1										DHCQ15
							Ngô Xuân Sơn							8,9,10,11	X.PHA Y1								DHCQ15
							Ngô Xuân Sơn									8,9,10,11	X.PHA Y1						DHCQ15
							Ngô Xuân Sơn											8,9,10,11	X.PHA Y1				DHCQ15
46	3CK209 CD	2	Phay bánh răng bằng phương pháp chép hình(222)_02_TH	21	20	TH	Nguyễn Khắc Chính	20/02-12/03/23	3	8,9,10,11	X.PHA Y1											DHCTMCK15(CNC)A	DHCQ15
							Nguyễn Khắc Chính					8,9,10,11	X.PHA Y1										DHCQ15
							Nguyễn Khắc Chính							8,9,10,11	X.PHA Y1								DHCQ15
							Nguyễn Khắc Chính									8,9,10,11	X.PHA Y1						DHCQ15
							Nguyễn Khắc Chính											8,9,10,11	X.PHA Y1				DHCQ15
47	3CK209 CD	2	Phay bánh răng bằng phương pháp chép hình(222)_03_TH	21	22	TH	Nguyễn Khắc Chính	13/03-02/04/23	3	8,9,10,11	X.PHA Y1											DHCTMCK15(CNC)A	DHCQ15
							Nguyễn Khắc Chính					8,9,10,11	X.PHA Y1										DHCQ15
							Nguyễn Khắc Chính							8,9,10,11	X.PHA Y1								DHCQ15
							Nguyễn Khắc Chính									8,9,10,11	X.PHA Y1						DHCQ15
							Nguyễn Khắc Chính											8,9,10,11	X.PHA Y1				DHCQ15
48	3CK209 CD	2	Phay bánh răng bằng phương pháp chép hình(222)_04_TH	21	19	TH	Nguyễn Khắc Chính	30/01-19/02/23	3	1,2,3,4	X.PHA Y1											DHCTMCK15(CNC)B	DHCQ15
							Nguyễn Khắc Chính					1,2,3,4	X.PHA Y1										DHCQ15
							Nguyễn Khắc Chính							1,2,3,4	X.PHA Y1								DHCQ15
							Nguyễn Khắc Chính									1,2,3,4	X.PHA Y1						DHCQ15
							Nguyễn Khắc Chính											1,2,3,4	X.PHA Y1				DHCQ15
							Nguyễn Chương Đạo			1,2,3,4	X.PHA Y1												DHCQ15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
49	3CK209 CD	2	Phay bánh răng bằng phương pháp chép hình(222)_05_TH	21	17	TH	Nguyễn Chương Đạo	20/02-12/03/23	3			1,2,3,4	X.PHA Y1									DHCTMCK15(CNC)B	DHCQ 15
							Nguyễn Chương Đạo							1,2,3,4	X.PHA Y1								DHCQ 15
							Nguyễn Chương Đạo									1,2,3,4	X.PHA Y1						DHCQ 15
							Nguyễn Chương Đạo											1,2,3,4	X.PHA Y1				DHCQ 15
50	3CK209 CD	2	Phay bánh răng bằng phương pháp chép hình(222)_06_TH	21	23	TH	Nguyễn Chương Đạo	13/03-02/04/23	3	1,2,3,4	X.PHA Y1											DHCTMCK15(CNC)B	DHCQ 15
							Nguyễn Chương Đạo					1,2,3,4	X.PHA Y1										DHCQ 15
							Nguyễn Chương Đạo							1,2,3,4	X.PHA Y1								DHCQ 15
							Nguyễn Chương Đạo									1,2,3,4	X.PHA Y1						DHCQ 15
							Nguyễn Chương Đạo											1,2,3,4	X.PHA Y1				DHCQ 15
51	3CK206 CD	3	Phay rãnh, bậc, rãnh then, rãnh đuôi én, xọc rãnh then(222)_01_TH	22	21	TH	Ngô Xuân Sơn	26/12-15/01/23	3	1,2,3,4	X.PHA Y2											DHCTMCK16A 2	DHCQ 16
							Ngô Xuân Sơn					1,2,3,4	X.PHA Y2										DHCQ 16
							Ngô Xuân Sơn							1,2,3,4	X.PHA Y2								DHCQ 16
							Ngô Xuân Sơn									1,2,3,4	X.PHA Y2						DHCQ 16
							Ngô Xuân Sơn											1,2,3,4	X.PHA Y2				DHCQ 16
							Ngô Xuân Sơn	30/01-05/02/23	1					1,2,3,4	X.PHA Y2								DHCQ 16
							Ngô Xuân Sơn									1,2,3,4	X.PHA Y2						DHCQ 16
							Ngô Xuân Sơn											1,2	X.PHA Y2				DHCQ 16
							Ngô Xuân Sơn	06/02-12/02/23	1	1,2,3,4	X.PHA Y2												DHCQ 16
							Ngô Xuân Sơn					1,2,3,4	X.PHA Y2										DHCQ 16
							Ngô Xuân Sơn							1,2,3,4	X.PHA Y2								DHCQ 16
							Ngô Xuân Sơn									1,2,3,4	X.PHA Y2						DHCQ 16
							Ngô Xuân Sơn											1,2,3,4	X.PHA Y2				DHCQ 16
							Trương NguyễnHiển			1,2,3,4	X.PHA Y2												DHCQ 16
							Trương NguyễnHiển					1,2,3,4	X.PHA Y2										DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
52	3CK206 CD	3	Phay rãnh, bậc, rãnh then, rãnh đuôi én, xọc rãnh then(222)_02_TH	22	23	TH	Trương NguyễnHiển	13/02-12/03/23	4					1,2,3,4	X.PHA Y2							DHCTMCK16A 2	DHCQ 16
							Trương NguyễnHiển									1,2,3,4	X.PHA Y2						DHCQ 16
							Trương NguyễnHiển										1,2,3,4	X.PHA Y2					DHCQ 16
							Trương NguyễnHiển	13/03-19/03/23	1	1,2,3,4	X.PHA Y2												DHCQ 16
							Trương NguyễnHiển					1,2,3,4	X.PHA Y2										DHCQ 16
							Trương NguyễnHiển							1,2	X.PHA Y2								DHCQ 16
53	3CK206 CD	3	Phay rãnh, bậc, rãnh then, rãnh đuôi én, xọc rãnh then(222)_03_TH	23	23	TH	Trương NguyễnHiển	26/12-15/01/23	3	8,9,10, 11	X.PHA Y2											DHCTMCK16A 1	DHCQ 16
							Trương NguyễnHiển					8,9,10, 11	X.PHA Y2										DHCQ 16
							Trương NguyễnHiển							8,9,10, 11	X.PHA Y2								DHCQ 16
							Trương NguyễnHiển									8,9,10, 11	X.PHA Y2						DHCQ 16
							Trương NguyễnHiển										8,9,10, 11	X.PHA Y2					DHCQ 16
							Trương NguyễnHiển	30/01-05/02/23	1					8,9,10, 11	X.PHA Y2								DHCQ 16
							Trương NguyễnHiển									8,9,10, 11	X.PHA Y2						DHCQ 16
							Trương NguyễnHiển										8,9	X.PHA Y2					DHCQ 16
							Trương NguyễnHiển	06/02-12/02/23	1	8,9,10, 11	X.PHA Y2												DHCQ 16
							Trương NguyễnHiển					8,9,10, 11	X.PHA Y2										DHCQ 16
							Trương NguyễnHiển							8,9,10, 11	X.PHA Y2								DHCQ 16
							Trương NguyễnHiển									8,9,10, 11	X.PHA Y2						DHCQ 16
54	3CK206 CD	3	Phay rãnh, bậc, rãnh then, rãnh đuôi én, xọc rãnh then(222)_04_TH	23	23	TH	Nguyễn Chương Đạo	13/02-12/03/23	4	8,9,10, 11	X.PHA Y2											DHCTMCK16A 1	DHCQ 16
							Nguyễn Chương Đạo					8,9,10, 11	X.PHA Y2										DHCQ 16
							Nguyễn Chương Đạo							8,9,10, 11	X.PHA Y2								DHCQ 16
							Nguyễn Chương Đạo									8,9,10, 11	X.PHA Y2						DHCQ 16
							Nguyễn Chương Đạo											8,9,10, 11	X.PHA Y2				DHCQ 16
							Nguyễn Chương Đạo											8,9,10, 11	X.PHA Y2				DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Nguyễn Chương Đạo	13/03-19/03/23	1	8,9,10, 11	X.PHA Y2												DHCQ 16
							Nguyễn Chương Đạo					8,9,10, 11	X.PHA Y2										DHCQ 16
							Nguyễn Chương Đạo							8,9	X.PHA Y2								DHCQ 16
55	3CK113 DH	3	Sức bền vật liệu (+Thí nghiệm)(222)_01	31	37	LT	Nguyễn Chung	26/12-30/04/23	18			1,2,3	A2.301									DHKCKCK16A 1	DHCQ 16
56	3CK118 DH	1	Thí nghiệm vật liệu cơ khí(222)_01_TN	23	19	TN	Lê Phú Cường	01/05-07/05/23	1	1,2,3,4	TN.SU CBEN												DHCQ 17
							Lê Phú Cường					1,2,3,4	TN.SU CBEN										DHCQ 17
							Lê Phú Cường							1,2,3,4	TN.SU CBEN								DHCQ 17
							Lê Phú Cường									1,2,3,4	TN.SU CBEN						DHCQ 17
							Lê Phú Cường											1,2,3,4	TN.SU CBEN				DHCQ 17
							Lê Phú Cường	08/05-14/05/23	1	1,2,3,4	TN.SU CBEN												DHCQ 17
							Lê Phú Cường					1,2,3,4	TN.SU CBEN										DHCQ 17
							Lê Phú Cường							1,2	TN.SU CBEN								DHCQ 17
							Lê Phú Cường																
57	3CK118 DH	1	Thí nghiệm vật liệu cơ khí(222)_02_TN	23	22	TN	Lê Phú Cường	17/04-23/04/23	1	1,2,3,4	TN.SU CBEN												DHCQ 17
							Lê Phú Cường					1,2,3,4	TN.SU CBEN										DHCQ 17
							Lê Phú Cường							1,2,3,4	TN.SU CBEN								DHCQ 17
							Lê Phú Cường									1,2,3,4	TN.SU CBEN						DHCQ 17
							Lê Phú Cường											1,2,3,4	TN.SU CBEN				DHCQ 17
							Lê Phú Cường	24/04-30/04/23	1	1,2,3,4	TN.SU CBEN												DHCQ 17
							Lê Phú Cường					1,2,3,4	TN.SU CBEN										DHCQ 17
							Lê Phú Cường							1,2	TN.SU CBEN								DHCQ 17
							Lê Phú Cường									8,9,10, 11	P.207. A3						DHCQ 17
58	3CK118 DH	1	Thí nghiệm vật liệu cơ	22	22	TN	Phạm Thanh Phú	17/04-23/04/23	1	8,9,10, 11	P.207. A3												DHCQ 17
							Phạm Thanh Phú					8,9,10, 11	P.207. A3										DHCQ 17
							Phạm Thanh Phú							8,9,10, 11	P.207. A3								DHCQ 17
							Phạm Thanh Phú									8,9,10, 11	P.207. A3						DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa		
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học				
58	DH	1	khí(222)_03_TN	22	22	TN	Phạm Thanh Phú	24/04-30/04/23	1									8,9,10,11	P.207. A3			1	DHCQ 17		
							Phạm Thanh Phú			8,9,10,11	P.207. A3												DHCQ 17		
							Phạm Thanh Phú					8,9,10,11	P.207. A3										DHCQ 17		
							Phạm Thanh Phú							8,9	P.207. A3								DHCQ 17		
59	3CK118 DH	1	Thí nghiệm vật liệu cơ khí(222)_04_TN	22	19	TN	Phạm Thanh Phú	01/05-07/05/23	1	8,9,10,11	P.207. A3											DHCTMCK17A 1	DHCQ 17		
							Phạm Thanh Phú					8,9,10,11	P.207. A3										DHCQ 17		
							Phạm Thanh Phú							8,9,10,11	P.207. A3								DHCQ 17		
							Phạm Thanh Phú									8,9,10,11	P.207. A3						DHCQ 17		
							Phạm Thanh Phú	08/05-14/05/23	1								8,9,10,11	P.207. A3						DHCQ 17	
							Phạm Thanh Phú			8,9,10,11	P.207. A3												DHCQ 17		
							Phạm Thanh Phú																	DHCQ 17	
							Phạm Thanh Phú							8,9	P.207. A3									DHCQ 17	
60	3CK163 DH	3	Thiết kế khuôn, mẫu trên máy tính(222)_01	62	65	LT	Lương Hải Chung	30/01-21/05/23	16	1,2,3	A2.101										DHCTMCK15(CNC)A	DHCQ 15			
61	3CK163 DH	3	Thiết kế khuôn, mẫu trên máy tính(222)_02	62	60	LT	La Ngọc Tuấn	30/01-21/05/23	16							7,8,9	A2.101				DHCTMCK15(CNC)B	DHCQ 15			
62	3CK208 CD	2	Tiện ren vuông, ren thang(222)_01_TH	18	17	TH	Đậu Tấn Cường	30/01-19/02/23	3	7,8,9,10	X.TIE N3A											DHCTMCK14A 1	DHCQ 14		
							Đậu Tấn Cường					7,8,9,10	X.TIE N3A											DHCQ 14	
							Đậu Tấn Cường							7,8,9,10	X.TIE N3A									DHCQ 14	
							Đậu Tấn Cường									7,8,9,10	X.TIE N3A							DHCQ 14	
							Đậu Tấn Cường											7,8,9,10	X.TIE N3A						DHCQ 14
63	3CK208 CD	2	Tiện ren vuông, ren thang(222)_02_TH	18	12	TH	Mai Tất Lợi	20/02-12/03/23	3	7,8,9,10	X.TIE N3A											DHCTMCK14A 1	DHCQ 14		
							Mai Tất Lợi					7,8,9,10	X.TIE N3A												DHCQ 14
							Mai Tất Lợi							7,8,9,10	X.TIE N3A										DHCQ 14
							Mai Tất Lợi									7,8,9,10	X.TIE N3A								DHCQ 14
							Mai Tất Lợi											7,8,9,10	X.TIE N3A						

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
64	3CK208 CD	2	Tiện ren vuông, ren thang(222)_03_TH	18	13	TH	Đậu Tấn Cường	13/03-02/04/23	3	7,8,9,10	X.TIE N3A											DHCTMCK14A1	DHCQ 14
							Đậu Tấn Cường					7,8,9,10	X.TIE N3A										DHCQ 14
							Đậu Tấn Cường							7,8,9,10	X.TIE N3A								DHCQ 14
							Đậu Tấn Cường									7,8,9,10	X.TIE N3A						DHCQ 14
							Đậu Tấn Cường											7,8,9,10	X.TIE N3A				DHCQ 14
65	3CK208 CD	2	Tiện ren vuông, ren thang(222)_04_TH	17	17	TH	Trần Văn Giang	30/01-19/02/23	3	1,2,3,4	X.TIE N3A											DHCTMCK14A2	DHCQ 14
							Trần Văn Giang					1,2,3,4	X.TIE N3A										DHCQ 14
							Trần Văn Giang							1,2,3,4	X.TIE N3A								DHCQ 14
							Trần Văn Giang									1,2,3,4	X.TIE N3A						DHCQ 14
							Trần Văn Giang											1,2,3,4	X.TIE N3A				DHCQ 14
66	3CK208 CD	2	Tiện ren vuông, ren thang(222)_05_TH	17	15	TH	Mai Tất Lợi	20/02-12/03/23	3	1,2,3,4	X.TIE N3A											DHCTMCK14A2	DHCQ 14
							Mai Tất Lợi					1,2,3,4	X.TIE N3A										DHCQ 14
							Mai Tất Lợi							1,2,3,4	X.TIE N3A								DHCQ 14
							Mai Tất Lợi									1,2,3,4	X.TIE N3A						DHCQ 14
							Mai Tất Lợi											1,2,3,4	X.TIE N3A				DHCQ 14
67	3CK208 CD	2	Tiện ren vuông, ren thang(222)_06_TH	17	17	TH	Trần Văn Giang	13/03-02/04/23	3	1,2,3,4	X.TIE N3A											DHCTMCK14A2	DHCQ 14
							Trần Văn Giang					1,2,3,4	X.TIE N3A										DHCQ 14
							Trần Văn Giang							1,2,3,4	X.TIE N3A								DHCQ 14
							Trần Văn Giang									1,2,3,4	X.TIE N3A						DHCQ 14
							Trần Văn Giang											1,2,3,4	X.TIE N3A				DHCQ 14
68	3CK208 CD	2	Tiện ren vuông, ren thang(222)_07_TH	21	22	TH	Đậu Tấn Cường	03/04-23/04/23	3	8,9,10,11	X.TIE N3A											DHCTMCK15(CNC)A	DHCQ 15
							Đậu Tấn Cường					8,9,10,11	X.TIE N3A										DHCQ 15
							Đậu Tấn Cường							8,9,10,11	X.TIE N3A								DHCQ 15
							Đậu Tấn Cường									8,9,10,11	X.TIE N3A						DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Đậu Tấn Cương											8,9,10, 11	X.TIE N3A				DHCQ 15
69	3CK208 CD	2	Tiện ren vuông, ren thang(222)_08_TH	21	22	TH	Đậu Tấn Cương	24/04-14/05/23	3	8,9,10, 11	X.TIE N3A												DHCQ 15
							Đậu Tấn Cương					8,9,10, 11	X.TIE N3A										DHCQ 15
							Đậu Tấn Cương							8,9,10, 11	X.TIE N3A								DHCQ 15
							Đậu Tấn Cương									8,9,10, 11	X.TIE N3A						DHCQ 15
							Đậu Tấn Cương											8,9,10, 11	X.TIE N3A				DHCQ 15
							Đậu Tấn Cương											8,9,10, 11	X.TIE N3A				DHCQ 15
70	3CK208 CD	2	Tiện ren vuông, ren thang(222)_09_TH	21	21	TH	Trần Văn Giang	15/05-04/06/23	3	8,9,10, 11	X.TIE N3A												DHCQ 15
							Trần Văn Giang					8,9,10, 11	X.TIE N3A										DHCQ 15
							Trần Văn Giang							8,9,10, 11	X.TIE N3A								DHCQ 15
							Trần Văn Giang									8,9,10, 11	X.TIE N3A						DHCQ 15
							Trần Văn Giang											8,9,10, 11	X.TIE N3A				DHCQ 15
							Trần Văn Giang																DHCQ 15
71	3CK208 CD	2	Tiện ren vuông, ren thang(222)_10_TH	21	22	TH	Trần Văn Giang	03/04-23/04/23	3	1,2,3,4	X.TIE N3A												DHCQ 15
							Trần Văn Giang					1,2,3,4	X.TIE N3A										DHCQ 15
							Trần Văn Giang							1,2,3,4	X.TIE N3A								DHCQ 15
							Trần Văn Giang									1,2,3,4	X.TIE N3A						DHCQ 15
							Trần Văn Giang											1,2,3,4	X.TIE N3A				DHCQ 15
							Trần Văn Giang																DHCQ 15
72	3CK208 CD	2	Tiện ren vuông, ren thang(222)_11_TH	21	21	TH	Mai Tất Lợi	24/04-14/05/23	3	1,2,3,4	X.TIE N3A												DHCQ 15
							Mai Tất Lợi					1,2,3,4	X.TIE N3A										DHCQ 15
							Mai Tất Lợi							1,2,3,4	X.TIE N3A								DHCQ 15
							Mai Tất Lợi									1,2,3,4	X.TIE N3A						DHCQ 15
							Mai Tất Lợi											1,2,3,4	X.TIE N3A				DHCQ 15
							Mai Tất Lợi																DHCQ 15
73	3CK208 CD	2	Tiện ren vuông, ren thang(222)_12_TH	21	22	TH	Mai Tất Lợi	15/05-04/06/23	3	1,2,3,4	X.TIE N3A												DHCQ 15
							Mai Tất Lợi					1,2,3,4	X.TIE N3A										DHCQ 15
							Mai Tất Lợi							1,2,3,4	X.TIE N3A								DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Mai Tất Lợi									1,2,3,4	X.TIE N3A						DHCQ 15
							Mai Tất Lợi											1,2,3,4	X.TIE N3A				DHCQ 15
74	3CK203 CD	2	Tiện trụ tron, trụ bậc(222)_01_TH	22	18	TH	Trần Văn Giang	15/05-04/06/23	3	1,2,3,4	X.TIE N1												DHCQ 17
							Trần Văn Giang					1,2,3,4	X.TIE N1										DHCQ 17
							Trần Văn Giang							1,2,3,4	X.TIE N1								DHCQ 17
							Trần Văn Giang									1,2,3,4	X.TIE N1						DHCQ 17
							Trần Văn Giang											1,2,3,4	X.TIE N1				DHCQ 17
75	3CK203 CD	2	Tiện trụ tron, trụ bậc(222)_02_TH	22	22	TH	Mai Tất Lợi	13/03-02/04/23	3	1,2,3,4	X.TIE N1												DHCQ 17
							Mai Tất Lợi					1,2,3,4	X.TIE N1										DHCQ 17
							Mai Tất Lợi							1,2,3,4	X.TIE N1								DHCQ 17
							Mai Tất Lợi									1,2,3,4	X.TIE N1						DHCQ 17
							Mai Tất Lợi											1,2,3,4	X.TIE N1				DHCQ 17
76	3CK203 CD	2	Tiện trụ tron, trụ bậc(222)_03_TH	22	22	TH	Trần Văn Giang	13/03-02/04/23	3	8,9,10, 11	X.TIE N3B												DHCQ 17
							Trần Văn Giang					8,9,10, 11	X.TIE N3B										DHCQ 17
							Trần Văn Giang							8,9,10, 11	X.TIE N3B								DHCQ 17
							Trần Văn Giang									8,9,10, 11	X.TIE N3B						DHCQ 17
							Trần Văn Giang											8,9,10, 11	X.TIE N3B				DHCQ 17
77	3CK203 CD	2	Tiện trụ tron, trụ bậc(222)_04_TH	22	17	TH	Đậu Tấn Cường	15/05-04/06/23	3	8,9,10, 11	X.TIE N3B												DHCQ 17
							Đậu Tấn Cường					8,9,10, 11	X.TIE N3B										DHCQ 17
							Đậu Tấn Cường							8,9,10, 11	X.TIE N3B								DHCQ 17
							Đậu Tấn Cường									8,9,10, 11	X.TIE N3B						DHCQ 17
							Đậu Tấn Cường											8,9,10, 11	X.TIE N3B				DHCQ 17
78	3CK259 DH	7	Tiểu luận tốt nghiệp(222)_01_DA	25	24	DA		02/01-09/04/23	14	6	A2.102											DHCTMCK14A 1	DHCQ 14
79	3CK259 DH	7	Tiểu luận tốt nghiệp(222)_02_DA	31	31	DA		02/01-09/04/23	14	12	A2.106											DHCTMCK14A 2	DHCQ 14

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
80	3CK101 CD	2	Vật liệu cơ khí(222)_01	60	60	LT	Lương Văn Chiến	20/02-04/06/23	15							1,2	A2.211					DHOTOCK17A 2	DHCQ 17
81	3CK101 CD	2	Vật liệu cơ khí(222)_02	60	60	LT	Lương Văn Chiến	20/02-04/06/23	15									3,4	A2.402			DHOTOCK17A 3	DHCQ 17
82	3CK101 CD	2	Vật liệu cơ khí(222)_03	60	48	LT	Lương Văn Chiến	20/02-04/06/23	15					9,10	A2.106							DHOTOCK17A 4	DHCQ 17
83	3CK101 CD	2	Vật liệu cơ khí(222)_04	60	51	LT	Lương Văn Chiến	20/02-04/06/23	15	7,8	A2.503											DHOTOCK17A 5	DHCQ 17
84	3CK101 CD	2	Vật liệu cơ khí(222)_05	60	61	LT	Lương Văn Chiến	20/02-04/06/23	15									7,8	A2.102			DHOTOCK17A 6	DHCQ 17
85	3CK101 CD	2	Vật liệu cơ khí(222)_06	44	45	LT	Kiều Anh Dũng	20/02-04/06/23	15							7,8	A2.210					DHCTMCK17A 2	DHCQ 17
86	3CK101 CD	2	Vật liệu cơ khí(222)_07	44	50	LT	Lê Văn Sinh	20/02-04/06/23	15			1,2	A2.210									DHCTMCK17A 1	DHCQ 17
87	3CK101 CD	2	Vật liệu cơ khí(222)_08	55	30	LT	Phạm Huy Bằng	20/02-11/06/23	16	7,8	A2.304											DHKCKCK17A 1	DHCQ 17
88	3CK168 DH	2	Vật liệu phi kim loại(222)_01	44	41	LT	La Ngọc Tuấn	26/12-30/04/23	18			7,8	A2.401									DHCTMCK16A 2	DHCQ 16
89	3CK168 DH	2	Vật liệu phi kim loại(222)_02	46	45	LT	La Ngọc Tuấn	26/12-30/04/23	18									1,2	A2.401			DHCTMCK16A 1	DHCQ 16
90	4CK180 DH	2	Vẽ kỹ thuật chuyên ngành cơ khí(222)_01	44	39	LT	Lê Phú Cường	20/02-04/06/23	15	7,8	A2.210											DHCTMCK17A 2	DHCQ 17
91	4CK180 DH	2	Vẽ kỹ thuật chuyên ngành cơ khí(222)_02	44	49	LT		20/02-04/06/23	15	1,2	A2.210											DHCTMCK17A 1	DHCQ 17
92	4CK180 DH	2	Vẽ kỹ thuật chuyên ngành cơ khí(222)_03	55	31	LT	Trần Đình Hiếu	20/02-11/06/23	16									7,8	A2.210			DHKCKCK17A 1	DHCQ 17
1	2TQ001 DC	3	Giáo dục QP-AN 1(222)_01	55	54	LT	Nguyễn Văn Luyện	26/12-01/01/23	1	7,8,9,1 0,11	A2.108												DHCQ 16
												7,8,9,1 0,11	A2.108										DHCQ 16
							Nguyễn Văn Luyện							7,8,9,1 0,11	A2.108								DHCQ 16
							Nguyễn Văn Luyện									7,8,9,1 0,11	A2.108						DHCQ 16
							Nguyễn Văn Luyện											7,8,9,1 0,11	A2.108				DHCQ 16
							Nguyễn Văn Luyện	02/01-08/01/23	1	7,8,9,1 0,11	A2.108												DHCQ 16
												7,8,9,1 0,11	A2.108										DHCQ 16
							Nguyễn Văn Luyện							7,8,9,1 0,11	A2.108								DHCQ 16
							Nguyễn Văn Luyện									7,8,9,1 0,11	A2.108						DHCQ 16
										7,8,9,1 0,11	A2.106												DHCQ 16
							Lê Anh Thơ					7,8,9,1 0,11	A2.106										DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa				
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học						
2	2TQ001 DC	3	Giáo dục QP-AN 1(222)_03	55	55	LT	Lê Anh Thơ	26/12-01/01/23	1					7,8,9,10,11	A2.106								DHCQ 16				
							Lê Anh Thơ								7,8,9,10,11	A2.106								DHCQ 16			
							Lê Anh Thơ									7,8,9,10,11	A2.106							DHCQ 16			
								02/01-08/01/23	1	7,8,9,10,11	A2.106													DHCQ 16			
							Lê Anh Thơ					7,8,9,10,11	A2.106											DHCQ 16			
							Lê Anh Thơ						7,8,9,10,11	A2.106										DHCQ 16			
							Lê Anh Thơ								7,8,9,10,11	A2.106									DHCQ 16		
							Lê Anh Thơ								7,8,9,10,11	A2.106									DHCQ 16		
3	2TQ001 DC	3	Giáo dục QP-AN 1(222)_05	55	55	LT		26/12-01/01/23	1	1,2,3,4,5	A2.211												DHCQ 16				
							Hoàng Công Minh					1,2,3,4,5	A2.211													DHCQ 16	
							Hoàng Công Minh							1,2,3,4,5	A2.211											DHCQ 16	
							Hoàng Công Minh								1,2,3,4,5	A2.211										DHCQ 16	
																1,2,3,4,5	A2.211									DHCQ 16	
								02/01-08/01/23	1	1,2,3,4,5	A2.211																DHCQ 16
							Hoàng Công Minh					1,2,3,4,5	A2.211														DHCQ 16
							Hoàng Công Minh							1,2,3,4,5	A2.211												DHCQ 16
Hoàng Công Minh						1,2,3,4,5	A2.211												DHCQ 16								
4	2TQ001 DC	3	Giáo dục QP-AN 1(222)_06	55	55	LT	Lê Anh Thơ	26/12-01/01/23	1	1,2,3,4,5	A2.203												DHCQ 16				
												1,2,3,4,5	A2.203													DHCQ 16	
														1,2,3,4,5	A2.203											DHCQ 16	
							Lê Anh Thơ								1,2,3,4,5	A2.203											DHCQ 16
							Lê Anh Thơ											1,2,3,4,5	A2.203								DHCQ 16
							Lê Anh Thơ	02/01-08/01/23	1	1,2,3,4,5	A2.203																DHCQ 16
												1,2,3,4,5	A2.203														DHCQ 16
														1,2,3,4,5	A2.203												DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Lê Anh Thơ									1,2,3,4,5	A2.203						DHCQ 16
5	2TQ001 DC	3	Giáo dục QP-AN 1(222)_07	55	55	LT	Phan Văn Thám	26/12-01/01/23	1	1,2,3,4,5	A2.106												DHCQ 16
							Phan Văn Thám					1,2,3,4,5	A2.106										DHCQ 16
							Phan Văn Thám							1,2,3,4,5	A2.106								DHCQ 16
							Phan Văn Thám									1,2,3,4,5	A2.106						DHCQ 16
							Phan Văn Thám											1,2,3,4,5	A2.106				DHCQ 16
							Phan Văn Thám	02/01-08/01/23	1	1,2,3,4,5	A2.106												DHCQ 16
							Phan Văn Thám					1,2,3,4,5	A2.106										DHCQ 16
							Phan Văn Thám							1,2,3,4,5	A2.106								DHCQ 16
							Phan Văn Thám									1,2,3,4,5	A2.106						DHCQ 16
							Phan Văn Thám																DHCQ 16
6	2TQ001 DC	3	Giáo dục QP-AN 1(222)_08	55	55	LT	Nguyễn Xuân Trường	26/12-01/01/23	1	1,2,3,4,5	A2.107												DHCQ 16
												1,2,3,4,5	A2.107										DHCQ 16
							Nguyễn Xuân Trường							1,2,3,4,5	A2.107								DHCQ 16
																1,2,3,4,5	A2.107						DHCQ 16
							Nguyễn Xuân Trường											1,2,3,4,5	A2.107				DHCQ 16
							Nguyễn Xuân Trường	02/01-08/01/23	1	1,2,3,4,5	A2.107												DHCQ 16
												1,2,3,4,5	A2.107										DHCQ 16
							Nguyễn Xuân Trường							1,2,3,4,5	A2.107								DHCQ 16
																1,2,3,4,5	A2.107						DHCQ 16
																							DHCQ 16
7	2TQ001 DC	3	Giáo dục QP-AN 1(222)_09	55	54	LT		22/05-28/05/23	1	7,8,9,10,11	A2.403												DHCQ 16
												7,8,9,10,11	A2.403										DHCQ 16
														7,8,9,10,11	A2.403								DHCQ 16
																7,8,9,10,11	A2.403						DHCQ 16
																		7,8,9,10,11	A2.403				DHCQ 16
																				7,8,9,10,11	A2.403		DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
								29/05-04/06/23	1	7,8,9,1 0,11	A2.403												DHCQ 16
												7,8,9,1 0,11	A2.403										DHCQ 16
														7,8,9,1 0,11	A2.403								DHCQ 16
																7,8,9,1 0,11	A2.403						DHCQ 16
8	2TQ001 DC	3	Giáo dục QP-AN 1(222)_10	55	55	LT		22/05-28/05/23	1	1,2,3,4, 5	A2.403												DHCQ 16
												1,2,3,4, 5	A2.403										DHCQ 16
														1,2,3,4, 5	A2.403								DHCQ 16
																1,2,3,4, 5	A2.403						DHCQ 16
																		1,2,3,4, 5	A2.403				DHCQ 16
								29/05-04/06/23	1	1,2,3,4, 5	A2.403												DHCQ 16
												1,2,3,4, 5	A2.403										DHCQ 16
														1,2,3,4, 5	A2.403								DHCQ 16
																1,2,3,4, 5	A2.403						DHCQ 16
9	2TQ001 DC	3	Giáo dục QP-AN 1(222)_11	55	51	LT		22/05-28/05/23	1	7,8,9,1 0,11	A2.401												DHCQ 16
												7,8,9,1 0,11	A2.401										DHCQ 16
														7,8,9,1 0,11	A2.401								DHCQ 16
																7,8,9,1 0,11	A2.401						DHCQ 16
																		7,8,9,1 0,11	A2.401				DHCQ 16
								29/05-04/06/23	1	7,8,9,1 0,11	A2.401												DHCQ 16
												7,8,9,1 0,11	A2.401										DHCQ 16
														7,8,9,1 0,11	A2.401								DHCQ 16
																7,8,9,1 0,11	A2.401						DHCQ 16
										7,8,9,1 0,11	A2.409 (QPMC)												DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
10	2TQ001 DC	3	Giáo dục QP-AN 1(222)_13	55	35	LT		22/05-28/05/23	1			7,8,9,1 0,11	A2.409 (QPMC)										DHCQ 16
														7,8,9,1 0,11	A2.409 (QPMC)								DHCQ 16
																7,8,9,1 0,11	A2.409 (QPMC)						DHCQ 16
																		7,8,9,1 0,11	A2.409 (QPMC)				DHCQ 16
								29/05-04/06/23	1	7,8,9,1 0,11	A2.409 (QPMC)												DHCQ 16
												7,8,9,1 0,11	A2.409 (QPMC)										DHCQ 16
														7,8,9,1 0,11	A2.409 (QPMC)								DHCQ 16
																7,8,9,1 0,11	A2.409 (QPMC)						DHCQ 16
11	2TQ001 DC	3	Giáo dục QP-AN 1(222)_14	55	55	LT		22/05-28/05/23	1	1,2,3,4, 5	A2.410 (QPMC)												DHCQ 16
												1,2,3,4, 5	A2.410 (QPMC)										DHCQ 16
														1,2,3,4, 5	A2.410 (QPMC)								DHCQ 16
																1,2,3,4, 5	A2.410 (QPMC)						DHCQ 16
								29/05-04/06/23	1									1,2,3,4, 5	A2.410 (QPMC)				DHCQ 16
										1,2,3,4, 5	A2.410 (QPMC)												DHCQ 16
												1,2,3,4, 5	A2.410 (QPMC)										DHCQ 16
														1,2,3,4, 5	A2.410 (QPMC)								DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																1,2,3,4,5	A2.410 (QPMC)						DHCQ 16
12	2TQ001 DC	3	Giáo dục QP-AN 1(222)_15	55	56	LT		22/05-28/05/23	1	1,2,3,4,5	A2.409 (QPMC)												DHCQ 16
												1,2,3,4,5	A2.409 (QPMC)										DHCQ 16
														1,2,3,4,5	A2.409 (QPMC)								DHCQ 16
																1,2,3,4,5	A2.409 (QPMC)						DHCQ 16
								29/05-04/06/23	1									1,2,3,4,5	A2.409 (QPMC)				DHCQ 16
										1,2,3,4,5	A2.409 (QPMC)												DHCQ 16
												1,2,3,4,5	A2.409 (QPMC)										DHCQ 16
														1,2,3,4,5	A2.409 (QPMC)								DHCQ 16
13	2TQ001 DC	3	Giáo dục QP-AN 1(222)_16	55	55	LT		22/05-28/05/23	1	1,2,3,4,5	A2.404												DHCQ 16
												1,2,3,4,5	A2.404										DHCQ 16
														1,2,3,4,5	A2.404								DHCQ 16
																1,2,3,4,5	A2.404						DHCQ 16
								29/05-04/06/23	1									1,2,3,4,5	A2.404				DHCQ 16
										1,2,3,4,5	A2.404												DHCQ 16
												1,2,3,4,5	A2.404										DHCQ 16
														1,2,3,4,5	A2.404								DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
14	2TQ001 DC	3	Giáo dục QP-AN 1(222)_17	55	55	LT		22/05-28/05/23	1	1,2,3,4,5	A2.401												DHCQ 16
												1,2,3,4,5	A2.401										DHCQ 16
														1,2,3,4,5	A2.401								DHCQ 16
																1,2,3,4,5	A2.401						DHCQ 16
																		1,2,3,4,5	A2.401				DHCQ 16
								29/05-04/06/23	1	1,2,3,4,5	A2.401												DHCQ 16
												1,2,3,4,5	A2.401										DHCQ 16
														1,2,3,4,5	A2.401								DHCQ 16
																1,2,3,4,5	A2.401						DHCQ 16
																1,2,3,4,5	A2.401						DHCQ 16
15	2TQ001 DC	3	Giáo dục QP-AN 1(222)_18	55	40	LT		22/05-28/05/23	1	7,8,9,10,11	A2.410 (QPMC)												DHCQ 16
												7,8,9,10,11	A2.410 (QPMC)										DHCQ 16
														7,8,9,10,11	A2.410 (QPMC)								DHCQ 16
																7,8,9,10,11	A2.410 (QPMC)						DHCQ 16
																		7,8,9,10,11	A2.410 (QPMC)				DHCQ 16
								29/05-04/06/23	1	1,2,3,4,5	A2.402												DHCQ 16
												1,2,3,4,5	A2.402										DHCQ 16
														1,2,3,4,5	A2.402								DHCQ 16
																1,2,3,4,5	A2.402						DHCQ 16
																							DHCQ 16
16	2TQ002 DC	2	Giáo dục QP-AN 2(222)_03	55	55	LT	Nguyễn Văn Luyện	09/01-15/01/23	1	7,8,9,10,11	A2.107												DHCQ 16
												7,8,9,10,11	A2.107										DHCQ 16
							Nguyễn Văn Luyện							7,8,9,10,11	A2.107								DHCQ 16
							Nguyễn Văn Luyện									7,8,9,10,11	A2.107						DHCQ 16

30

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
20	DC	2	Giáo dục QP-AN 2(222)_07	55	50	LT	Hoàng Công Minh	09/01-15/01/23	1							1,2,3,4,5	A2.410 (QPMC)						DHCQ 16
																		1,2,3,4,5	A2.410 (QPMC)				DHCQ 16
							Hoàng Công Minh													1,2,3,4,5	A2.410 (QPMC)		DHCQ 16
21	2TQ002 DC	2	Giáo dục QP-AN 2(222)_08	55	55	LT	Phan Văn Thám	09/01-15/01/23	1	1,2,3,4,5	A2.107												DHCQ 16
							Phan Văn Thám					1,2,3,4,5	A2.107										DHCQ 16
							Phan Văn Thám							1,2,3,4,5	A2.107								DHCQ 16
							Phan Văn Thám									1,2,3,4,5	A2.107						DHCQ 16
							Phan Văn Thám											1,2,3,4,5	A2.107				DHCQ 16
							Phan Văn Thám													1,2,3,4,5	A2.107		DHCQ 16
22	2TQ002 DC	2	Giáo dục QP-AN 2(222)_09	55	55	LT		05/06-11/06/23	1	7,8,9,10,11	A2.403												DHCQ 16
												7,8,9,10,11	A2.403										DHCQ 16
														7,8,9,10,11	A2.403								DHCQ 16
																7,8,9,10,11	A2.403						DHCQ 16
																		7,8,9,10,11	A2.403				DHCQ 16
																				7,8,9,10,11	A2.403		DHCQ 16
23	2TQ002 DC	2	Giáo dục QP-AN 2(222)_10	55	39	LT		05/06-11/06/23	1	7,8,9,10,11	A2.410 (QPMC)												DHCQ 16
												7,8,9,10,11	A2.410 (QPMC)										DHCQ 16
														7,8,9,10,11	A2.410 (QPMC)								DHCQ 16
																7,8,9,10,11	A2.410 (QPMC)						DHCQ 16
																		7,8,9,10,11	A2.410 (QPMC)				DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																				7,8,9,10,11	A2.410 (QPM C)		DHCQ 16
24	2TQ002 DC	2	Giáo dục QP-AN 2(222)_11	55	56	LT	05/06-11/06/23	1	7,8,9,10,11	A2.401													DHCQ 16
											7,8,9,10,11	A2.401											DHCQ 16
													7,8,9,10,11	A2.401									DHCQ 16
															7,8,9,10,11	A2.401							DHCQ 16
																7,8,9,10,11	A2.401						DHCQ 16
																	7,8,9,10,11	A2.401					DHCQ 16
																		7,8,9,10,11	A2.401				DHCQ 16
25	2TQ002 DC	2	Giáo dục QP-AN 2(222)_12	55	38	LT	05/06-11/06/23	1	7,8,9,10,11	A2.402													DHCQ 16
											7,8,9,10,11	A2.402											DHCQ 16
													7,8,9,10,11	A2.402									DHCQ 16
															7,8,9,10,11	A2.402							DHCQ 16
																7,8,9,10,11	A2.402						DHCQ 16
																	7,8,9,10,11	A2.402					DHCQ 16
																		7,8,9,10,11	A2.402				DHCQ 16
26	2TQ002 DC	2	Giáo dục QP-AN 2(222)_14	55	55	LT	05/06-11/06/23	1	1,2,3,4,5	A2.410 (QPMC)													DHCQ 16
												1,2,3,4,5	A2.410 (QPMC)										DHCQ 16
													1,2,3,4,5	A2.410 (QPMC)									DHCQ 16
															1,2,3,4,5	A2.410 (QPMC)							DHCQ 16
																1,2,3,4,5	A2.410 (QPMC)						DHCQ 16
																	1,2,3,4,5	A2.410 (QPMC)					DHCQ 16
																		1,2,3,4,5	A2.410 (QPM C)				DHCQ 16
									1,2,3,4,5	A2.403													DHCQ 16
												1,2,3,4,5	A2.403										DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
27	2TQ002 DC	2	Giáo dục QP-AN 2(222)_15	55	56	LT		05/06-11/06/23	1					1,2,3,4,5	A2.403								DHCQ 16
																1,2,3,4,5	A2.403						DHCQ 16
																		1,2,3,4,5	A2.403				DHCQ 16
																				1,2,3,4,5	A2.403		DHCQ 16
28	2TQ002 DC	2	Giáo dục QP-AN 2(222)_16	55	55	LT		05/06-11/06/23	1	1,2,3,4,5	A2.402												DHCQ 16
												1,2,3,4,5	A2.402										DHCQ 16
														1,2,3,4,5	A2.402								DHCQ 16
																1,2,3,4,5	A2.402						DHCQ 16
																		1,2,3,4,5	A2.402				DHCQ 16
																				1,2,3,4,5	A2.402		DHCQ 16
29	2TQ002 DC	2	Giáo dục QP-AN 2(222)_17	55	55	LT		05/06-11/06/23	1	1,2,3,4,5	A2.401												DHCQ 16
												1,2,3,4,5	A2.401										DHCQ 16
														1,2,3,4,5	A2.401								DHCQ 16
																1,2,3,4,5	A2.401						DHCQ 16
																		1,2,3,4,5	A2.401				DHCQ 16
																				1,2,3,4,5	A2.401		DHCQ 16
30	2TQ002 DC	2	Giáo dục QP-AN 2(222)_18	55	55	LT		05/06-11/06/23	1	1,2,3,4,5	A2.409 (QPMC)												DHCQ 16
												1,2,3,4,5	A2.409 (QPMC)										DHCQ 16
														1,2,3,4,5	A2.409 (QPMC)								DHCQ 16
																1,2,3,4,5	A2.409 (QPMC)						DHCQ 16
																		1,2,3,4,5	A2.409 (QPMC)				DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																				1,2,3,4,5	A2.409 (QPM C)		DHCQ 16
31	3TQ203 DC	1	Giáo dục QP-AN 3 (Quân sự chung)(222)_03_TH	55	48	TH	Nguyễn Văn Luyện	30/01-05/02/23	1	7,8,9,10,11	A2.209												DHCQ 16
							Nguyễn Văn Luyện					7,8,9,10,11	A2.209										DHCQ 16
							Nguyễn Văn Luyện							7,8,9,10,11	A2.209								DHCQ 16
							Nguyễn Văn Luyện									7,8,9,10,11	A2.209						DHCQ 16
							Nguyễn Văn Luyện											7,8,9,10,11	A2.209				DHCQ 16
							Nguyễn Văn Luyện													7,8,9,10,11	A2.209		DHCQ 16
32	3TQ203 DC	1	Giáo dục QP-AN 3 (Quân sự chung)(222)_04_TH	55	32	TH	Nguyễn Xuân Trường	30/01-05/02/23	1	7,8,9,10,11	A2.210												DHCQ 16
							Nguyễn Xuân Trường					7,8,9,10,11	A2.210										DHCQ 16
							Nguyễn Xuân Trường							7,8,9,10,11	A2.210								DHCQ 16
							Nguyễn Xuân Trường									7,8,9,10,11	A2.210						DHCQ 16
							Nguyễn Xuân Trường											7,8,9,10,11	A2.210				DHCQ 16
							Nguyễn Xuân Trường													7,8,9,10,11	A2.210		DHCQ 16
33	3TQ203 DC	1	Giáo dục QP-AN 3 (Quân sự chung)(222)_05_TH	55	51	TH	Phan Văn Thám	30/01-05/02/23	1	1,2,3,4,5	A2.410 (QPMC)												DHCQ 16
							Phan Văn Thám					1,2,3,4,5	A2.410 (QPMC)										DHCQ 16
							Phan Văn Thám							1,2,3,4,5	A2.410 (QPMC)								DHCQ 16
							Phan Văn Thám									1,2,3,4,5	A2.410 (QPMC)						DHCQ 16
							Phan Văn Thám											1,2,3,4,5	A2.410 (QPMC)				DHCQ 16
							Phan Văn Thám													1,2,3,4,5	A2.410 (QPM C)		DHCQ 16
							Lê Anh Thơ			1,2,3,4,5	A2.409 (QPMC)												DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
34	3TQ203 DC	1	Giáo dục QP-AN 3 (Quân sự chung)(222)_06_TH	55	44	TH	Lê Anh Thơ	30/01-05/02/23	1			1,2,3,4,5	A2.409 (QPMC)										DHCQ 16
							Lê Anh Thơ							1,2,3,4,5	A2.409 (QPMC)								DHCQ 16
							Lê Anh Thơ									1,2,3,4,5	A2.409 (QPMC)						DHCQ 16
							Lê Anh Thơ											1,2,3,4,5	A2.409 (QPMC)				DHCQ 16
							Lê Anh Thơ													1,2,3,4,5	A2.409 (QPMC)		DHCQ 16
35	3TQ203 DC	1	Giáo dục QP-AN 3 (Quân sự chung)(222)_07_TH	55	50	TH	Hoàng Công Minh	30/01-05/02/23	1	1,2,3,4,5	A2.209												DHCQ 16
							Hoàng Công Minh					1,2,3,4,5	A2.209										DHCQ 16
							Hoàng Công Minh							1,2,3,4,5	A2.209								DHCQ 16
							Hoàng Công Minh									1,2,3,4,5	A2.209						DHCQ 16
							Hoàng Công Minh											1,2,3,4,5	A2.209				DHCQ 16
							Hoàng Công Minh													1,2,3,4,5	A2.209		DHCQ 16
36	3TQ203 DC	1	Giáo dục QP-AN 3 (Quân sự chung)(222)_08_TH	55	49	TH	Nguyễn Công Thắng	30/01-05/02/23	1	1,2,3,4,5	A2.210												DHCQ 16
							Nguyễn Công Thắng					1,2,3,4,5	A2.210										DHCQ 16
							Nguyễn Công Thắng							1,2,3,4,5	A2.210								DHCQ 16
							Nguyễn Công Thắng									1,2,3,4,5	A2.210						DHCQ 16
							Nguyễn Công Thắng											1,2,3,4,5	A2.210				DHCQ 16
							Nguyễn Công Thắng													1,2,3,4,5	A2.210		DHCQ 16
37	3TQ203 DC	1	Giáo dục QP-AN 3 (Quân sự chung)(222)_09_TH	55	55	TH	Nguyễn Xuân Trường	30/01-05/02/23	1	1,2,3,4,5	A2.310												DHCQ 16
							Nguyễn Xuân Trường					1,2,3,4,5	A2.310										DHCQ 16
							Nguyễn Xuân Trường							1,2,3,4,5	A2.310								DHCQ 16
							Nguyễn Xuân Trường									1,2,3,4,5	A2.310						DHCQ 16
							Nguyễn Xuân Trường											1,2,3,4,5	A2.310				DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Nguyễn Xuân Trường													1,2,3,4,5	A2.310		DHCQ 16
38	3TQ203 DC	1	Giáo dục QP-AN 3 (Quân sự chung)(222)_10_TH	55	58	TH	12/06-18/06/23	1	7,8,9,10,11	A2.403													DHCQ 16
											7,8,9,10,11	A2.403											DHCQ 16
													7,8,9,10,11	A2.403									DHCQ 16
															7,8,9,10,11	A2.403							DHCQ 16
																	7,8,9,10,11	A2.403					DHCQ 16
																			7,8,9,10,11	A2.403			DHCQ 16
39	3TQ203 DC	1	Giáo dục QP-AN 3 (Quân sự chung)(222)_11_TH	55	56	TH	12/06-18/06/23	1	7,8,9,10,11	A2.401													DHCQ 16
											7,8,9,10,11	A2.401											DHCQ 16
													7,8,9,10,11	A2.401									DHCQ 16
															7,8,9,10,11	A2.401							DHCQ 16
																	7,8,9,10,11	A2.401					DHCQ 16
																			7,8,9,10,11	A2.401			DHCQ 16
40	3TQ203 DC	1	Giáo dục QP-AN 3 (Quân sự chung)(222)_13_TH	55	56	TH	12/06-18/06/23	1	7,8,9,10,11	A2.402													DHCQ 16
											7,8,9,10,11	A2.402											DHCQ 16
													7,8,9,10,11	A2.402									DHCQ 16
															7,8,9,10,11	A2.402							DHCQ 16
																	7,8,9,10,11	A2.402					DHCQ 16
																			7,8,9,10,11	A2.402			DHCQ 16
41	3TQ203 DC	1	Giáo dục QP-AN 3 (Quân sự chung)(222)_15_TH	55	56	TH	12/06-18/06/23	1	1,2,3,4,5	A2.403													DHCQ 16
											1,2,3,4,5	A2.403											DHCQ 16
													1,2,3,4,5	A2.403									DHCQ 16
															1,2,3,4,5	A2.403							DHCQ 16
																	1,2,3,4,5	A2.403					DHCQ 16
																			1,2,3,4,5	A2.403			DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																				1,2,3,4,5	A2.403		DHCQ 16
42	3TQ203 DC	1	Giáo dục QP-AN 3 (Quân sự chung)(222)_16_TH	55	57	TH	12/06-18/06/23	1	1,2,3,4,5	A2.402													DHCQ 16
												1,2,3,4,5	A2.402										DHCQ 16
														1,2,3,4,5	A2.402								DHCQ 16
																1,2,3,4,5	A2.402						DHCQ 16
																	1,2,3,4,5	A2.402					DHCQ 16
																			1,2,3,4,5	A2.402			DHCQ 16
43	3TQ203 DC	1	Giáo dục QP-AN 3 (Quân sự chung)(222)_17_TH	55	56	TH	12/06-18/06/23	1	1,2,3,4,5	A2.410 (QPMC)													DHCQ 16
												1,2,3,4,5	A2.410 (QPMC)										DHCQ 16
														1,2,3,4,5	A2.410 (QPMC)								DHCQ 16
																1,2,3,4,5	A2.410 (QPMC)						DHCQ 16
																	1,2,3,4,5	A2.410 (QPMC)					DHCQ 16
																			1,2,3,4,5	A2.410 (QPMC)			DHCQ 16
44	3TQ203 DC	1	Giáo dục QP-AN 3 (Quân sự chung)(222)_18_TH	55	57	TH	12/06-18/06/23	1	1,2,3,4,5	A2.409 (QPMC)													DHCQ 16
												1,2,3,4,5	A2.409 (QPMC)										DHCQ 16
														1,2,3,4,5	A2.409 (QPMC)								DHCQ 16
																1,2,3,4,5	A2.409 (QPMC)						DHCQ 16
																	1,2,3,4,5	A2.409 (QPMC)					DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																				1,2,3,4,5	A2.409 (QPM C)		DHCQ 16
45	3TQ203 DC	1	Giáo dục QP-AN 3 (Quân sự chung)(222)_19_TH	55	56	TH		12/06-18/06/23	1	1,2,3,4,5	A2.401												DHCQ 16
												1,2,3,4,5	A2.401										DHCQ 16
														1,2,3,4,5	A2.401								DHCQ 16
																1,2,3,4,5	A2.401						DHCQ 16
																		1,2,3,4,5	A2.401				DHCQ 16
																				1,2,3,4,5	A2.401		DHCQ 16
46	3TQ204 DC	2	Giáo dục QP-AN 4 (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật)(222)_04_TH	55	56	TH	Nguyễn Công Thắng	06/02-19/02/23	2	7,8,9,10,11	SVD2												DHCQ 16
							Nguyễn Công Thắng					7,8,9,10,11	SVD2										DHCQ 16
							Nguyễn Công Thắng							7,8,9,10,11	SVD2								DHCQ 16
							Nguyễn Công Thắng									7,8,9,10,11	SVD2						DHCQ 16
							Nguyễn Công Thắng											7,8,9,10,11	SVD2				DHCQ 16
							Nguyễn Công Thắng													7,8,9,10,11	SVD2		DHCQ 16
47	3TQ204 DC	2	Giáo dục QP-AN 4 (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật)(222)_05_TH	55	55	TH	Lê Anh Thơ	06/02-19/02/23	2	1,2,3,4,5	SVD6												DHCQ 16
							Lê Anh Thơ					1,2,3,4,5	SVD6										DHCQ 16
							Lê Anh Thơ							1,2,3,4,5	SVD6								DHCQ 16
							Lê Anh Thơ									1,2,3,4,5	SVD6						DHCQ 16
							Lê Anh Thơ											1,2,3,4,5	SVD6				DHCQ 16
							Lê Anh Thơ													1,2,3,4,5	SVD6		DHCQ 16
48	3TQ204 DC	2	Giáo dục QP-AN 4 (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật)(222)_06_TH	55	48	TH	Hoàng Công Minh	06/02-19/02/23	2	1,2,3,4,5	SVD.7												DHCQ 16
							Hoàng Công Minh					1,2,3,4,5	SVD.7										DHCQ 16
							Hoàng Công Minh							1,2,3,4,5	SVD.7								DHCQ 16
							Hoàng Công Minh									1,2,3,4,5	SVD.7						DHCQ 16
							Hoàng Công Minh											1,2,3,4,5	SVD.7				DHCQ 16
							Hoàng Công Minh													1,2,3,4,5	SVD.7		DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Hoàng Công Minh													1,2,3,4,5	SVĐ.7		DHCQ 16
49	3TQ204 DC	2	Giáo dục QP-AN 4 (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật)(222)_07_TH	55	55	TH	Nguyễn Xuân Trường	06/02-19/02/23	2	1,2,3,4,5	SVĐ1												DHCQ 16
							Nguyễn Xuân Trường					1,2,3,4,5	SVĐ1										DHCQ 16
							Nguyễn Xuân Trường							1,2,3,4,5	SVĐ1								DHCQ 16
							Nguyễn Xuân Trường									1,2,3,4,5	SVĐ1						DHCQ 16
							Nguyễn Xuân Trường											1,2,3,4,5	SVĐ1				DHCQ 16
							Nguyễn Xuân Trường													1,2,3,4,5	SVĐ1		DHCQ 16
							Nguyễn Xuân Trường																DHCQ 16
50	3TQ204 DC	2	Giáo dục QP-AN 4 (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật)(222)_08_TH	55	51	TH	Nguyễn Công Thắng	06/02-19/02/23	2	1,2,3,4,5	SVĐ2												DHCQ 16
							Nguyễn Công Thắng					1,2,3,4,5	SVĐ2										DHCQ 16
							Nguyễn Công Thắng							1,2,3,4,5	SVĐ2								DHCQ 16
							Nguyễn Công Thắng									1,2,3,4,5	SVĐ2						DHCQ 16
							Nguyễn Công Thắng											1,2,3,4,5	SVĐ2				DHCQ 16
							Nguyễn Công Thắng													1,2,3,4,5	SVĐ2		DHCQ 16
							Nguyễn Công Thắng																DHCQ 16
51	3TQ204 DC	2	Giáo dục QP-AN 4 (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật)(222)_09_TH	55	55	TH	Phan Văn Thám	06/02-19/02/23	2	1,2,3,4,5	SVĐ3												DHCQ 16
							Phan Văn Thám					1,2,3,4,5	SVĐ3										DHCQ 16
							Phan Văn Thám							1,2,3,4,5	SVĐ3								DHCQ 16
							Phan Văn Thám									1,2,3,4,5	SVĐ3						DHCQ 16
							Phan Văn Thám											1,2,3,4,5	SVĐ3				DHCQ 16
							Phan Văn Thám													1,2,3,4,5	SVĐ3		DHCQ 16
							Phan Văn Thám																DHCQ 16
52	3TQ204 DC	2	Giáo dục QP-AN 4 (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật)(222)_10_TH	55	55	TH		19/06-02/07/23	2	7,8,9,10,11	SVD6												DHCQ 16
												7,8,9,10,11	SVD6										DHCQ 16
														7,8,9,10,11	SVD6								DHCQ 16
																7,8,9,10,11	SVD6						DHCQ 16
																		7,8,9,10,11	SVD6				DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																				7,8,9,10,11	SVD6		DHCQ 16
53	3TQ204 DC	2	Giáo dục QP-AN 4 (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật)(222)_11_TH	55	55	TH	19/06-02/07/23	2	7,8,9,10,11	SVD.7													DHCQ 16
											7,8,9,10,11	SVD.7											DHCQ 16
													7,8,9,10,11	SVD.7									DHCQ 16
															7,8,9,10,11	SVD.7							DHCQ 16
																	7,8,9,10,11	SVD.7					DHCQ 16
																			7,8,9,10,11	SVD.7			DHCQ 16
54	3TQ204 DC	2	Giáo dục QP-AN 4 (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật)(222)_12_TH	55	57	TH	19/06-02/07/23	2	7,8,9,10,11	SVD4													DHCQ 16
											7,8,9,10,11	SVD4											DHCQ 16
													7,8,9,10,11	SVD4									DHCQ 16
															7,8,9,10,11	SVD4							DHCQ 16
																	7,8,9,10,11	SVD4					DHCQ 16
																			7,8,9,10,11	SVD4			DHCQ 16
55	3TQ204 DC	2	Giáo dục QP-AN 4 (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật)(222)_15_TH	55	56	TH	19/06-02/07/23	2	1,2,3,4,5	SVD5													DHCQ 16
											1,2,3,4,5	SVD5											DHCQ 16
													1,2,3,4,5	SVD5									DHCQ 16
															1,2,3,4,5	SVD5							DHCQ 16
																	1,2,3,4,5	SVD5					DHCQ 16
																			1,2,3,4,5	SVD5			DHCQ 16
56	3TQ204 DC	2	Giáo dục QP-AN 4 (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật)(222)_16_TH	55	58	TH	19/06-02/07/23	2	1,2,3,4,5	SVD.7													DHCQ 16
											1,2,3,4,5	SVD.7											DHCQ 16
													1,2,3,4,5	SVD.7									DHCQ 16
															1,2,3,4,5	SVD.7							DHCQ 16
																	1,2,3,4,5	SVD.7					DHCQ 16
																							DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																				1,2,3,4,5	SVD.7		DHCQ 16
57	3TQ204 DC	2	Giáo dục QP-AN 4 (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật)(222)_17_TH	55	56	TH	19/06-02/07/23	2	1,2,3,4,5	SVD6													DHCQ 16
												1,2,3,4,5	SVD6										DHCQ 16
														1,2,3,4,5	SVD6								DHCQ 16
																1,2,3,4,5	SVD6						DHCQ 16
																		1,2,3,4,5	SVD6				DHCQ 16
																				1,2,3,4,5	SVD6		DHCQ 16
58	3TQ204 DC	2	Giáo dục QP-AN 4 (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật)(222)_18_TH	55	55	TH	19/06-02/07/23	2	1,2,3,4,5	SVD2													DHCQ 16
												1,2,3,4,5	SVD2										DHCQ 16
														1,2,3,4,5	SVD2								DHCQ 16
																1,2,3,4,5	SVD2						DHCQ 16
																		1,2,3,4,5	SVD2				DHCQ 16
																				1,2,3,4,5	SVD2		DHCQ 16
59	3TQ204 DC	2	Giáo dục QP-AN 4 (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật)(222)_19_TH	55	56	TH	19/06-02/07/23	2	1,2,3,4,5	SVD4													DHCQ 16
												1,2,3,4,5	SVD4										DHCQ 16
														1,2,3,4,5	SVD4								DHCQ 16
																1,2,3,4,5	SVD4						DHCQ 16
																		1,2,3,4,5	SVD4				DHCQ 16
																				1,2,3,4,5	SVD4		DHCQ 16
60	4TQ012 DC	1	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 1)(222) 01	55	56	TH	Phan Văn Thám	20/02-07/05/23	11					1,2,3	SVD.7							DHCTMCK17A 1	DHCQ 17
61	4TQ012 DC	1	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 1)(222) 01 TH	60	60	TH	Nguyễn Văn Luyện	20/02-07/05/23	11					9,10,11	SVD2							DHTDHCK17A 3	DHCQ 17
62	4TQ012 DC	1	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 1)(222) 02_TH	60	60	TH	Lê Anh Thơ	20/02-07/05/23	11			9,10,11	SVD2									DHDDTCK17A 2	DHCQ 17

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
63	4TQ012 DC	1	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 1)(222)_03_TH	42	51	TH	Hoàng Công Minh	20/02-07/05/23	11			9,10,11	SVĐ1									Ghép: DHDTVCCK17A 1 + DHKTMCK17 A1 + DHKTOCK17A 1 + DHQTKCK17A 1	DHCQ 17
64	4TQ012 DC	1	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 1)(222)_04_TH	60	58	TH	Nguyễn Đình Tuấn	20/02-07/05/23	11			1,2,3	SVĐ1									DHOTOCK17A 2	DHCQ 17
65	4TQ012 DC	1	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 1)(222)_05_TH	64	59	TH	Nguyễn Xuân Trường	20/02-07/05/23	11							1,2,3	SVĐ2					DHOTOCK17A 3	DHCQ 17
66	4TQ012 DC	1	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 1)(222)_06_TH	68	68	TH	Nguyễn Xuân Trường	20/02-07/05/23	11									9,10,11	SVĐ4			DHOTOCK17A 4	DHCQ 17
67	4TQ012 DC	1	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 1)(222)_07_TH	69	39	TH	Nguyễn Văn Luyện	20/02-07/05/23	11											9,10,11	SVĐ.7	DHOTOCK17A 6	DHCQ 17
68	4TQ012 DC	1	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 1)(222)_08_TH	60	58	TH	Nguyễn Đình Tuấn	20/02-07/05/23	11							1,2,3	SVĐ1					DHTDHCK17A 2	DHCQ 17
69	4TQ012 DC	1	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 1)(222)_09_TH	47	30	TH	Lê Anh Thơ	20/02-07/05/23	11											9,10,11	SVĐ4	DHOTOCK17A 6	DHCQ 17
70	4TQ010 DC	1	Giáo dục thể chất 2 (Điện kinh 2)(222)_02_TH	55	37	TH	Hoàng Công Minh	20/02-07/05/23	11					9,10,11	SVĐ3							DHTDHCK17A 4	DHCQ 17
71	4TQ010 DC	1	Giáo dục thể chất 2 (Điện kinh 2)(222)_03_TH	50	50	TH	Phan Văn Thám	20/02-07/05/23	11			9,10,11	SVĐ.7									DHCTMCK17A 2	DHCQ 17
72	4TQ010 DC	1	Giáo dục thể chất 2 (Điện kinh 2)(222)_04_TH	60	31	TH	Nguyễn Xuân Trường	20/02-07/05/23	11			1,2,3	SVĐ2									DHTDHCK17A 1	DHCQ 17
73	4TQ010 DC	1	Giáo dục thể chất 2 (Điện kinh 2)(222)_05_TH	65	57	TH	Lê Anh Thơ	20/02-07/05/23	11							1,2,3	SVĐ.7					DHCTTCK17A 2	DHCQ 17
74	4TQ010 DC	1	Giáo dục thể chất 2 (Điện kinh 2)(222)_06_TH	69	50	TH	Nguyễn Đình Tuấn	20/02-07/05/23	11									9,10,11	SVĐ.7			DHCTTCK17A 1	DHCQ 17
75	4TQ010 DC	1	Giáo dục thể chất 2 (Điện kinh 2)(222)_07_TH	69	52	TH	Nguyễn Văn Luyện	20/02-07/05/23	11									9,10,11	SVD6			DHOTOCK17A 5	DHCQ 17
76	4TQ010 DC	1	Giáo dục thể chất 2 (Điện kinh 2)(222)_08_TH	61	35	TH	Phan Văn Thám	20/02-07/05/23	11											9,10,11	SVĐ1	DHDDTCK17A 1	DHCQ 17
77	4TQ010 DC	1	Giáo dục thể chất 2 (Điện kinh 2)(222)_09_TH	68	68	TH	Hoàng Công Minh	20/02-07/05/23	11											1,2,3	SVĐ1	DHDDTCK17A 3	DHCQ 17

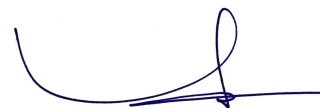
Nghệ An, ngày 22 tháng 11 năm 2022

Người lập TKB



Trần Ngọc Trường

Phó phòng Đào tạo



Phạm Văn Thông